

**XIN LƯU Ý :** Vì nhiều vấn - đề kỹ - thuật, trong ba bốn số đầu tạp - chí có thể ra trễ 4 hay 5 hôm, nhưng vẫn ra đều mỗi tháng 2 kỳ. Xin bạn đọc thông cảm cho.

ĐA TẠ

**XIN CÁC BẠN LƯU Ý**

- ★ Bài vở, tranh ảnh để in bìa, và tất cả thư từ thuộc về tòa soạn, xin gửi thẳng đến **Ông Giám-đọc tạp chí PHỔ THÔNG.**
- ★ Tạp chí gửi đến các bạn ở xa mà bị thất-lạc, hoặc nhận trễ, **xin biên thư rõ-ràng** cho chúng tôi biết, để chuyển-đat thư khiếu-nại lên sở Bưu-điện và **tiện việc điều tra.**

Đa tạ

**PHỔ THÔNG** tạp chí

**ĐỒI PHỔ-THÔNG CŨ, LẤY PHỔ-THÔNG MỚI**

Bạn nào còn giữ **Phổ-Thông** cũ, Bộ I và II, các số sau đây :

**1, 2, 3, 4, 5, , , 8, 9, 10, , 12, 13, , 15**  
và muốn đổi lấy **Phổ-Thông** mới, xin gửi về tòa soạn (cần phải nguyên vẹn, đừng mất bìa hoặc các trang ruột) một quyền **Phổ-Thông** cũ đổi lấy một quyền **Phổ Thông** mới.

Thành thực cảm ơn các bạn.

NGUYỄN-VỸ

Tất cả thư-từ đều gửi :

**Ô NGUYỄN-VỸ**

Giám-đọc Chủ Bút tạp-chí **PHỔ-THÔNG**  
227, Phạm ngũ-Lão — SAIGON

**Tổng phát hành : Nam-Cường 185, Nguyễn-thái-Học — Saigon**

In tại Nhà in **TÔN-THẮT-LỄ, 42-46, đường Pasteur, Saigon**  
Kiểm-duyet số 93 ngày 16-12-58



Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ. T. Saigon 558

**BỘ MỚI SỐ 5 ✨ 15-1-1959**

	Số trang
1.— <i>Mâu thuẫn của Bộ Quốc Gia Giáo dục . . . . .</i>	Nguyễn-Vỹ 5 — 6
2.— <i>Quan niệm ái tình trong văn thơ Anh . . . . .</i>	Ngọc.Hoa 7 — 11
3.— <i>Con nhện, người khách trọ bí mật . . .</i>	Nguyễn-Trần.Giang 12 — 16
4.— <i>Một cuộc gặp gỡ kỳ thú :</i>	
<i>Lý-Bạch, Mạnh-Tử và Françoise Sagan .</i>	Trần-Tường-Niệm 17 — 20
5.— <i>Non nước miền Nam . . . . .</i>	Thái-văn-Kiểm 21 — 26
6.— <i>Người V.N. có mấy giọng cười? . . .</i>	Vương-Hồng-Sền 27 — 34
7.— <i>Byron . . . . .</i>	Tạ.Ký 35 — 38
8.— <i>Mình ơi ! . . . . .</i>	Cô Diệu-Huyền 39 — 43
9.— <i>Nguyên tử và phân tử . . . . .</i>	Nguyễn-Công-An 44 — 48
10.— <i>Những thủy tổ của các nghề thủ công V.N. . .</i>	Hoàng-Lan 49 — 53
11.— <i>Sâu lữ thứ (thơ) . . . . .</i>	Nhật-Thủy 54
12.— <i>Đuôi bắt cái nón . . . . .</i>	Nguyễn-Hiến-Lê 55 — 58
13.— <i>Ngữ học . . . . .</i>	Lê ngọc Trụ 59 — 60
14.— <i>Vé số đặc . . . . .</i>	Cô Bạch-Yến 61 — 63

		Số trang
15.— Phụ nữ thê dục . . . . .	Cô Tuyết-Anh	64 — 66
16.— Con Mèo . . . . .	Hoàng-Thắng	67 — 69
17.— Gia chánh . . . . .	Bà Thường-Lạc	70
18.— Đọc thơ của Pasternak . . . . .	Phạm, Công-Thiện	71 — 75
19.— Giữa dòng thế kỷ . . . . .	Đoàn Ngọc	76
20.— Ánh đèn (truyện dài) . . . . .	Vi Huyền Đắc	77 — 81
21.— Cái lương đã được 41 tuổi. . . . .	Nguyễn Ang-Ca	82 — 84
22.— Tôi làm phim . . . . .	Thái Thúc Điển	85 — 89
23.— Giới thiệu V.N.S.T.N.H.Đ. . . . .	Lâm-Vị-Thủy	90 — 93
24.— Kiên Trinh . . . . .	Cô Vân-Nga	94 — 98
25.— Những người đời trước . . . . .	Nguyễn Thu Minh	99 — 103
26.— Giới thiệu sách, báo mới . . . . .	Hồ-Thị Lý	104—105
27.— Người làm vườn của bà B. Shaw . . . . .	Quốc-Bảo	106
28.— Nhờ các bạn trả lời giùm . . . . .	Cô Diệu-Huyền	107
29.— Đáp câu hỏi P. T. số 4 . . . . .		108
30.— Buồn ơi ! chào mi (Bonjour tristesse) . . . . .	Cô Diệu Huyền	109—113
31.— Công chúa tóc vàng . . . . .	Cô Bạch-Yến	114—118
32.— 4.000 năm ca dao . . . . .	Ba-Tèo	119—120
33.— Tin tức Văn-hóa Quốc-lẽ . . . . .		121
34.— Trả lời bạn đọc . . . . .	Ba-Tèo	122

- ★ Sắp-xếp-bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu . . . . . cô Diệu-Huyền
- ★ Tranh vẽ . . . . . Thái Thúc Điển  
Duy-Liêm  
Đặng-Nhâm
- ★ Bản kèm . . . . . Nguyễn-Diêu
- ★ In offset Bìa . . . . . Đông-Nam-Á

• Các Báo-Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đã rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và dùng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.



# MÀU THUẦN

của

## QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

**T**RONG giai-đoạn xây-dựng Việt-Nam mà toàn Dân cần tranh-thủ thời-gian và thì đua cố gắng về mọi phương diện để chiếm-đoạt những thắng lợi đảm-bảo cho tương lai và hạnh-phúc của nhân dân, thì ai cũng nhận thấy rất tiếc có nhiều màu-thuần đáng buồn trong hiện tình xã-hội.

Đáng buồn và đáng lo ngại. Vì không ai chối cãi được rằng những màu-thuần ấy hầu như đã thành một trạng-thái đặc-biệt của tình hình xã-hội ta hiện nay, mà không có triệu chứng gì tỏ rằng nó sẽ được phá bỏ.

Tôi không muốn đụng đến các khía cạnh chính-trị, hoặc kinh-lẽ xã-hội; của vấn đề. Tôi đã hứa hoàn-toàn đứng trên lĩnh-vực văn-hóa mà thôi. Thì, nơi đây tôi tin rằng các nhà cầm-quyền của Việt-Nam Cộng-Hóa cũng đã thấy rõ như mọi người những màu-thuần khiến, cho các tầng lớp thanh-niên ta hiện nay đang hoang-mang, không biết tiến tới một chủ-hướng nào, với những phương-tiện nào. Tôi xin nêu một ví-dụ rõ rệt nhất.

Bộ giáo-dục muốn mở-mang việc học trên một b'nh-diện rộng-lớn, nhưng lại chú-trọng về chiều ngang hơn là chiều đứng, giống như chủ-trương của toàn quyền Albert Sarraut năm 1916. Nghĩa là người ta đặt ra những chương trình trung-học học bao quát rất nhiều môn để rồi không có đủ các lớp Đại-học để đón-nhận sinh viên Trung-học sau khi có cấp bằng. Tai-hại hơn thế nữa, chương-trình Văn chương và Toán-lý-Hóa ở Trung-học dạy toàn bằng Việt-ngữ cho đến đệ-nhị-cấp, lên Đại-học sinh-viên đã đỡ Tú-tài phải bỏ-ngữ trước một rìng học chuyên-khoa hầu hết là ngoại-ngữ. Đến đây, sinh-viên Việt Nam phải thối-mắc, đứng trước hai ngã đường: hoặc theo luôn Việt-ngữ

thì chương trình Việt-ngữ ở các lớp Đại-học chuyên khoa thật là thiếu-sót vô cùng, không sao bổ-túc được đầy đủ các tri thức còn quá sơ-sài của mình, hoặc bằng qua chương-trình đại-học ngoại-ngữ thì kiến-thức ngoại-ngữ của mình không có căn-bản thích hợp với trình-độ đại-học của các nước ngoài.

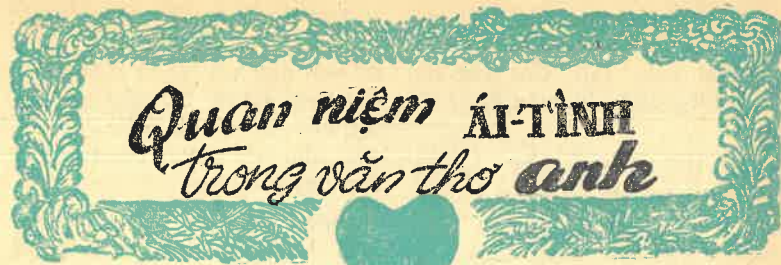
Đó là một mâu-thuẫn rất lớn và rất ảnh-hưởng tai-hại cho tương lai của Thanh-niên ta, và của Nước ta. Tôi không hiểu Bộ Quốc-Gia giáo-dục sẽ giải-quyết cách nào để phá-tan mâu-thuẫn ấy?

Nước nhà đang cần gấp các Cán-bộ kỹ-thuật chuyên môn nhiều chừng nào hay chừng nấy. Theo tôi cũng phải ít nhất là vài ba trăm ngàn người thì mới đủ phát-triển điều kiện kinh-tế và giáo-dục, văn-hóa, xã-hội, chính-trị, v.v... trong một Quốc-gia đang cần xây dựng gấp rút và vững-bền.

Theo hiểu biết rất hèn mọn của tôi thì hiện nay, Chính-phủ đã gởi ra ngoại-quốc, như Mỹ, Úc, Gia-nã-Đại, Anh, Pháp, Nhật, v.v... một số rất ít thanh-niên công-chức của thời Pháp thuộc còn lại, vì các hạng thanh-niên này đã có căn-bản Pháp-ngữ hoặc Anh-ngữ khá-dễ đeo đuổi được các ngành học chuyên-môn ở các nước bạn kể trên. Nhưng rồi hết các lớp ưu-tú này, thì sẽ lấy ở đâu ra nữa? Nếu tôi không lầm, trong các giới sinh-viên tự-ý xin đi du-học ở ngoại-quốc từ 10 năm nay, hoặc 4, 5 năm nay, chỉ một số rất ít, - ít lắm - mới vui lòng về Nước để phụng-sự, còn thì đại-đa số chỉ muốn ở ngoại-quốc luôn, không muốn về, - tôi không hiểu vì lẽ gì. Trong khi đó, Bộ giáo-dục lại còn hạn chế số thanh-niên muốn đi du-học ở ngoại-quốc. Còn thanh-niên ở trong nước, như tôi đã nói trên, thì các bạn sinh viên Trung-học với tri-thức Việt-ngữ còn thiếu-thốn rất nhiều do chương-trình của Bộ giáo-dục đào-tạo ra, sẽ làm sao vươn mình lên trình-độ Đại-học chuyên khoa quốc-tế?

Theo sở-kiến quá hẹp hòi của tôi, hình như không có ông Bộ-trưởng giáo-dục nào chịu hứng lấy trách nhiệm đào-tạo một thế-hệ thanh-niên có giá-trị học văn bằng thanh-niên ngoại-quốc. Ông Nguyễn-dương-Đôn làm Bộ-trưởng một thời-kỳ, chủ trương chính sách thiên-cận, đã bỏ rơi một lớp thanh-niên tuấn-tú của Dân tộc hiện còn chơ-vơ giữa các ngã-ba đường học vấn. Rồi ông ấy được dời đi làm Đại - Sĩ.

Ông Trần-hữu-Thế hiện làm Bộ-trưởng giáo-dục, có thấu rõ tình-trạng mâu-thuẫn rất có hại cho nền Quốc-gia giáo dục ở Việt-Nam Cộng-Hòa hay không?



Ái tình sống ở muôn nơi và muôn thuở; đời nào, nơi nào ta cũng thấy. Ái tình được ca tụng nhiệt tình sâu đậm dị-kỳ.

Có thể nói: Nếu không có ái-tình, nền văn-minh huy-hoàng của nhân loại cũng không có; mọi sự ở đời chung quy cũng vì nó, thật là kỳ dị, thật là huyền bí. MARK TWAIN phải lắc đầu than rằng điều ông ngạc nhiên nhất đời là sách văn phạm của khắp các nước trên thế-giới đều lấy động-từ «Yêu» (to love) làm mẫu để tập chia động-từ. MARK TWAIN không nói chuyện tào lao đâu; Quả thật thế: Văn phạm của ĐỨC thì có động từ « amare », của Tây-Ban-Nha thì « amar » của Ba-Lan thì « Kochac » của Pháp thì « aimer ». v.v... họ đều lấy động từ ấy để làm mẫu tập cho học trò chia động-từ.

Ái-tình là gì, mà « phổ thông » như thế nhỉ?

Đây hãy dở quyển tiểu-thuyết Un Certain Sourire của FRAN-

ÇOISE SAGAN bạn sẽ tìm được giải đáp. Ngay ở mấy trang đầu quyển sách, FRANÇOISE SAGAN có đưa ra một câu trích dẫn sau đây để định nghĩa ái-tình: « Ái-tình là cái gì xảy ra giữa hai tình nhân (Roger Vailland).

JEAN PAUL SARTRE định nghĩa ái-tình là sự chiếm hữu (possession) SCHOPENHAUER có tiếng là bi quan đệ nhất cũng cho ái-tình là một bản năng mà mục-dịch duy nhất là bảo tồn giống nòi.

Ái-tình được các tao-nhân mặc khách nói đến rất nhiều lắm; nhưng các triết-gia lại ít xét đến.

Tùy theo trình học, theo bản năng hoặc theo tình cảm mỗi tao nhân văn-sĩ sẽ

quan-niệm riêng về ái-tình sẽ giải thích ái tình dưới khía cạnh nào đó mà họ đã cảm và nghĩ.

Theo tôi chút hiểu biết của tôi, riêng trong các văn thơ Anh có nhiều ý nghĩ, nhận xét lý thú về ái-tình, ta hãy nghe họ nói.

Trước hết, họ định ninh cho

\* của \*  
NGỌC HOA

rằng ái-tình mù. Người Anh nói ái tình mù thì phải biết, vì mù như thi-sĩ MILTON mà còn lui cui viết được tập thơ bất hủ « Paradise lost » (Thiên-đàng đã mất).

Hồi thế-kỷ thứ XIV, người binh-dân Anh đã có câu tục ngữ: « Love is blind » (ái-tình mù quáng). Rồi sau đó, tất cả các nhà văn Anh đều đồng thanh cho rằng ái-tình mù-quáng. Trước tiên là GOWER, rồi CHAUCER, BEN JONSON, SHAKESPEARE, POPE, vân... vân... cả một đạo binh hùng hậu rầm rập như đàn cừ PANURGE của RABELAIS.

Đầu tiên trong tập Confessio Amantis (BK. I), lão GOWER « giáo đầu » bằng 1 câu văn Anh-ngữ trung cổ (Middle English) như vậy: « For love is blind, and maie not see » (vì ái-tình mù quáng nên không thể thấy được). Kế đó cụ CHAUCER « già cắc » hồ hoán: « The god of love is blind as stone » (thần ái-tình mù quáng như cục đá). Cụ già này thật quá « trịch thượng », CUPIDON, thần Ái-tình của La-mã, là một vị giáo-chủ có quyền uy nhất trần-gian và có nhiều tin đồ nhất trần-gian, mà cụ dám xía xói như thế, cụ không sợ gì sao?

Tôi thường nghe dân « Lông mao đỏ » (Hồng Mao) nói: « Mù như chuột chũi » (As blind as a mole) « mù như dơi » (as blind as a bat) « mù như loài bọ hung

bọ rầy » (as blind as beetle), chứ ít người nói mù như đá (as blind as stone). Hèn chi ở bên Algérie có một dãy núi tên là « Amour » (Djebel) nghĩa là dãy núi đá. Ấy, nếu CHAUCER nói « ái tình mù như đá » thì cũng chỉ lý lảm đấy.

Trong vở kịch « The poetaster » (Act IV; Sc II), BEN JONSON cũng nói « Love is blind » (ái-tình mù quáng), rồi đại-kịch gia vĩ đại WILLIAM SHAKESPEARE cũng nhìn nhận: « ái-tình mù-quáng » (but love is blind), (the merchant of venice, Act II, Sc. VI).

Sau SHAKESPEARE có kịch gia COLLEY CIBBER (1671 - 1757), trong vở kịch « Woman is Wit » (Act I, Sc. I), CIBBER viết: « Love's a blind guide, and those that follow him too often lose their way » (ái-tình là một thằng dẫn đường mù; ai theo nó thường luôn bị lạc đường). Giời ơi, khổ quá; Đây là con người, ai lại không chạy theo ái tình ông nhỉ? Ông nói vậy nghĩa là nhân loại đã đi lạc đường, lạc lối trong mấy nghìn thế kỷ nay rồi nhỉ? Khổ ghê đi.

Ở thế kỷ XVIII, văn hào ALEXANDER POPE, nguyên soái văn phái cổ-điển Anh, nhấn mạnh lần cuối cùng trong « January and May » như thế này: « Love is always blind » (ái-tình luôn luôn mù quáng).

Thật là « đồng thanh trong ứng », một chú gà gáy thì bầy

gà đều gáy lại; Một người nói ái-tình mù quáng, thì tất-cả rầm rập nói y hệt như vậy!

Chả trách có kẻ đã nói: Các đầu-óc vĩ-đại hay gặp nhau! Theo ngụ ý của tôi, ái tình không mù, không quáng gì hết, tôi xin hỏi quý Ông 1 câu, một câu thôi: Nếu thần CUPIDON mù, tại sao hề mỗi lần thần giương cung lên bắn, thì mũi tên vàng (1) đâm thủng ngay trái tim của người ấy.

Đó là hỏi léo lắt chơi vui thôi, chớ ngày nay biết bao nhiêu người đánh chết chủ-trương của quý ông. Đánh đầu nhất là triết gia Đức MAX SCHELER (1874-1928), ông cho rằng ái-tình không mù quáng, nhưng lại làm cho người ta sáng tỏ thêm nữa.

Tân kỳ nhất, lập dị nhất là nhà thơ SAMUEL BUTLER (theo tôi nhà thơ lập dị vì bởi trong văn học Anh có 2 ông tên là SAMUEL BUTLER, một là nhà văn, và một là nhà thơ: nhà văn sống ở thế kỷ XIX và là tác-giả « Ereuhon » nhà thơ sống ở thế kỷ XVII và là tác-giả « Hudibras »), trong thi phẩm trường giang đại hải Hudibras, nhà thơ SAMUEL BUTLER viết: « Love is a boy » (ái-tình là một đứa con nít) không

(1) Theo thi-hào Ls. Mã Ovide thì mũi tên của thần CUPIDON rất nhọn và bằng vàng. Shakespeare cũng bắt chước Ovide mà gọi là Mũi tên vàng, (how will she love when the rich golden shaft has touched her heart.— TWELFTH NIGHT).

hiều nhà thơ muốn nói gì thế?

Rồi ông viết tiếp: « Then spare the rod, and spoil the child » (thương cho roi cho vọt) câu này đồng nghĩa với câu tục-ngữ Pháp « Qui aime bien chátie bien » hay câu tục-ngữ Việt « Yêu cho vọt, ghét cho chơi » hoặc thương con thì thương bằng roi, thương con đòi thì thương bằng cơm ». Mấy câu này đại-ý người ta không nên nuông chiều con quá mà làm hư con. SAMUEL BUTLER viết « Love is a boy » không ai hiểu nhà thơ muốn nói gì, nhưng rồi ông viết tiếp: « Then spare the rod and, spoil the child » à... tôi hiểu rồi đây, nhà thơ muốn bảo đại loại như vậy: « không nên nuông chiều ái-tình quá, vì ái-tình là một đứa con nít, nếu nuông chiều quá thì nó sẽ hư »; có phải như thế không, các bạn thân-yêu?

Nhà thơ đa sầu JOHN FORD. (1586-1639) trong vở kịch « The broken heart » (Act IV, Sc I), cũng cho ái-tình là một đứa con nít:

Love feasts on toys,  
For Cupid is a child

(Ái-tình chơi đồ chơi thỏa thích vì CUPIDON là một đứa con nít).

Năm 1886, văn-sĩ JEROME K. JEROME cho xuất bản quyển « Idle thoughts of an iddle fellow » đọc hết cả tác-phẩm, hiện giờ tôi còn nhớ chỉ có một câu thôi, câu ấy là: « Love is like the measles; we all have to

go through it) ái-tình giống như bệnh sởi mà tất-cả chúng ta đều phải chịu qua bệnh ấy), theo tôi có lẽ Jerome đã bị bệnh sởi nhiều lần, nên nó ám ảnh, mới ví như thế.

Nhà thơ A.W. viết trong « Ode IX » (From divison's Rhapsody)

Love is a pleasant woe  
(Ái-tình là một sự đau khổ thú vị)

Vâng tôi xin tán đồng thi-sĩ A.W. quả là một người rất sành tâm-lý học. Các nhà tâm-lý học nói khoái lạc và đau-khổ thường thâm nhập lẫn nhau (*compénétration du plaisir et de la douleur*) ví-dụ ăn tiêu ớt: Cay, làm nghề viết văn: đau khổ, uống « ba-xi-đế »: Chát và đắng, nhưng chúng ta vẫn thích ăn tiêu ớt, thích theo nghiệp dĩ văn chương, thích uống ba-xi-đế. Ở đây cũng vậy, yêu là khổ, nhưng người ta cũng vẫn yêu, vì trong đau-khổ ấy vẫn có ẩn nấp sung sướng, a pleasant woe)

Thi-sĩ SEDLEY (1639-1701) nói ái-tình là một gánh nặng.

Love is a burden, which two hearts  
When equally they bear the parts  
With pleasure carry; but no one,  
Alas, can bear it long alone.

(Ái-tình là một gánh nặng mà hai quả tim chịu mang một cách vui thú khi cả hai mang đồng đều nhau phần của mình, nhưng hỡi ơi, không có người nào có thể mang nó lâu một mình.)

Nhà thơ THOMAS WATSON (1557-1592), trong « The passionate centurie of love (XVIII) cho rằng ái-tình là một » lạc-thú »:

Love is a sour delight  
(Ái-tình là một - thú chua chát)

Lạc-thú mà chua chát, nghĩa là yêu không khác gì uống La-ve, vì uống la-ve là một cái thú, nhưng một cái thú chua chát, ông THOMAS WATSON còn cho ái-tình là một cái « chết còn sống » (A living death), một « biển nước mắt » (a sea of tears), một « cuộc phấn đấu không bao giờ ngừng » (an everlasting strike) và một « vết thương làm chết được » (a deadly wound) ;

Trong một thi phẩm trường thiên nổi tiếng thi-hào SPENCER (1552-1599) viết :

Love that two hearts makes one  
(BK: II, can IV,)

(Ái-tình làm hai quả tim thành một).

Tôi nhớ một câu hát-hò của Dân quê Việt-Nam cũng nói như vậy :

Minh với ta tuy hai mà một  
Ta với mình tuy một mà hai...

Hai quả tim mà biến thành một quả tim, quả thật thần ái-tình có nhiều phép nhiệm mầu kỳ-dị « bất khả tri luận » ;

Văn-hào WALTER SCOTT nói ái-tình biết « thờ sáo » biết « cỡi ngựa », biết « nhảy đầm » :

In peace, love ternes the shepherd's reed ;  
In war, he mounts the warrior's steed  
In halls, in gay attire is seen  
In hambts, dances on the green...

(The lay of the last miustrel)  
(Thời bình, ái-tình hòa điệu cùng ống sáo của mục phu-

Thời giặc, nó nhảy lên cỡi ngựa của chính-phu,  
Ở lâu đài, người ta thấy nó mặc quần áo lòe loẹt

Ở xóm thôn, nó nhảy múa trên bãi cỏ  
Và sau cùng, ông nói ái-tình là « trời »

For love is heaven, and heaven is love.

(Vi ái-tình là trời, và trời là ái-tình)  
SIR HENRY WOTTON (1568-1639) nói ái-tình là một « trường-học » :

Love was but a school  
To breed a fool  
(A poem, written in his youth)

(Ái-tình chỉ là một trường học để tạo ra một thằng điên).

Nhà văn COWLEY (1618-1667) nói ái-tình không khác gì chim, vì :

Love hath wings  
(An Answer to an Invitation to Cambridge, III)

(Ái-tình có cánh)  
WASH định-nghĩa ái-tình rất mới mẻ :

Love is a medley of endearments,  
jealous  
Suspicious, quarrels, reconcil-  
ments, wars.  
(To his Book)

(Ái-tình là một sự tạp nham những lời nói ngọt ngào, những tiếng chát tai, những ngờ-vực, những sự cãi lộn, giằng hòa, chiến tranh ;)

thật là loạn xạ xì xì bi ;

BYRON cho rằng ái-tình chính phục tất-cả :

Love conquers all  
(Childe Harold, can. II, Lx III)

nhưng rồi ông chép miệng than :  
Alas ; the love of women ; it is known  
To be a lovely and a fearful thing  
(Don Juan, II, 199)

(Hỡi ơi, yêu đàn bà ; ai cũng biết là một việc mê-thích nhưng dễ sợ).

TENNYSON nói rằng ái-tình thắng cả thần chết :

Love can vanquish death  
(A dream of fair women)

Thi-sĩ kiêm Tu-sĩ GEORGE HERBERT (1593-1633) định nghĩa ái-tình lạ đời hơn hết :

Love's a man of war,  
And can shoot from far  
(Discipline)

Ái-tình là một chiếc tàu chiến (hay một chiến sĩ) và có thể bắn từ đằng xa.

Thật là một định nghĩa không tiền tuyệt hậu về ái-tình.

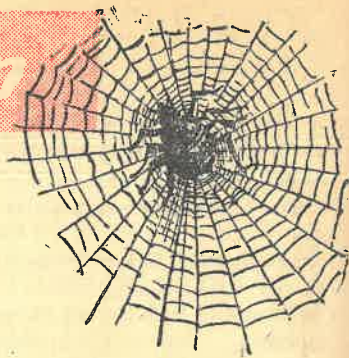
Đến đây tôi tưởng đã nói chuyện nhiều về ái-tình lắm rồi, như vậy cũng tạm đủ. Và chợt tôi nhớ đến câu hỏi hách hống của Đại kịch sĩ Pháp CORNEILLE ; « Ê thằng ranh con, mi biết ái-tình là cái quái gì không mà nói đến ái với ân ? » (Connais-tu bien l'amour ; toi qui parles d'aimer) ?

Thưa tiên-sinh, tôi chỉ biết sơ sơ thôi ạ ; vì vậy tôi mới nương lời cho chư-vị văn-sĩ nước Anh-Cát-Lợi. Còn nếu nhắc đến các Văn Thi sĩ Pháp, Đức, Tàu, Ý nữa, nhất là Pháp, thì vô số kể ! Vậy thôi, tôi xin hạ bút nơi đây.

# Con nhện

NGƯỜI KHÁCH TRỢ  
BÍ MẬT

NGUYỄN-TRẦN-GIANG



HÁC bản với nước Cộng Hòa Con Ong là một tổ-chức dân-chủ đẹp đẽ nhất nhì trên thế - giới mà tôi khuyên các quốc gia yêu chuộng tự-do nên đánh điện công nhận gấp gáp sau khi đọc bài giới-thiệu của Ông Huỳnh Bội-Hoàng, nay tôi xin giới-thiệu nước Nhện Nhện là hình ảnh độc-nhất còn sót lại đến ngày nay của một lễ lối tổ chức rất... vô tổ chức.

Thật cũng chẳng có gì để đáng gọi là một « nước ». Các danh từ như hợp quần, chung sống, chia xẻ... không có trong ngôn - ngữ Nhện Nhện. Chúng sống hoàn toàn riêng rẽ theo đúng tinh-thần câu « Trời đất sinh ta ắt có ta và chỉ có biết ta ». Cũng không thể gọi là bộ-lạc, là nhóm hay là tổ nhện nhện (danh-từ này để chỉ một nơi rất đông-đúc và vui-vẻ — theo lời bác Cảnh sát). Loài nhện hay một con nhện, thế thôi. Cái bản-tính vừa cô-độc vừa

ngang-tàn ấy có lẽ do cuộc sống phiêu-lưu hồ-hải mà sinh ra. Loài nhện vốn hay ăn nhờ ở đậu. Đa số chúng ta là « nước bạn » của chúng. Mỗi giao hiếu lại càng chặt-chẽ hơn nữa đối với các văn-sĩ, thi - nhân, hay các cậu học-sinh, sinh-viên, vì ở nhà « các bậc chỉ biết trọng sự làm việc bằng tinh-thần » này, chúng được hoàn-toàn yên-ổn cho đến khi họ sắp đón tiếp một người bạn gái đặc-biệt nào đó thì ôi thôi ! Cuộc đời du-mục cũng lắm cái đáng thương !

Giờ thì mời các bạn ngược mắt lên nào ! Bạn đã có một người thuê nhà : con Aranéa (tên khoa-học của một giống nhện thông thường) đã lên vào phòng bạn tự khi nào ! Và « nàng » bắt đầu kiến-thiết.

## LƯỚI NHỆN

Trước hết là việc xây dựng một cái « sườn » tức là cái lưới

nhện. Thường thường những cái sườn này rộng đến bốn - tám vuông mà con Aranéa lớn lắm cũng đến 1, 2 phân là cùng. Vì như con người chúng ta phải dựng một mình một cái sườn rộng 320 thước vuông. Thế mà nàng Aranéa liều yếu đào tơ quần quật một ngày là đầu vào đấy. Tối đến, nàng chọn một nơi để ngã mình. Vốn là người con gái rất nét-na, trước khi ngủ, nàng chăng một dây tơ như dây điện - thoại. Khi cần, dây nàng rung lên và báo cho nàng biết mà đề-phòng tất cả mọi cuộc viếng thăm kềm xây dựng có thể

Những dây tơ mà nhện giăng có một bộ bền-bỉ lớn hơn bất cứ loại tơ nào của loài người chúng ta. Ngày hôm sau Aranéa bắt đầu chăng những dây lan-hoa (rayons). Những đường này được phân-phối cách nhau như tấm xe đạp, tuy không được đều-đặn bằng. Tiếp đến là phần quan - trọng nhất của cái bầy — (vì lưới nhện chỉ là một cái bầy): đó là hai đường xoáy tròn ốc đồng-tâm. Một đường ở trung-tâm lưới để làm lưới chắc chắn thêm. Trước khi chăng đường thứ hai (đường chính) Aranéa chăng một đường phụ có tính cách tạm thời để di-chuyển cho dễ dàng. Nhện chăng đường tròn ốc bao giờ cũng từ ngoài vào trong. Đi đến đâu, đường phụ (được dùng như cái dàn của thợ nề xây tường) sẽ bị phá đến đó. Xong đâu đấy, Aranéa lo bày biện cái « khuê-

phòng » ghê gớm của nàng. Nó vừa là chỗ nghỉ ngơi vừa là lò sát-sanh. Những giống sâu bọ nào không đủ sức chống cự lại Aranéa đều bị kéo lê vào phòng này, và « nàng » sẽ ung-dung nằm hút máu. Những con khác vóc vạc đáng nề hơn, không cho phép nàng dùng chiến-thuật trên thì nàng nhả tơ trời giỗ cho chúng lại, thanh-toán tại chỗ.

## NẠN NHÂN ĐẦU TIÊN

Anh chàng châu chấu này mới liên-hoan ở đâu về mà đoảng góm ! Lại nhằm giữa cái mê-hồn trận chẳng - chịt ấy mà lao vào rồi ! Aranéa lao lại nhanh như chớp. Nhưng khoan, thận - trọng, nàng đứng cách con mồi một khoảng cách « chiến - thuật » để quan-sát. Anh chàng coi bộ không được dễ ưa chút nào. Cặp chân sau lôm-chôm những gai ấy so ra còn khỏe hơn bộ giò con căn-guru chứ phải thường đâu. Aranéa nghĩ thầm : « Thăng trượng đó mà vùng-vẫy thì cái « bất-động-sân » của mình dám « bay » lắm. Phải ra tay gấp mới xong ».

Lập tức nàng xoay người lại, hướng cái vòi ở chót bụng về phía tên tử-tù nguy-hiểm rồi phóng ra một chất nhựa trắng như sữa. Aranéa dùng hai chân sau hất nhựa này phủ kín lên mình châu-chấu như một miếng băng, vừa quay nó đủ mọi phía như người ta trở con cừu trên

que nướng. Con châu - chấu tội nghiệp không nhúc-nhích được nữa. Bữa ăn (hay đúng hơn là: bữa hút máu, vì loài nhện chỉ thích hút máu tươi) đã sẵn-sàng! Khi Aranéa buông con mồi ra thì cái xác rỗng không ấy rơi nhẹ nhàng như một mảy lông.

### Những « khốe » làm ăn khốe

Có nhiều giống nhện khác nhau dùng những dụng-cụ rất đáng hoàng để săn bắt; tuy không được gọn - gàng nhưng thật kỳ - diệu. Giống magnificus (ở Úc Châu) thì dùng cần câu! Cần câu là một sợi tơ dài độ 5 cm, ở chót cần có một cục nhựa tròn. Con Magnificus mắc cần câu vào một cái chân trước rồi ngồi trên một cành cây, lẳng lặng chờ. Một con bướm nhỏ đánh hơi mùi thơm của nhện (như 1 cành hoa), lẳng văng lại. Chờ đến một khoảng cách thuận lợi, Magnificus giữ cần lên khỏi đầu, quay tròn như mấy chú cao-bồi quang lát-xô (lasso). Con bướm liệng qua liệng lại vài lần và cuối cùng bị tóm. Mấy anh học-sinh nào thích bắt ve sầu bằng mũ mít gắn ở chót cây sào nên qua Úc để rút kinh-nghiệm!»

Song không phải giống nhện nào cũng săn mồi bằng khi-giới do nhựa tiết ra. Có nhiều giống nhện chỉ trông cậy vào sự nhanh nhẹn và sự co dãn của cặp chân

để sinh-sống. Giống thứ nhất rượt mồi chạy hết hơi. Giống thứ nhì rình - vập rồi thình - lình nhảy bổ đến vồ như hổ vồ mồi. Tóm lại « chân làm bàm nhai » vậy. Giống nhện-sói (tiếng Pháp gọi là Araignée-loup) mà người ta thường thấy nhất là một loại Tarentule (1) rất nổi tiếng, chỉ dùng noc độc để bắt mồi.

### LÒNG MẸ

Con Lycosa (t' giống Araignée-loup khác) có cái đặc-biệt là xenr hỗn-phận làm mẹ rất là quan trọng, tuy cuộc tình duyên nhện-nhện chẳng có gì là thơ mộng cả. (đoạn sau tôi sẽ nói kỹ). Thường thì anh nhện đực so với chị nhện cái ví như đem một nửa, hay một phần tư Kim Trọng so với Tú Bà! Chàng nhện thì « như liều như mai » còn nàng thì « đường đường một đấng nhĩ nữ ». Khi cuộc tình duyên bất phân cân lượng đó có dấu hiệu báo cho Lycosa biết là nó đang « cụ thể hóa » thì nàng cảm thấy anh nhện đực có hơi thừa. Nàng bèn giết phăng và chén một bữa tí-tí. Sau đó ít lâu nàng đan một cái túi bằng tơ, buộc chặt vào dưới bụng để đựng trứng. Và từ đó nàng không hề rời cái túi ra nửa bước. Nàng sẵn-sàng chiến-đấu như say máu để bảo vệ chúng và nếu mất chúng, nàng trở nên điên-cường thật sự.

Nhà nguyên-ngữ học Bonnet có lần bắt được một con Lycosa đang mang học trứng. Ông ném nó vào một ổ kiến sư-tử (hay quen gọi là cúc: fourmi-lion). Thất kinh, nàng ta ba chân bốn cẳng định chuồn nhưng mấy con cúc đã cản chặt lấy cái túi. Dằng co một chốc, cái túi rời khỏi bụng mẹ. Thay vì lợi dụng cơ hội để thoát thân, nàng lại cố gắng níu lấy cái túi đang bị lũ cúc vùi dần dưới cát. Suýt nữa thì nàng cũng bị chôn sống luôn nếu ông Bonnet không can-thiệp đúng lúc và mang nàng lên. Nhưng ông vừa buông tay, nàng lại lao ngay vào ổ cúc. Lần này ông Bonnet phải mang nàng ra thật xa.

Vào khoảng giữa tháng 9, cái học võ tung ra dưới sức xô-đẩy của gần 200 cậu bé nhện. Lycosa gỡ cái học ném đi. Nhưng lòng thương con không phải tới đó là hết. Đám nhện bé tí ấy chỉ có một ước vọng: được đi đó đây với mẹ chúng. Cái học vừa vỡ ra, đàn con văng ra tứ tán nhưng trẻ một phút, chúng ào-ào, nhất tề xung-phong trèo lên lưng mẹ. Và cuộc hành-trình bắt đầu.

### Ở nhà với « BỐ » biết ngày nào khôn

Có lẽ lũ nhện trẻ ranh đã chủ-trương tiến-bộ như vậy nên tuy cuộc hành-trình sẽ kéo dài đến sáu tháng và xiết bao lên thác

xuống ghềnh mà chúng cũng không sờn lòng, Chen-chúc trên lưng mẹ như hành khách ngồi trên mũi ô-tô-buýt ở lục tỉnh, chúng ung-dung ngao du sơu thủy. Và chiếc buýt thì vui đầu chạy đó chẳng kể đất trời gì. Có khi lại chui tọt qua mấy cái bàn bé tí-tí khiến hành - khách bị gạt ngã bở chổng. Nhưng thường con Lycosa ngừng lại đằng hoàng, hành khách lục tục lên xe. Chỉ có điều là nếu Lycosa bằng lòng « mang nặng » một lần nữa lũ con nhưng nhúc ấy mà không than thì một lời thì trái lại nàng cũng không làm gì để có cái ăn cho chúng cả. Thật ra thì chúng cũng chẳng cần ăn uống gì trong 6 tháng phiêu-lưu đó. Đôi khi mẹ chúng đựng đầu vùi một mẹ nhện khác. Biết chắc một cuộc chạm trán này lửa sẽ khó tránh, chúng xô nhau chạy tìm chỗ ẩn. Đến khi một trong hai bà đã đánh ngã địch thủ, cả hai đàn con lại tranh nhau lên lưng bà mẹ vừa thắng, ngồi chờ bà này chén hết máu kẻ tử thù rồi tiếp tục lên đường.

Hết sáu tháng, gia đình bắt đầu tan rã. Từ lúc đó bà từ mẫu chỉ chú-ý đến lũ con khi bà đói bụng. Vô phước đứa nào không nhanh chân thoát ly là chui tọt vào bụng bà. Nhưng hầu hết chúng đều biết rõ hiểm-họa đó. Như cùng nhau hội ý từ lâu, đến một buổi thình - lình chúng hé nhau thực xuống xe, lủi ra thật xa rồi trèo lên các ngọn cỏ.

Đến chót ngọn cỏ, chúng bay lên, bám vào những sợi tơ trắng bay lơ lửng mà chúng ta quen gọi là tơ trời.

Một số khác chui tọt xuống đất, đào hầm để ở. Trước cửa hầm, chúng xây một cánh cửa chắc chắn đến nỗi không một con vật nào khác có thể mở ra được. Muốn bắt nhện, người ta phải dùng đến dao con chó mà nạy. Cái cửa đó làm bằng nhiều lớp tơ trộn với đất, có bản lề đang-hoàng và chỉ mở từ phía trong ra ngoài thôi. Như vậy có nghĩa chỉ mình nhện là ra vào được

«tư thất» đó thôi. Công-trình này được hoàn-hảo đến nỗi không bao giờ cửa đó bị kẹt.

(Còn nữa)

### CHÚ THÍCH :

Tarentule — Giống nhện nhện to lớn đặc-biệt ở vùng Tarente (miền nam nước Ý). Người ta thường tin rằng nọc giống nhện nhện này chích vào làm người ta buồn ngủ và u sầu lạ thường và có thể chết được. Tuy nhiên các nhà chuyên-môn đã chứng-minh rằng nọc chúng vô-hại đối với người, chỉ làm sưng chỗ bị chích một tí thôi.

## \* QUẢNG CÁO BỐ-LÁO !

Phong trào Thanh Niên Thiếu Nữ «tự-tử» tại Đô Thành một hồ bồng trở nên rầm rộ. Các cô các cậu đua nhau lao đầu vào đường xe lửa, treo cổ lên xà nhà, uống dầu nóng, dầu hôi, át xit, có kẻ muốn chết một cách ấm áp thì tắm ết xăng vào mình rồi đốt cháy như bó đuốc, lại có nhiều cặp trai gái đang yêu đương «da-diết» muốn cùng nhau «về cho mát mẻ» thì cột đá vào cổ rồi ôm rít lấy nhau nhảy tùm xuống sông, vãn vãn... và vãn vãn... Chín trăm phần nghìn các cuộc tự vẫn lẽ bởi vấn đề tình ái, và năm trăm phần nghìn vụ đã được cứu sống. Đây là 1 trong số nghìn vụ tự tử đã xảy ra, câu chuyện nhiệm một ý nghĩa khôi hài đặc biệt. Một chàng nọ thất tình, rất là lảm ly ai oán, bèn đi ra chợ chọn mua một sợi giấy tờng thật bền chắc đem về bắt ghe cột giấy lên xà nhà, đoạn y thò đầu vào vòng giấy và đập dồ ghe. Vòng giấy thắt lại, y nghệt cổ giấy dựa... bồng sợi giấy đứt «cái phụt» y rơi ngã lăn cù xuống đất. Anh chàng tự tử, dùng dùng nỗi giận, cầm sợi giấy đứt chạy thẳng ra chợ và hăn học bảo người bán hàng :

— Bác thật là đồ .. lưu manh, buôn bán đồ giả, giấy tờng thế này dám cam đoan là tốt bền ? Tin lời quảng cáo của bác có ngày tôi bị té gáy cổ !

Q. B.



ỒM ấy trời rất đẹp.

Trời đẹp nhưng thầy Mạnh - Kha thấy buồn - buồn.

Ngồi trầm-tu trong nhà cổ, bấm đốt ngón tay thầy thấy năm tháng trôi đi một cách lạ-lùng mau chóng mà đạo thánh vẫn mờ-mờ ảo-ảo. Nhìn xung quanh, phong cảnh vô cùng tiêu-sái : vãn-miếu, cung-diện, đài-các nào đâu ?

Đến ngày nay, con trẻ Trung-hoa không thấy học «minh minh đức... thiên-tích thông-minh» v. v... Sách vở Trung-hoa không nói đến đại-lý mà toàn đi bàn cãi những chuyện đầu đầu... Trăm-hoa đua nở, hợp-tác-xã, chiến-tranh, hỏa-tiến Hercules, nghĩa là toàn những chuyện mà bậc Á-thánh không thể nào lý-hội được.

Khói trong đỉnh trầm tỏa nhẹ, thầy Mạnh-Kha nghĩ bụng rằng : «Đến bây giờ, Thánh không là thiên-đạo ư ? Chi-Thánh không

— Tạp Bút của —

### TRẦN-TƯƠNG-NIỆM

thể tiên tri ư ? » Thầy lắc đầu chán nản. Đầu nặng như chì, Thầy khẽ vuốt bộ râu bạc dài quá rốn. Thầy chợt nghĩ rằng phải... «Hành thiên-lý độ» mới hiểu được cái lẽ trời, lòng người. Thầy mỉm cười với ý-kiến của mình rồi kêu tiêu-đồng, hình như là Lý-Thái-Bạch thì phải. Thầy lừa để đi du lịch. Với sức hiểu biết quán-thông Thầy liền thẳng đường sang Thụy-sĩ vì Thầy hiểu rằng chỉ có ở đó mới dễ xin giấy nhập-cảnh, ở đó không có hầm chứa bom nguyên tử, không có các nhà chính-trị lỗi-lạc, không có lý-thuyết này, lý-thuyết khác.

Ngày hôm ấy trời đẹp.

Ngày hôm ấy, nhà đại hiền-triết Đông-phương cùng với tiêu-đồng Lý-thái-Bạch du Thụy-sĩ. Trên lưng lừa, bốn nghìn năm



văn-hiến đi theo nhà hiền-triết sang Tây-phương.

Trên trời một chiếc phi-cơ tối-tân bay nhanh hơn gió.

.....  
Cũng ngày hôm ấy, đại nữ văn-hào Françoise Sagan cùng với đức lang quân, không biết nghĩ thế nào cũng lên đường sang Thụy-sĩ. Chiếc xe của họ chạy không kể luật-lệ cảnh-sát. Trời Ba-lê, cỏ vườn Luxembourg, các quán rượu ở Montparnasse lùi dần-dần, buồn và nặng dần-dần.

.....  
Thầy Mạnh-Kha chống gậy trúc, mặc áo xanh bạc màu. Chiếc áo xanh bạc này là của bậc tử mẫu may cho từ thuở. Thầy còn bạch-diện, trước màu xanh Tư-mã bây giờ bạc đi vì năm tháng đi du-thuyết chu-hầu. Các chu-hầu phần nhiều ích-kỷ và hà-tiện mà Thầy thì nhiều tự-ái nên từ trước đến nay, Thầy chỉ có mỗi một chiếc áo ấy mà thôi. Thầy lững-thững từ phương Đông đi đến, chòm râu bạc bay phất phơ trước gió chiều, sau lưng là Lý-thái-Bạch, một tay dắt lừa, một tay cấp một hồ rượu cúc. Dọc đường, không biết bao nhiêu là nam thanh nữ-tử, áo quần ngấn cùn-cồn tóc ngấn, thản-nhiên nhìn hai thầy trò. Thầy Mạnh-Kha hơi run nhưng cũng cố sức thản-nhiên liếc lại họ; duy Lý-Bạch, thi-hưng nổi đây, ngấm họ trân-trân.

Trên đại lộ hoàng-hôn, vợ chồng Françoise Sagan ung-dung

cấp tay nhau nhìn trời, nhìn đất, nhìn người bằng cặp mắt lơ-lơ. Nhà đại văn-hào của nước Anh sáng mặc chiếc tiên-y thêu hình một bộ đồ quần ấm, và 1 tranh tổ-nữ. Vải áo, chỉ thêu màu sắc lẫn-lộn quân-tử tiêu - nhân. Một chiếc quần ngắn và một đôi giày mở vạt che chỗ cho bộ - phận thân-thể có lẽ có nhiều ý-nghĩa của nàng. Xung quanh cặp vợ chồng ấy, không biết bao nhiêu là tài hoa son-trẻ.

.....  
Không biết là do tình-cờ, do hữu-duyên hay là những trí lớn thường hay gặp nhau mà bậc Á-thánh Đông-phương cùng với tiêu-đồng họ Lý chạm trán với đại nữ văn-sĩ ở một nơi phong cảnh rất hữu-tình : công-viên X với những chiếc ghế lập-thê, những bồn hoa lập-thê méo-mó bên hồ Léman xinh như mộng, với đám chiếc âu lướt vật-vờ, đám chiếc buồm trắng trôi nổi, đàn ca văng-vẳng : mambo, jazz...

.....  
Thầy Mạnh-Kha chấp tay cúi đầu :

— Lão phu xin kính chào các-hạ và phu-nhân. Xa-xôi từ ngàn dặm tới đây, được gặp quý vị thật là vạn-hạnh.

Françoise Sagan tươi cười, một nụ cười nào đó, thản-nhiên hay là xã-giao, đưa bàn tay ngọc ra bắt lấy hai tay khô hạc của nhà hiền-triết :

— « Buồn ơ, chào người ! »

Thầy Mạnh-Kha :

— Lão-phu nghe tiếng quý phu-nhân từ lâu. Nhờ mấy thằng bé ở tề-quốc, lão phu biết được một phần nào các Kinh, Sách của phu nhân. Thật là lời-lời châu-ngọc hàng-hàng gấm thêu.

Sagan :

— Rất cảm ơn ông bạn ! Chiều nay có dạ hội, có luân-vũ, có Rock and Roll. Ông bạn và chú nhỏ đi dự với chúng tôi nhé ?

Thầy Mạnh-Kha :

— Đa-tạ phu - nhân. Lão-phu quá già yếu, gân cốt mỗi một nên xin kiếu (Lý-Bạch giắt giải áo, Thầy Mạnh-Kha cứ lờ đi). Lão phu chỉ muốn hỏi phu nhân một điều :

Tại sao phu - nhân không đem cái lễ « nhân nghĩa » ra giầy đồ cho con trẻ, cho các nhà chính trị ? Lão-phu trộm nghĩ : từ thuở thiếu thời, tuy ngu dốt, lão phu cũng cố-gắng đọc được chừng dăm ba vạn cuốn sách của đức Thánh ; suy gẫm đã nhiều, lão-phu chỉ thấy rằng phải giầy đồ thiên hạ theo cái nguyên lý của kinh Dịch. Vì vậy, giầy người là phải chính tâm, tu thân... Lão phu có mang theo cuốn « Minh Tâm Bảo-Giám », xin phu-nhân thử xem...

Sagan xua tay :

— Cảm ơn ! Cảm ơn ! Tôi đã nghe qua, hay đấy chứ nhưng...

— Nhưng làm sao, xin phu-nhân cho lão-phu biết cao ý ?

— Đẳng kia trong tòa nhà chọc

giời ấy, ông có biết không ? Trong tòa nhà ấy có mấy lão to đầu đang lừa bịp nhau về bí-mật nguyên-tử. Phóng-xạ sạch, phóng-xạ bẩn, vệ-tinh...

Thầy Mạnh-Kha :

— Lão phu trộm nghĩ cần phải giảng thuyết cho các bậc ấy biết cái đạo Trời.

— Đạo Trời là cái gì ? Lời thôi lắm.

Ông có thấy cặp thanh niên đang ôm hôn nhau trên cái banc xanh đỏ kia không ? Tôi biết rõ họ lắm. Họ yêu nhau một cách rất là mê mồi. Chẳng đờng loạn nào vì nghiên-cứu phóng xạ đồng-vị, năng học triết-học, mà thuyết của Freud. Ông có biết Freud không ? Freud là...

Thầy Mạnh-Kha :

— Freud tiên-sinh tuy rằng thông-thái nhưng mà...

— Không-gian này là của những xe Hoa-kỳ, những cuộc nghỉ hè, những bãi biển, những Wiskey-soda. Thế giới này là thế-giới của màn ảnh đầy minh-tinh khêu gọi, ăn mặc hồ hang, của những cô gái mê mỗi nhưng lại làm bộ nhí-nhảnh, vừa nhảy múa vừa từ-từ cởi quần áo trước mặt đám khán-giả ngây-ngồ, giả-tạo.

Thầy Mạnh-Kha vuốt râu thổ dài :

— Lão phu nghĩ rằng « nhân chi sơ tính bản thiện »... ôi luân thường, đạo-lý !

Sagan :

— Cứ như vậy. Ông bạn thấy

thế nào? Ông bạn tin-tưởng vào gì? Tôi thấy mệt mỏi và chán nản! Tương lai, đạo-đức! Chỉ là chai rượu ướp lạnh, chỉ là những cái hôn. Rồi thì buồn và chán. Đón nhận lấy cái buồn và chán. Cuộc đời thật là vô-lý.

Thầy Mạnh-Kha:

— Thiết tưởng « Thiên-tử cho ra thiên tử, chư-hầu cho ra chư hầu, cha hiền con hiếu » thì...

— Ông nói đùa hay nói thật? Đây là đâu? Cái ông nói và những cái khác nữa chỉ là những âm thanh hỗn-loạn, không có đầu và không có gốc. Ông cứ nhìn lại cặp thanh-niên trên cái băng xanh đỏ kia...

Thầy Mạnh-Kha liếc vội rồi nhắm mắt lại.

Sagan:

— Cứ như thế mà sống. Nhìn cái building của các nhà bác-học nguyên-tử, tôi có cái ấn-tượng sợ-hãi rằng đó là nấm mồ của nhân-loại. Ngày mai hay ngày

mốt... À, ông bạn đi dự hội với chúng tôi chứ? Cả chú nhỏ nữa. Đến giờ rồi mời ông bạn lên xe.

Lý-thái-Bạch:

— Ta đi, thầy. Con chưa được nếm mùi Whisky - soda. Không biết nó có ngon hơn bồ-đào-tửu của ta không? Và các nàng vũ-nữ không biết có đẹp hơn người đẹp trong « Thanh-bình-diệu » của con hay không?

Thầy Mạnh-Kha nói lớn để lấp lời Lý-Bạch:

— Xin cảm-tạ phu-niân và các-hạ. Thầy trò lão-phu xin kiếu...

Françoise Sagan và chồng lên xe. Một-trăm-mười cây-số một giờ.

.....

Thầy Mạnh-Kha run-rẩy mắng Lý-thái-Bạch:

— Người phải vấn tâm lại mới được. Về nhà hãy hay...

Gió đêm hồ Léman lạnh hơn bao giờ hết.

## \* SU TỬ VÀ THỎ

Thỏ và sư tử đến một tiệm ăn. Người chiêu-dãi-viên hỏi:

— Thưa quý ông dùng chi?

Thỏ trả lời:

— Về phần tôi, ông cho vài củ cà-rốt.

Chiêu đãi-viên hỏi:

— Còn về phần ông kia, một miếng bít-tết?

Thỏ nói:

— Không, bạn tôi không dùng bít-tết đâu. Anh ấy chỉ muốn uống ly nước cam thôi.

— Tại sao? Ông ấy không đói à?

— Ông thử nghĩ, nếu bạn tôi đói, anh ấy đã làm thịt tôi rồi, tôi còn đâu mà đến tiệm ông giờ này?



# NON NƯỚC MIỀN NAM

★  
của THÁI VĂN KIỂM

(Tiếp theo P. T. số 4)



Ừ già nơi danh lam này, chúng ta lần đến Phan-rang, ngày xưa là Vương quốc Chăm Panduranga, đã hai lần sai sứ sang Triều Tống năm 997, theo Mã Đạn Lâm, một sứ gia Trung quốc sống vào thế kỷ XIII

Tại phía bắc Phan Rang, trên quốc lộ số 1, còn thấy ba chiếc tháp Dong Pa Klan tục gọi là Ba Tháp, ở Hòa-Lai, xây theo lối kiến trúc Khmer (nay chỉ còn hai tháp). Còn ở phía tây, trên đường đi Đalat, trên đỉnh đồi Trầu (Chòk Hala), vẫn còn những tháp Pò Klaung Garai tục gọi Tháp Chăm do vua Chế-Mân xây dựng.

Ở cửa biển, Ninh Chữ có dãy

cây bần (Sonneratia Acida L., Punicacées) là nơi thuyền ghe đậu núp bóng râm. Dưới thời Tây Sơn, có thủy sư đô-đốc Ngô-văn-Sở sai đồn tất cả những cây bần ấy, làm cho dân chúng bực mình mới thốt ra những câu chua chát:

Mồ cha đưa đồn cây bần,

Không cho ghe đậu, ghe lần  
ghe đi.

Chúng ta tiến tới Cà Ná, một con đường núi đẹp như tranh, chạy ven biển, nước trong xanh như ngọc bích. Trước kia, Cà Ná là nơi thừa lương của các vua chúa Chăm, nay là ruộng muối mệnh mông hàng năm sản xuất tới 50.000 tấn.

Rồi ta tới Vĩnh-Hảo với suối nước có chất tô đả (carbonate de soude) bên cạnh có khu rừng

mai nở hoa bốn mùa, nơi du ngoạn xưa kia của vua *Chế-Mân* và *Huyền-Trần Công-Chúa*.

Vào khoản *Nha Me* (Ea Moemeh: nước ngọt) ta sẽ thấy một giòng suối có lẫn chất diêm đó là thứ nước thần mà người Chăm hứng về để rửa các tượng đá cho trơn láng (eaux lustrales).

Trên phần đất Trung-Việt, chúng ta chỉ còn phải đi thăm nốt hai thành phố Phan-Ri và Phan-Thiết.

*Phan-Ri* (Parik) xưa là thủ phủ của phong ấp Tân Đà La (Pin To Lo) thuộc về phái Cây Cau (Clan de l'Aréquier) một quý tộc Chăm thường xung đột với phái Cây Dừa (Clan du Cocotier) ngự trị miền bắc. Nơi đó hiện nay vẫn còn những dòng dõi các vua Chăm.

*Phan-Thiết* (Manthit) tỉnh cuối cùng của miền Trung-Việt. Tỉnh này sáp nhập vào lãnh thổ Việt-Nam năm 1697 và ở Phố Hải (Pajai) còn có cái tháp cực Nam của Chiêm-Thành.

### Đà-lạt - Cao nguyên Miền Nam

Trước khi rời khỏi miền Trung, ta cũng nên thăm qua miền Cao-Nguyên với những thành phố: *Đà-lạt* (Đa: sông; Lạt: rừng thưa, tên một bộ lạc), *Banmê-thuot* (Ban: làng; mê: cha — thuot: tên người), *Djiring* (Sáp ong) và nhiều làng với những

tên gọi có tiếp đầu ngữ Ea hay Da (nước, sông, như: Da Dung, Danhim, Dakto, Dakmil, chứng minh rằng đồng bào miền thượng luôn luôn tìm sông hói khe nguồn để lập ấp.

### Đồng Nai - Bến Nghé

Bây giờ ta đã bước chân vào đất Nam-Việt mà trước đây không lâu, người ta còn gọi là *Nam-Kỳ* hay là Cochinchine. Theo nhà cổ học Emile Aymonier thì tên Cochinchine có lẽ do 3 chữ: *Cô Chiêm Thành* mà ra. Nhưng Marco Polo hồi thế kỷ XIII đã gọi nước Giao-Chỉ (Kiao Tche) bằng tên *Caugigu* (Giao Chỉ Quận). Tên này sang miệng người Mã-Lai biến thành *Kutchi* và người Nhật đọc là Kotchi. Nó là phần đầu của tên xứ *Nam-Việt* do người Bồ Đào Nha đặt ra: Cauchi-china. Phần thứ hai (china) thêm vào cốt để phân biệt xứ Kutchi chịu ảnh hưởng của Trung Hoa với xứ Kutchi của Ấn-Độ (Cochin).

Ta cũng nên nhắc lại là người Tây phương khi đặt chân lên xứ mình hồi thế kỷ XVI, XVII, đã gọi bằng tên Cochinchine hay Đàng-Trong tất cả giải đất từ sông *Gianh* (khoảng vĩ tuyến thứ 18 trở vào, đối với Đàng-Ngoài (Tonkin) là giải đất từ sông *Gianh* trở ra.

Lần đầu tiên tên Cochinchine được dùng trong hiệp ước 28-11-1787 công nhận sự đồng minh

giữa quốc-vương Pháp và quốc-vương Cochinchine, trong thế-thủ cũng như thế công. Xứ Cochinchine đã hoàn lại nước Việt-Nam độc-lập do sự biểu quyết của Quốc-Hội Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1949.

Người ta cũng gọi xứ này là *Đồng-Nai* (đồng có nhiều nai). *Lộc-dã*, *Lộc-dồng* (cùng một nghĩa) hoặc *Nông-Nại*, là nơi mà người Việt mình đặt chân lần đầu tiên năm 1623. Sử chép rằng Chúa Sãi-Vương Nguyễn-phúc-Nguyên (1613-1635) đã gả công-chúa *Ngọc-Vạn* lệnh ái thứ 2, cho vua Cao-Miên Chei Chetta II (1618-1626) từ Xiêm trở về lên ngôi báu và đóng đô tại *Oudong*. Nhờ sự giao hiếu ấy vua Cao-Miên mới cho phép người Việt di dân vào Nam-Bộ. Chúng ta đã đặt đầu cầu tại *Mố-Xoài* (gò trống xoài), gần *Bà-ri-a* (nay là Phước-Lễ, tỉnh Phước-Tuy), đúng vào năm 1623. (Theo Claude Madrolle — Indochine du Sud, Paris 1926).

Cũng trong năm này, một phái đoàn ngoại-giao đã được cử sang Oudong đề thương-thuyết sự nhượng lại Sở Thuế quan Sài-Côn (En 1623, les vietnamiens envoyèrent une mission pour demander la cession de la Douane de Saigon — Histoire du Cambodge par M. Giteau, Paris 1957).

Về sau, đến đời vua Réam Thip Dei Chau (1642-1659, em vua trước, vị hoàng-hậu Việt-Nam nói trên đã xin vua Cao-Miên cho

phép người Việt được quyền khai thác xứ Biên-hòa năm 1658 (Theo Claude Madrolle).

Sở dĩ vua *Cao-Miên* đã giao hảo với nước ta và tự ý nhân nhượng một phần nào, là vì muốn cậy thế lực của triều đình Huế để chế ngự ảnh hưởng của người Xiêm (Peut-être le souverain pensa-t-il que les princes de Huế pourraient contre-balancer l'influence des Siamois — M. Giteau).

Như vậy, chúng ta đã đến sinh cơ lập nghiệp, khai khẩn đất đai Nam-bộ là do sự thỏa thuận hoàn toàn của đôi bên, chứ tuyệt nhiên không phải là một sự xâm nhập. Lại nữa, nhờ uy-thế của chúng ta mà Cao-Miên đã đối phó hiệu quả với những tham vọng của nước Xiêm và bảo toàn được nền độc lập của mình.

Nói tóm lại, sự hiện diện của chúng ta từ hơn 300 năm nay tại Nam-Bộ rất là hợp tình, hợp lý và hợp pháp. Nói một cách khác, công cuộc Nam-tiến của tổ tiên ta là một sự kiện lịch-sử bất di dịch, nó hiển nhiên cũng như cuộc Tây tiến của người Âu-Châu tại Mỹ-quốc và cuộc Đông tiến của người Anh tại Úc-đại-Lợi.

Con sông *Đồng-Nai* sẽ đưa ta đến tỉnh Biên Hòa (có nghĩa là Hòa Bình ở biên-cương), một trấn đã được sáp nhập vào nước ta năm 1658. Khoảng đất này xưa gọi là *Đông-phố*, đúng ra là *Giân phố*, vì hai chữ Đông(東) và *Giân*

(東) viết hơi giống nhau. Về sau, nơi này đã được triều đình Huế giao cho bốn người Trung Hoa gốc Quảng tây di cư theo hai tướng Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình đến khai khẩn và lập nghiệp năm 1679 tại Cù-lao Phố, sau khi nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ.

Miền trên *Biên hòa* thì có *Hố Nai* (hố sập nai) *Trắng Bom* (Trắng là một cái đồi bằng phẳng và rộng rãi, plateau) có trồng nhiều cây chùm-bao lom, đọt trạnh hành bom, sinh ra một thứ dầu gọi là chaulmougra, dùng để trị phong hủi. Phía dưới là nhà thương điên *Nguyễn Văn Hoài*, tại đây một nhà bác-học đã quả-quyết với chúng tôi rằng trong một đời người, số giờ mà chúng ta điên cuồng cộng lại ít nhất cũng được vài năm!

*Biên-hòa* là quê hương của Đỗ thành Nhân, một trong « Gia-Định Tam-Hùng ». Hai người kia là Võ Tánh quê ở Gò công và Nguyễn huỳnh Đức, quê ở Tân-an.

*Biên-hòa* là xứ bưởi bồng ngon ngọt có tiếng, nên mới có câu ca dao:

*Thủy dễ ngư, thiên biên nhạn  
Cao khả xạ hề, đề khả điểu,  
Chỉ kích nhơn tâm bất khả  
phòng*

*E sau lòng lại đời lòng,  
Nhiều tay tham bưởi chẻ bóng  
lấm anh.*

Chúng ta đi ngang qua trước ngọn núi *Châu Thới* cao 65 mét

trên có ngôi chùa *Hội Sơn*, được trùng tu vào đầu thế kỷ thứ 19, nhờ công đức sư Khải Long:

*Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,  
Nghiêng chùa Châu Thới mới  
sai lời nguyện!*

Rồi đến *Thủ Đức* với những hồ bơi nước suối, và những gói nem ngon lành. Chữ *Thủ* nhắc lại ngày xưa có những chức quan văn như thủ hạ, thủ hộ, lo về việc thuế má và nhơn thế bộ. Do đó mà có những địa danh như *Thủ Thiêm*, *Thủ Thừa*, *Thủ Ngự*, v. v..., đề nhắc lại tên mấy ông thủ hạ, thủ hộ ngày trước. Miền *Thủ Đức* lại nhắc cho ta hai câu đối « treo dò »:

*Xứ Thủ Đức năm canh thức đủ  
Kể cơ thần trở lại Càn Thơ.*

Có lẽ vì năm canh thức đủ mà có kẻ than thân trách phận tự mình sánh với cái nem *Thủ Đức* lột trần:

*Người ta năm chị bảy em,  
Tôi đây như thể chiếc nem lột  
trần!*

Phía tay mặt ta là *Gò-Vấp*, xưa kia là một ngọn đồi trồng *cây vấp* (Kraik theo tiếng chàm, Lim và Vấp theo tiếng Việt, Thiết lực mộc theo tiếng tàu, Mesua ferrea L). Thứ cây này xưa kia được coi như thần mộc, yểm hộ cho dân tộc Chàm. Dã sử thuật lại rằng vào đời vua Chiêm cuối cùng là Pô Romé (1627-1651), vua này muốn vờ ý một ái-phi người Việt đã ra lệnh đẵn cây *Kraik* cô thụ rợp bóng nơi vườn ngự uyển. Hơn một trăm thị vệ

lực lưỡng không sao hạ nổi vì vết riu mỗi lần bỏ xong thì khép lại ngay. Nhà vua tức giận cầm lấy riu hạ xuống một nhát. Tức thời một tiếng rên rĩ vang lên và cây gục xuống giữa một vũng máu. Và cũng từ đó, vận khí nước Chiêm suy dần cho đến ngày tàn tạ!

Bây giờ ta vào thành phố *Saigon*, nơi mà ba trăm năm về trước (1674) tiền đạo quân ta lần đầu tiên đã đặt chân tới, mang theo khẩu hiệu: « Tĩnh vi nông, động vi binh ». Quân ta không phải tự động mà đến, chính là do lời yêu cầu khẩn thiết của nhà đương cuộc hồi bấy giờ.

Họ khai khẩn đất đai với sức dẻo dai sẵn có, đào sông ngòi trong vùng đất thấp và đầy đó khắp nơi, xây dựng thành trì kiên cố.

Một trong những công tác quân sự ấy do tướng Nguyễn đức Đàm xây năm 1772, rồi đến thành trì Phan An xây năm 1790, kế đến là thành Gia-Định xây năm 1836. Những thành ấy, xây đắp với mấy vạn nhơn công và bao nhiêu tài trí như đã ghi trong câugan ngữ:

*Dân đất Bắc  
Đắp thành Nam:  
Đóng dũ là đóng!  
Sâu Tây với voi!*

Chúng ta đang ở trung tâm thành *Saigon*, thủ đô nước Việt-Nam tự do. *Saigon* (*Sai*: củi, *gòn*:

hông gòn) chuyển sang chữ nho thành *Sai - Cồn* (禁棍) là củi gòn, vì chữ nôm gòn viết là Cồn, như ông Tịnh Hoài Đức (1765-1825) đã ghi trong tác-phẩm « Gia-Định Thống Chí » mà hiện nay chúng ta còn một bản ra pháp-văn của ông Gabriel Aubaret (Histoire et description de la Basse-Cochinchine).

Theo một số người khác thì *Saigon* có lẽ do chữ *Đê Ngạn* đọc thành *Tai Ngạn* hay *Thây gon* theo giọng Quảng Đông hay *Tin gan* theo giọng Triều châu, dùng để chỉ thành phố do người Tàu lập nên năm 1778, sau khi họ phải rời bỏ *Biên-Hòa* vì chiến sự giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn, để nhờ sự bảo hộ của quân đội Chúa Nguyễn đóng tại *Bến Nghé*.

Nguyên ủy xa hơn cả có lẽ là sự chuyển âm của một danh xưng tối cổ *Preikor*, có nghĩa là rừng gòn, một loại cây hiện nay còn trồng nhiều ở *Thủ đô*.

Theo ông Verdenhe thì *Saigon* có thể là hai chữ nho: *Tây Cống* đọc chạnh ra, tên này ám chỉ rằng thành phố là phần đất xưa kia đã được các vị vua phía Tây cống hiến cho ta.

Ta nên lưu ý rằng tên *Saigon* chỉ được dùng trong các văn kiện của Pháp kể từ 1784 trở đi mà thôi (Nouvelles lettres édi-fiantes et curieuses, do Ad. Le-chère xuất-bản, năm 1821, quyển VII: Bản dịch một bức thư tiếng la tinh viết tại miền Nam kỳ Hạ,

do ông André Ton, ngày 1 tháng 7 năm 1784, trang 437-438-439).

Còn danh xưng của *Chợ lớn* mà người Tây đọc liền lại là *Cholon*, nó chỉ ngôi chợ xưa kia nằm trên địa điểm hiện tại của sở Buu-Điện Chợ Lớn kéo dài tới tận « Đại thế giới » cũ. Chợ này lập song song với *Chợ Nhỏ* hiện nay còn tồn tại với tên *Chợ-Thiếu* ở phía trường Đua Phú Thọ. Về sau, *Chợ Lớn* được dời tới *Chợ Lớn Mới* do nhà đại phú Quách - Đàm xây tặng. Trượng họ Quách vẫn còn ở giữa đình chợ *Bình-Tây*.

Theo thiêm ý thì tên Saigon bắt nguồn từ thời xa xăm, khi nó còn được gọi là Preikor (rừng gòn). Đến năm 1674, người Việt đến liền phiên âm nó một cách nôm na là Sài-gòn hoặc dịch ra chữ nho là Sài-Côn.

Năm 1778, những người Trung Hoa đã được triều đình Huế cho định cư tại Biên Hòa từ 1679, phải rút lui xuống Sài gòn, họ liền phiên âm tên này bằng hai chữ mà họ đọc là Tai Ngon hay Thầy gòn, mà ta đọc là Đề Ngạn.

Rồi đến lượt người Tây phương đến, họ dùng chữ La mã để ghi, địa danh Sài Côn hay Tai Ngon thành ra Sàigòn hay năm 1784.

Như thế là sự biến đổi âm dạng của địa danh này đã tùy sự hiện diện liên tiếp của những người quốc tịch khác nhau.

Dấu sao thì hồi xưa tên Sài gòn chỉ áp dụng cho khu vực Chợ Lớn hiện thời, còn chính Sài gòn bây giờ thì khi ấy là Bến Nghé, theo những lời ghi chú của Trịnh Hoài Đức và của các nhà hàng hải Âu-Mỹ nữa. Và lại, ngay trên bản đồ do ông Trần Văn Học vẽ ngày mùng 4 tháng chạp năm Gia Long thứ 14 (1815) còn ghi rành rành trên vùng Chợ Lớn hiện tại (chỗ nhà thương chợ Rẫy) ba chữ Sài côn xứ, khoảng gần Cây Mai và Phước Lâm (nay đổi là Phú Lâm).

Ông Finlayson trong cuốn « Voyage du Bengale Chine et à la Cochinchine » (1821-22) có xác định : « Tại xứ Cochinchine có hai thành phố, mỗi thành phố đều rộng lớn như thủ đô nước Xiêm, một nữa xây cất tên gọi *Bingeh* (Bến Nghé) và một nữa cách đây chừng một hai dặm, tên gọi Saigon... *Bingeh* tiếp giáp một pháo đài mới lập được ít năm nay, theo nguyên tắc xây thành đắp lũy của Tây-phương.

Phái đoàn Crawford, do vị toàn quyền A h tại Ấn độ là Huân tước Hastings gửi đến gặp vua xứ Cochinchine, có ghi trong cuốn nhật ký « Journal of an embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina », xuất bản năm 1828, xác nhận điều mà ta đã biết, nhờ ông Finlayson, về hai thành phố kề cận nhau là Saigon và Benghe.

(Còn nữa)

# NGƯỜI VIỆT-NAM CÓ MÀY Giọng Cười?



VƯƠNG-HỒNG-SẾN



ẤN-đề « Cười » tuy vậy mà bí-hiềm, các bạn ạ. Trong bộ « Đại Nam Quốc Âm Tự-Vị », ông HUỲNH-TỊNH-CỬA viết :

**CƯỜI.**— Cách há miệng, nhếch mép, hoặc trở ra tiếng, hoặc không có tiếng, để tỏ sự vui hay một thâm ý gì ».

Hàng dưới, ông chưa thêm :

**CƯỜI.**— Cũng có nghĩa là « chê-bại ».

★

Truyện sách đều đầy-dẫy tiếng cười :

Bao - Tỷ cười : nghiệp Châu sụp đổ.

Tây-Thi cười : vua Ngô bại vong.

Cười như TRẦN ĐOÀN lúc Tàn-Đường, cười đến ngã lăn chiêng trên lưng lừa, vì giữa đời loạn ly, ông đã tốt phước thấy một lần hai vua được bà mẹ chạy giặc, gánh gợn lờ trong hai thúng :

Thúng bên này ông Khai-Quốc

Tống Thái-Tổ, Triệu Khuông-Dẫn,

Thúng bên kia, ông Thái-bình Thiên-tử : Tống Thái-Tôn, Triệu Khuông-Nghĩa.

★

« Tiếng thủy điện cười giã ra gạo, « Mùi quyền môn, thắm rất nên phải ».

(Cung-oán)

Xét ra, « sống phải có cười » con vui, reo cười là thể gian thường tình. Đến như gặp đau khổ, mà cũng cười được, cái mới khó. Và càng đau khổ lắm lại càng phải cười nhiều.

Nay thử hỏi : « Người Việt có mấy giọng cười ? »

Và đây là những cười đã ghi chép trong sách vở :

Trong Kiều có câu :

« Lời ngay đông mặt trong ngoài,  
Kẻ chê bất nghĩa người cười  
vô nhân ».

Lục-Vân-Tiên đã có những câu :

« Tiên rằng ông quán cười ai ?  
« Quán rằng : cười kẻ bất tài đồ  
thor !  
« Cười người Tôn Tẫn khôn lừa,  
« Trước đã thấy máy chẳng ngừa  
Bàng Quyên.  
« Tiên rằng : Ông quán chớ cười,  
« Đấy đã nhớ đặng bảy người  
Trúc Lâm ».

Tiếng cười có khi *bả-lả*, *phui-pha* : như cặp vợ chồng son trẻ, gấu-ó nhau cho đã, rồi tươi cười *bả-lả* sau khi cơn giận đã nguôi.

Tiếng cười có khi *bã-chã*, *bời-rời*, như cơm thổi nhiều nước và ôi : Cười *bã-chã* như khi ông ăn chả bà ăn nem, cười *đề* che lấp việc xấu, *đề* che mắc cỡ.

Cười nói *bô-lô ba-la*, tỏ ra người tánh tình vui-vẻ, dễ dãi...

Cười *bô-lê bô-càng* như mấy gã cao-bồi chọc gài.

Còn khi thì cười - *cợt* như trong câu :

« Khi khoẻ hạnh khi nét ngài,  
« Khi ngám ngại nguyệt, khi  
cười-cợt hoa. (Kiều)

Có khi cười *dài*, là cười một hơi, hoặc có ý khinh-rẻ, hoặc là mừng-rỡ

« Chẳng hay ông quán cười chi ?  
« Võ tay xuống chiếu một khi  
cười dài (Lục-Vân-Tiên)

Cười hết giận là khi *Huyền-quan* muốn tha Kiều, cho nên mở hơi :

« Cười rằng : đã thế thì nên,  
« Mọc - già hãy thử một thiên  
trình nghề. (Kiều).

Cười *bác* câu :

« Nghe lời vừa ý gặt đầu :  
« Cười rằng : tri-kỷ trước sau  
mấy người. (Kiều)

Cười *dắc* chỉ :

« Cười rằng cá nước dưng ưa,  
« Nhớ lời nói những bao giờ  
hay không ? (Kiều)

Có khi cười *giòn* như người đánh hạc tốt số.

Có khi cười *gần*, cười *gượng*, cười *dần* từng tiếng một, *đã* ngắn giọng thêm *mĩa-mai* (rire jaune).

Cười *gượng* : tuy cười *lành* vậy, mà sau tiếng cười, *phong* ba nổi dậy cũng không chừng.

« Sinh càng thâm-thiết *bời-hời*,  
« *Vội-vàng* gượng nói gượng  
cười cho qua. (Kiều).

Có khi cười *hi-hi*, cười như *rên* ; khi *hề-hề*, *hề-hề* như *đé* già *be-he*, như *hề-đềng* gheo gài.

Cười *hềnh-hệch* như *mụ* cho *vay* cắt cò được con nợ *ràng-rắc* trả tiền ...

Có khi trong tiếng cười xen tiếng *hiêm-độc* :

« *Giận* đầu ra mặt thế thường,  
« Cười này mới thật khôn  
lường hiểm sâu. (Kiều).

Còn ai không biết giọng cười *khì*, là giọng cười ra *dáng* *ngạo-nghe* :

« Khi mới *để* người *dà* *khóc*  
*chóc*,

« Trần có *vui* sao *chẳng* cười  
khì ! (Nguyễn Công Trứ)

Còn thiếu gì thứ cười, như : *cười* *khảy*, *cười* *khan*, *cười* *khanh-khách*, *cười* *thanh-thách*, *cười* *khánh-khách*, *cười* *khinh-khịch*, là những cười y như những tiếng *nhái*, những *ngĩ-thanh-từ* đã sẵn.

Cười *khúc-khích* như trong câu thơ xưa *vịnh* người *điếc* :

« Cười *khúc* *khích* mình *cười*  
*chuyện* một mình », hay là như trong câu « *được* *ích* *khúc* *khích* lại *cười* ».

Cười *đến* *long* *óc*, *lộn* *ruột*...

Cười *lả* là cười cả tiếng mà *lạt* - *lẻo*...

Cười *lằng-lơ* là cười *đến* *mất* *lẽ-độ*.

Cười *lả-lúa* là của *bọn* *gái* *làng* *chơi*...

*Ngoài* ra còn *cười* *mon* là *cười* *a-dua*, (*cười* *xin* *mề-đay*, *xin* *sở* *làm*).

Còn *cười* *mon* *trón*, *cười* *mỉn* *mép*, hoặc *cười* *nửa* *mép*, *cười* *mùn-mỉn*, *mùn-mỉn*, *cười* *chúm* *chím*, *túm-tím* (như cô gái được mẹ hỏi muốn chồng hay chưa).

Cười *mèo* là một thứ cười *gần*...

Còn *cười* *miếng* *chì* là cười *duyên* (*cười* *chúm* *chím*).

*Làng* *dao* *búa* *chế* *thêm* *thứ* « *cười* *miếng* *chì* *cọp* » là thứ *cười* *vô* *duyên* như *cọp* *mếu*, *cười* *của* *hạng* *anh* *chị* *bự* *được*

người *sợ* thì có mà *thương* thì *không*... lại có thứ *cười* « *muờn* *d*... *trong* *quần* » của *gái* *giang* *hồ* *lả-lúa*.

Có thứ *cười* *nẻ* *bụng*, *cười* *nẻ* *ruột*, cũng có thứ *cười* *nỏ*, *cười* *nả* là *cười* *rộ* *lên*, *cốt* *làm* *cho* *đối* *phương* *mất* *thằng* *bằng*, *quên* *chuyện* *vấn* *nạn* *minh* *đi*.

Cười *nụ* như trong câu :

« *Cũng* *trong* *một* *tiếng* *to* *đồng*,  
« *Người* *ngoài* *cười* *nụ*, *người*  
*trong* *khóc* *thầm* (Kiều).

Cười *nên* *sắc* là cười *lắm* *bất* *phải* *tức* *nghẹn* : khi ấy *cơm* *nước* *trong* *miệng*, *nuốt* *chưa* *trôi*, *phải* *chạy* *ra* *theo* *đàng* *lỗ* *mũi* :

« *Võ* *tay* *cười* *nên* *sắc*, *giặc* *giã*  
« *tơ* *hát* *chơi*, *grom* *linh* *ai* *nữ*  
« *giết* *ruồi*, *dạn* *ngọc* *bao* *danh*  
« *bán* *sẻ*... »

(Tuồng hát bội « *La* *Thông* *tảo* *bắc* »).

Cười *cười* *nói* *nói* như câu :

« *Tiêu* *thơ* *cười* *nói* *tĩnh* *say*,  
« *Chừa* *tan* *tiệc* *rượu* *lại* *bày*  
*trò* *chơi*. (Kiều)

« Cười *cười* *nói* *nói* *ngọt* *ngào*,  
« *Hỏi* *rằng* : *chàng* *ở* *chốn* *nào*  
*lại* *chơi* ? (Kiều)

Cười *nôn* *ruột* là cười *lắm* *bất* *nhột* *nôn* *trong* *ruột*, khi ấy *muốn* *nín* *cười* *cũng* *chẳng* *đặng* *đứng*.

Cười *ngắt* *ngắt* *đến* *chết* *được* thì như trong *truyện* *Tàu* *đã* *kể* : *đời* *Đường*, *tướng* *Trình* *Giáo* *Kim* *lúc* *trở* *về* *già*, *đi* *ăn* *tiệc* *cưới*, *rượu* *hừng* *chí*, *nhắc*

lại thời liệt-oanh buổi nhỏ rồi vui thích quá, cười ngất-ngất đến hột hơi mà chết. Con là Thiệt-Ngưu sanh bình lỗ mãng như cha, thấy lâm vậ bụng mặt khóc ngất-ngất rồi cũng tắt thở theo cha, để lại cho đời một chuyện hư thiệt không tương nhưng làm giai-thoại « Tiểu tử Trinh Giáo-Kim, Khấp tử Trinh Thiệt-Ngưu » là vậy.

Qua đời Tống, tướng tài Mông Cổ là Ngột Truật, thất cơ bị trông quên của Nhạc Phi là Ngưu Cao đè dưới đất cỡi trên lưng: Ngột Truật giận quá uất khí xung lên rồi chết, Ngưu Cao khoái chí quá cũng cưỡi phá lên đến ngã người trên mình Ngột Truật mà nín thở luôn, đây lại là một giai thoại khác, ngờ vực không kém chuyện trên.

Các từ-diễn đều ghi « *cười ngất* », « *cười ngưỡng* », và « *cười ngất cười nghẹo* ». Trong Nam còn thêm « *cười ngắc-nga ngắc nghẻo* ».

Lục-Vân-Tiên có câu :

« Hai người lại gặp hai người,  
« Đều vào một quán vui cười  
ngả nghiêng. »

Việt-ngữ mới có thêm câu « *cười ngoại-giao* » như thằng con cao-bồi o-bế mẹ xin tiền đi Tây trốn chùn quân chùn lính.

Cười ngón ngoén, cười lớn-lớn là cái cười của anh chông bát nhọn vừa nường xong số lương tháng trong sòng bài hoặc cười như thằng cha sợ vợ vừa nói chuyện với gái sê, nay về nhà

giả bộ môn-trón với « má bù trê » để che tội ăn vụng cơm thiu ngoài chái lợn !

Cười nhạo là *cười chế* :

« ... Quán làm sao được kể *chế* người *cười*. (Quan Âm Thị-Kinh).

Cười nhờn vừa thấy rằng hột bắp là cái bí-mật của mỹ-nhân.

Còn cười nhạt, cười nhợt, trong Nam lại nói « *cười lại* » là cười thiếu ý-vị đậm-dà của một người giả-dối.

Ngoài ra còn:

Cười om, cười om-sòm.

Cười phẩn cợt son :

« *Những là cười phẩn cợt son,*  
« *Đèn khuya chung bóng, trăng*  
*tròn sánh vai.* (Kiều)

Cười phỏ : *cười nịnh* ;

Cười reo, rộ ; *cười hắc-hắc* ;

Cười rười : *cười nhạt-nhẽo*, có ý giả-dối siểm nịnh, gần như *cười môn*.

Cười ra nước mắt nước mũi : « *khóc hồ người cười ra nước mắt* ».

Cười rả rả, cười hả hả.

Cười rề là mím miệng không dám cười lớn, chẳng dè tiếng cười lại rề ra.

Cười the-thế như mụ cốt mụ đồng.

Khi thì :

« *Khi ấp mạn óm đào gác*  
*nguyệt.*

« *Lúc cười sưng cợt tuyết đèn*  
*phong* (Cung-Oán).

« *Thối cười nọ lại nhả mây*  
*liều.*

« *Ghẹo hoa kia lại giễu gót sen* ». (Cung-Qán)

Cười sần-sặc. — Tỷ-dụ : *Tiếng cười sần-sặc* trong mùng, khiến không một ai ngủ được.

Cười thăm : cười ngầm trong bụng :

« *Mím miệng cười thăm với*  
*nước non* (Yên Đổ).

Cười tùm-tùm : *mủn-mủn* ;

Cười tít-toát, tít-toét ;

Cười tràn : *bordée de rire* ; cười một tràng pháo nổ.

Cười tráy-trúa :

Cười tướng, cười lão là trong điệu hát bội, cười có oai khí nhà tướng, có điệu già quan lão.

Cười xòa : nín không dặng phải há miệng cười : cười cho qua việc, cho đỡ mắc cỡ.

Cười vạy khốc mướn trong nghề ca-kịch... vản-vản....

✱

Nay kể các thành-ngữ trong ấy có dùng tiếng « cười » thì :

Buồn cười là không nhin cười được. Buồn vì bị người ta cù mà nhột, rồi không nhin cười được, thành ra « *cù buồn quá* ». (Mắt tiếng cười !) Lại cũng có nghĩa là « *muốn cười* ». (Buồn mửa : *muốn mửa*).

Cả cười là cười lớn tiếng !

« *Cùng nhau trong mặt cả cười,*  
« *Dan tay về chốn hiên mai*  
*tự tình.* » (Kiều)

Còn cười là trong câu :

« *Trước sau nào thấy bóng*  
*người,*

« *Hoa đào năm ngoái còn cười*  
*gió đông* » (Kiều)

Cù không cười là ăn nói vô duyên, đầu chọc nhột cũng không cười. Cũng có nghĩa là người có tánh nghiêm nghị, đầu chọc mẩy cũng không cười.

« *Ngảnh đi chọc nói chọc cười,*  
« *Cáo say chàng đã tỉnh bài*  
*lãng ra* ». (Kiều)

Vô duyên chưa nói đã cười.

Chuyện dễ tức cười.

Người hay cười là người nhạy miệng dễ dãi.

« *Hoa cười ngọc thốt đoan*  
*trang.*

« *Mây thua nước tóc tuyết*  
*nhường màu da* ». (Kiều)

« *Vườn thượng-uyên hoa cười*  
*vời nắng* ;

« *Lối đi về ai chẳng chiều*  
*ong* ». (C.O.)

Lửa cười là lửa reo vui : (đề trên lửa, nước sôi, Cao-Miên rằng « *nước khốc : tứck dôm* », Việt-Nam gọi « *Nước kêu ầm* », Pháp vẫn cho rằng « *nước hát* » (l'eau chante dans la bouilloire).

Mím cười : nhếch môi cười không cho thấy răng :

« *Đira đại hay cười cả tiếng,*  
« *Người khôn mím miệng cười*  
*môi* ».

Mua cười như trong câu :

« *Giả thử ngay khi trước, Liêu-*  
« *Dương cách trở, duyên chàng*  
« *Kim đĩnh dở việc ma chay, quan*  
« *lại công bằng, án viên-ngoại*

« tỏ ngay tình oan uổng ; thì dẫu  
« đến nỗi son phấn mấy năm lưu  
« lạc, đem thân cho thiên-hạ mua  
« cười ; mà chắc biên- thủy một  
« cõi nghinh-ngang, ai xui được  
« anh hùng cõi giáp »...

(Bài tựa truyện Kiều của Chu Mạnh Trinh do Đoàn Quỳ dịch).

**Muốn cười :** Thăng đó nói chuyện nghe vô duyên quá, muốn cười mà không sao cười được.

**Miệng cười :**  
Thiếp dù vụng chắng hay suy,  
Đã dơ bụng nghĩ lại bìa miệng  
cười » (Kiều)

**Nực cười :** bắt phải cười.  
« Lại còn bụng bít giấu quanh  
« Làm chi những thói trẻ ranh  
nực cười » (Kiều)  
« Nực cười châu-chấu chống xe,  
« Tưởng rằng chấu ngã ai dè  
xe nghiêng.

(Chuyện Lý Thường Kiệt)

**Nói cười :** và nói và cười :  
« Bề ngoài thon-thót nói cười  
« Mà trong nham hiểm giết  
người không dao. (Kiều)  
« Bụng dào khuya sớm thanh-  
thời,  
« Ra vào một mực nói cười  
như không. (Kiều)  
« Mấy phen cười nói tỉnh say,  
« Tóc tơ bất động mấy may sự  
tinh. (Kiều)

**Nín cười** là không dám cười.

## GIÁO-SƯ BỮU-HỘI

**Tổng - Giám - Đốc Trung-  
Ương Nguyễn-tử-lực Việt-  
Nam.**

*Tổng-thống Ngô-dinh-Diệm  
vừa tiến-cử Giáo-sư Bửu Hội  
làm Tổng - Giám - Đốc Trung-  
Tâm Nguyễn-tử-lực Việt-nam  
tại Đà-lạt.*

Nhân dịp này, tạp-chí PHỒ-  
THÔNG xin trân-trọng chào  
mừng nhà Đại Bác-học Việt-  
Nam và tin-tưởng rằng ông sẽ  
thành-công rực-rỡ trong việc  
thực-hiện chương trình xữ-  
dụng Nguyễn-tử-lực vào công-  
tác Hòa-bình, và tăng cao uy-  
tín của nước Cộng Hòa Việt-  
Nam đối với các cường-quốc  
nguyên-tử quốc-tế.

N. V.

**Ngậm cười** như trong câu :  
« Chì dù thịt nát xương mòn,  
Ngậm cười chín suối hãy còn  
thơm lây » (Kiều)

**Ngửa mặt cười** dài thì như lúc  
Tào Tháo thua xiềng-liềng trận  
Xích - Bích, vừa thoát khỏi tay  
lợi-hại Trương Phi, đứng trước  
Huê Dung đại lộ và tiểu lộ, dám  
chê Khổng-Minh sơ-sốt, đợi khi  
gặp tướng Quan Công mới hết  
cười (xem Tam Quốc).

**Ôm bụng** mà cười thì trong hát  
bội đã có câu :

« Thở sự đoán như xuân mộng,  
« Nhân tình nhẹ tựa thu vân,  
« Cẩn rằng cười, cười cũng khó  
khăn,  
« Ôm bụng chịu, chịu càng vui  
sướng... »

(Tuồng Tiết Cương chống  
búa)

**Phi cười** là không nhin cười  
được phải bật cười, phải xi ra,  
phải cười xóa (tiếng trong Nam).

**Trận cười.**—  
« Biết bao bướm lả ong lơi,  
« Cuộc say đầy tháng trận cười  
suối đêm ». (Kiều).  
« Thúc Sinh quen thói bốc rời,  
« Trăm nghìn đồ một trận cười  
như không ». (Kiều).

**Trò cười.**—  
« Trước cho bỏ ghét những  
người,  
« Sau cho để một trò cười về  
sau » (Kiều).

**Thơ cười :** Lại còn có cái cười  
sắc-sưa như cô Diệu-Huyền (Thi-  
sĩ Nguyễn-Vỹ) cười trong tập  
« Thơ Di-dôm » :

.....  
Hả hà ha ! Hả hà ha !  
Nước Non nghiêng ngã cười ta  
với mình !  
Đường xa muốn nẻo gặp ghềnh,  
Mả - mồ muốn thuở cười mình  
với ta !  
Hả hà ha ! Hả hà ha !  
Mực sàu dốc cạn, chảy ra Thơ  
cười !  
.....  
(Diệu Huyền)

★

Cười ba tháng chẳng ai cười  
ba năm.  
Cười bằng con mắt.  
Cười cợt bỡn, cười nỏ, cười  
lả-lơi (đến quá lố).  
Cười đến vãi nước mắt, đến  
đứt ruột.  
Cười híp mắt lại.  
Cười hở mười cái răng.  
Cười lăn cười lộn,  
Cười như cọt mếu.  
Cười như đười-ươi (ười-ươi)  
Cười như ngựa cười.  
Cười như cô gái sút môi, một  
lần cười là đúng với câu « cười  
méo miệng ».

Cười như nắc-nẻ (nắc - nẻ là  
loại thảo có hoa đẹp, sinh ra  
trái bằng hạt lạc lớn, trong có  
nhiều hạt nhỏ, khi chín nổ tung  
ra, gọi là cây móng tay, hoặc  
cây nỏ, hoặc cây nắc-nẻ, Pháp  
gọi « Balsamine » cũng dùng làm  
thuốc chữa bệnh tức ngực.)

Cười như ri-ám.  
Cười người chớ khá cười lâu,  
Cười người hôm trước hôm sau  
người cười (ca-đạo).

Cười nên tiếng khóc.  
Có khi vui chuyện mua cười  
Khi vui muốn khóc buồn lênh  
lại cười (Ng-Công-Trứ).

.....  
Con người có miệng có môi.  
Khi buồn thì khóc, khi vui thì  
cười.



### Những cái cười vô vị.

Cười mà làm cho người ta thêm đau khổ thì hẳn không nên. Cười khả ố như trong dưỡng-đường, thấy người tàn-tật đã không thương-xót lại báy lăm chuyện vô căn-cứ, bệnh ít nói nhiều, đau nhẹ hô nặng, cố ý làm cho bệnh nhân thêm sợ hãi để xúm nhau cười. Ra đường nghe lọt vào tai người ấy vào nhà hàng cơm tây mà đòi ăn những bánh bò bánh cam, phở tai và bún nước lèo, tuy chuyện trớ trêu thật, nhưng suy ra người kia đáng thương hơn đáng cười. Mà kể làm sao xiết những chuyện không đáng cười trên đời này: chị đàn bà để tang xấu-xi, kẻ làm nạn bối-rối, người trẻ xe bộ tịch bán-khoản, con ở đũa em vì đường tron-trọt té đổ gánh nước nằm đo đất đũa bốn giờ, bà già sùm chơn té bò càng, kẻ mạnh hà hiếp người yếu, con nít gấu ó cầu xé xà-nhầu với nhau, người tuối-tác tàn-tật đi đứng cà-xi cà-nán, người ngọng-ngịu đót-đát, kẻ dị-tướng dị-hình, những người vô phước nói lời lẽ, làm lỡ bộ, v. v., mỗi mỗi đều có thể bị cười. Nhưng xin đừng cười, và những ai cười lúc ấy thì ta được phép cười lại họ. Con Rồng cháu Tiên phải có những cười tinh-vi thấu-đáo hơn, ít nữa là có nhàu-đạo. Nên tránh những cái gọi là « lầy lắt

cười » và không nên cười khi không phải chỗ.

**KẾT LUẬN.** = Sở dĩ loài người hơn các giống động vật cũng do nhiều duyên cớ, cái cười là một. Kia như nổi giận gầm hét thị uy thì có hùm và sư-tử; biết buồn rầu biết sa nước mắt trước mặt đồ-tể là con bò con trâu. Linh hơn nữa vì biết cười, duy ngựa và chó, nhưng vẫn cười chưa đủ giọng!

Đời, theo quan-niệm người Việt, đã được ví như một xâu chuỗi ngọc, vẫn dài tùy căn số kiếp,—không một ai giống ai,—nhưng xâu nào như xâu nào, đều có hạt tốt hạt xấu lẫn-lộn, trong-trẻo là ngày vui, đục-tối là ngày buồn, lâu lâu điểm xuyết những cười thâm-thúy là những hạt ngọc quý của Tạo-hóa riêng dành cho những ai tốt số nối dài xâu chuỗi Thọ.

Cười là món thuốc trường sanh, không tốn tiền mua.

Sống dai và biết giá-trị của cái cười, có chăng là bọn từng đau khổ nhiều.

Thuở nay, chưa thấy nước nào nặn pho tượng « Cười » cho thấu thoát lọt hết ý muốn của Trời già. Họa chăng tượng Di-Lạc của Á-Đông có chút hồn-nhiên đặc-thể!

VƯƠNG-HỒNG-SÈN



# BYRON



« *Weary of love, devoured with spleen.  
I rest, a perfect Timon, at nineteen* »  
Lord Byrod

« Mòn vì sầu, moi vì yêu.  
Mười chín tuổi đã rất nhiều bi quan »



TẠ-KÝ và CAO-HUY-THUẬN



**RONG** số các thi sĩ lãng mạn của Anh — và của cả thế giới nữa — không ai có một đời sống sôi nổi, nghệ-sĩ như Byron. Cuộc đời của Byron là cuộc đời của Ái-Tình, của Giang-Hồ và của Tội Lỗi Người đương thời đã tôn sùng Byron như một thần tượng rồi lại khinh bỉ, tránh xa, chàng như tránh xa một người nguy hiểm. Đất Anh không dung nổi con người bạt mạng, sống bất chấp dư-luận, bất cần luân lý đó. Byron phải lang thang khắp xứ người và chết ở một nơi xa quê hương ngàn vạn dặm. Dù sao cuộc sống phóng dăng ấy cũng đã tạo nên những vần thơ tuyệt diệu vô giá trên thi-đàn của nước Anh và của cả nhân loại.

### Thuở thiếu thời

Byron sinh ngày 22 tháng giêng năm 1788 tại Luân-Đôn trong một

gia đình giòng dõi quý tộc. Ông thân sinh Byron là một sĩ quan trong quân đội. Trước khi lấy mẹ chàng, ông đã có một đời vợ và sinh được một người con gái: cô Augusta (1783). Khi Byron lên 2 tuổi thì cha chàng qua đời. Mẹ Byron đem chàng về ở Tô cách Làn, quê hương của bà. Cô Augusta thì được đưa về ở với bà ngoại.

Từ khi sinh ra, Byron đã bị tật nơi chân phải khiến chàng hơi bị thọt. Byron rất đau khổ vì tật đó, mặc dù thật ra nó chẳng có gì quan trọng đối với một thanh niên đẹp trai như chàng.

Lúc nhỏ học ở Harrow, Byron tỏ ra chậm chạp và cứng đầu nhưng đã có những nét đặc biệt khiến ông hiệu trưởng phải thốt: « Byron có tài, và sau này sẽ làm vẻ vang cho giòng họ ». Ngay từ nhỏ Byron đã đọc sách. Chàng đọc hầu hết các tác giả, từ Chaucer (1340—1400) cho đến Churchill (1731—1764).

Năm 15 tuổi, Byron đã nếm hương-vị ái tình. Chàng yêu say đắm một thiếu nữ có họ với chàng và hơn chàng hai tuổi: cô Mary Chaworth. Mặc dù đã hứa hôn, cô này cũng thích thú trước sự say mê ngây thơ của cậu bé mười lăm và cho đó là một trò tiêu-khiến thú vị! Về sau khi bị ruồng bỏ, Byron cảm thấy « cô đơn trên một đại dương mênh mông, mênh mông » (alone, on a wide, wide sea) Chàng khóc lên: « kỷ-niệm ơi! Xin đừng dày vò ta nữa » (Ah, Memory, torture me no more). Mười ba năm sau, chàng vẫn còn tưởng nhớ đến nàng qua những vần thơ đắm đuối trong bài « Giấc mộng » (The Dream).

Một năm sau khi Mary Chaworth lấy chồng, Byron gặp lại Augusta, người chị cùng cha, khác mẹ. Có người che chở, săn sóc, Byron sung sướng vô cùng và khi chàng tỏ tình âu yếm, Augusta cũng không từ-chối. Mặc dù sau này họ phải xa nhau, Augusta vẫn là người mà Byron yêu hơn hết.

Sau đó Byron vào trường Trinity College ở Cambridge năm 17 tuổi và ba năm sau, chàng tốt nghiệp. Chàng tiếp tục đọc sách và làm thơ. Năm 19 tuổi, chàng xuất-bản một tập thơ nhỏ với nhan-đề « Hours of Idleness ». (Những lúc nhàn rỗi). Rất ít bài có giá trị, nhưng người ta đã chú ý đến những câu do một chàng thanh niên chưa đến 20 tuổi viết, như:

« Weary of love, devoured with spleen,  
I rest, a perfect Timon, at nineteen ».

(Một mối vì tình yêu, dày vò bởi sầu thảm.  
Tôi dầm ra yếm thế ở cái tuổi mười chín.)

## CUỘC SỐNG GIANG HỒ. (Tập Childe Harold I và II)

Đã lâu chàng muốn viếng các xứ miền Địa-trung hải mà chàng hằng mơ ước nên đến mùa hè năm 1809 chàng vượt biển đến Bồ-đào-Nha và giang-hồ trong 2 năm. Cuộc du lịch rất nên thơ này được tả lại trong hai đoạn đầu của tập Childe Harold's Pilgrimage. Byron đi ngựa qua Bồ-đào-Nha và Tây-ban-Nha, rồi từ eo Gibraltar chàng đi thuyền đến đảo Malte. Một chuyện tình duyên lưu gót chàng ở đấy trót tháng. Chàng lại tiếp tục đi Albanie, qua Hy-Lạp, ở lại kinh thành Nhã-Điền (Athènes) trong 10 tuần. Lại một chuyện yêu đương. Ý trung-nhân bây giờ là một cô gái xinh đẹp, ngây thơ, con của bà chủ trọ. Khi rời Athènes, chàng viết một bài thơ từ-tạ nhan-đề là « Maid of Athens » (Cô thiếu nữ thành Nhã-Điền):

« Maid of Athens, ere we part,  
Give, oh give me my heart! »  
(Hỡi cô thiếu nữ thành Nhã-Điền, trước khi từ giã nơi đây,  
Hãy trả lại, nàng ơi! trả lại quả tim cho ta.)

Sau đó chàng qua Thổ-nhĩ-Kỳ rồi trở về Anh. Khi về thì mẹ

chàng đã mất, mất thình lình khiến chàng không được trông mặt mẹ lúc lâm chung.

## Vinh-quang và Nhục-nhã

Về Luân-Đôn, chàng cho xuất bản hai đoạn đầu trong tập thơ Childe Harold và chỉ trong một ngày thôi, danh chàng đã nổi như cồn. Cả giới văn-hóa Luân-Đôn xông xáo vì ngạc nhiên và thán phục. Có nhiều người thú thực rằng họ nghiêng ngấu tập Childe Harold với tất cả say sưa. Thư ngợi khen bay về tới tấp. Nhưng giới tôn sùng Byron nhất vẫn là giới phụ-nữ vì chàng nổi tiếng đẹp trai như Phan-An, Tống-Ngọc và vì chàng ít nói giữa đám đông khiến người ta cho rằng chàng bị cô đơn hay âu-sầu và đắm mình trong những tư-tưởng cao xa. Các bà, các cô tìm mọi cách để chinh-phục chàng. Người đeo đuổi Byron « dai » nhất là bà phu-nhân tóc vàng Caroline Lamb. (Bà này về sau có viết quyển tiểu-thuyết Glenawon nói về tình yêu giữa hai người). Nhưng Byron lại ruồng bỏ Caroline Lamb để theo bà Oxford tuy bà ta hơn chàng trên 2) tuổi!

Những cuộc tình duyên ngắn ngủi không xóa nhòa được hình ảnh Augusta. Gần 8 năm, hai người không gặp nhau. Trong thời gian đó nàng lấy chồng và sống một cuộc đời không hạnh-phúc. Vốn giàu tình-cảm nên khao khát tình thương, Augusta lên Luân-Đôn và tìm đến thăm

Byron. Hai người rơi vào Tội lỗi, và có được một đứa con, Medora Leigh.

Trong suốt giai đoạn sôi nổi này, chàng viết 4 tập thơ (1813-1814): The Giaour, The Bride of Abydos, The Corsair và Lara. Byron có một sức sáng tạo vô cùng dồi dào, mãnh liệt. Chàng viết tập The Corsair chỉ trong 10 ngày trong lúc tản bộ ban đêm trên con đường Albemarle. Về tập Lara, chàng bảo: « Tôi viết Lara trong lúc thay áo quần sau những buổi khiêu-vũ. . . ». Tập The Bride of Abydos hoàn thành trong 4 ngày. Byron phải viết để tự giải thoát mình và chàng phải viết nhiều vì cảm thấy không giải thoát không được.

Những tập thơ này còn được hoan nghênh hơn cả tập Childe Harold. 14.000 tập The Corsair bán hết trong một ngày. Byron đã khiến cho hàng ngàn người chưa bao giờ đọc thơ nay dầm ra mê say thơ chàng. Byron được xem là « người làm thức-tỉnh nguồn thi - cảm » (awaker of poetic sense). Bảy lâu thơ nước Anh bị gò bó trong khuôn khổ chật hẹp của một hòn đảo, bây giờ Byron mang lại những cảnh - trí mới, màu sắc mới, không-khí mới của cả lục-địa Âu-Châu. Ái tình được tả sâu sắc hơn, cuồng nhiệt hơn; và những nhân-vật của Byron thường tự-phụ và âu-sầu.

Cuộc tình duyên với Augusta đã để lại cho chàng dư vị đắng

cay của tội-lỗi. Trong vở kịch thơ Manfred (1817) Byron có nhắc đến cuộc tình duyên ngang trái này.

Manfred gây nên tội lỗi, ngày đêm bị hối - hận dày vò. Chàng tìm quên lãng trong truy-lạc nhưng chỉ chuốc thêm chán ngán. Chàng khinh mình và khinh cả nhân-loại. Chàng gọi hồn người chết, Astarte, nạn - nhân của chàng : « Tôi yêu nàng — và đã làm hại nàng ! » và chàng cầu khẩn nàng nói cho mình hay rằng mặc dù hai người yêu nhau bằng tình yêu tội-lỗi nhứt, nàng không bị trừng phạt và không khinh bỉ chàng. Nhưng chàng thất vọng : nàng không trả lời. Đây là một đoạn trong vở kịch :

*Manfred : Hãy hươm, thêm một lời nữa — nàng có tha thứ cho tôi không ?*

*Astarte : Từ biệt !*

*Manfred : Ta có gặp nhau nữa chăng ?*

*Astarte : Từ biệt !*

*Manfred : Nói cho anh một lời, em ! Nói rằng em yêu anh.*

*Astarte : Manfred ! (nàng biết mất).*

Manfred muốn quên, quên hết. Một ông thầy tu cố-gắng làm cho chàng biết hối - hận lại và một con quỷ sứ dọa chàng những hình phạt ở chốn địa-ngục nhưng chàng bất cần vì tin rằng chết là hết.

Ta thấy hai thái-độ trái ngược giữa Faust của Goethe tìm lại Hạnh-phúc bằng cách phụng-sự nhân - loại, và Manfred của

Byron chỉ muốn tìm Lãng-Quên trong cái chết.



Byron nghĩ rằng có thể tự cứu đời mình bằng cách lập gia-đình với một cô gái ngây-thơ. Vì vậy chàng cầu-hôn cô Anna Isabella Milbank, nhỏ hơn chàng 4 tuổi. Vì tiếng tăm không tốt của chàng nên nàng từ chối. Nhưng Byron van xin nàng hãy cứu lấy đời chàng, nếu không, chàng sẽ rơi vào vực thẳm. Có phải vì muốn cứu-vớt một người tài hoa ra khỏi bùn nhơ mà nàng nhận lời cầu hôn chăng ? Cái đó không ai biết ; chỉ biết rằng cuộc hôn-nhân mang lại sự đau khổ cho hai người. Đến khi có con (Augusta Ada) tính tình Byron lại càng hung dữ và vô luân. Vợ chàng phải bỏ con về ở nhà cha mẹ và xin ly-dị.

Dư luận phần uất và khinh-bĩ chàng. Tại những nơi mà trước đây chàng được tôn-sùng, bây giờ chàng lại bị hắt hủi, xa lánh. Khi thấy chàng, có bà ngắt đi, có bà rời khỏi gian phòng. Byron rất tủi nhục vì thấy mình làm nhơ bần giòng họ quý tộc của mình. Nhưng càng đau-khổ, thơ chàng càng đi đến chỗ tuyệt luân.

Cho rằng « đất Anh không thích hợp với mình », Byron lia quê-hương, làm một chuyến đi không hẹn ngày về. Chàng đi Ostend vào năm 1816 và bắt đầu « mang quả tim rướm máu của mình lang thang khắp Âu-châu ».

(Còn nữa)

## THÂN-ĐÔNG



*Minh ơi !*

**CỦA DIỆU-HUYỀN**



À Tú trông thấy một tập báo tranh-ảnh của Ấn-độ vừa gửi qua cho ông Tú, liền xé băng, mở ra coi. Bà không biết

chữ Anh, nhưng thích xem hình. Lật mấy trang đầu, bà thấy hình một chú bé da đen chạc 6 tuổi đứng đánh đờn giữa một đám đông người nghe say-mê. Bà liền gọi chồng :

— Minh ơi !

Ông Tú đang ngồi nường miếng bánh mì trên lò điện, không muốn trả lời. Bà Tú lại gọi :

— Minh ơi ! . . .

Ông chăm chú cầm đôi đũa lật

qua lật lại hai khúc bánh mì cũ đã xé làm đôi, chỉ sợ nó cháy. Bà lại gọi oang-oang :

— Minh ơi !

— Ơi rồi ! Gớm ! Cái gì Minh gọi nặng lên thế, hả ?

— Cái thằng nhỏ đang làm gì đây, Minh ? Giảng cho em nghe chút nào !

— Cháy cái khúc bánh mì đây nè !

— Nó cháy thây kệ nó mà ! Lại giảng mấy câu ăng-lê này cho em nghe đã, có được không ?

— Nó đang nóng vào đến ruột rồi, để anh . . .

— Em cũng đang nóng cả ruột đây nè. Lại đây mau lên đã, Minh !

Ông Tú hay chịu vợ, thấy vợ nhõng - nhéo quá, cũng bỏ khúc bánh mì trên lò điện, chạy đến gần bà Tú:

— Đâu nào? Cái gì đâu nào?

— Nè.

— Ôi! Cái này hả? ... Cậu bé Siddranana 5 tuổi đánh đòn thật hay. Một vị thần-đồng Ấn-độ đó chớ có gì lạ!

— 5 tuổi đã biết chơi đòn thật hay mà không lạ sao, Minh? Nước Việt-Nam làm gì có được thần đồng như vậy.

— Thế là Minh quên lịch-sử Việt Nam rồi đó! Đời Hùng-Vương thứ 6, nước mình cũng đã có Thần-đồng: Chú bé ở làng Phù-Đông đôi con ngựa sắt để cỡi đi đánh giặc Ân đó! Minh nhớ không?

— Ờ nhỉ! Chuyện Phù-đồng Thiên-Vương đó hả Minh?

— Phải. Từ xưa đến nay, trong Lịch-sử loài người còn hiếm gì chuyện Thần-đồng, còn nhiều bậc thần-thánh tỷ-hon tài giỏi bằng mấy cậu bé 5 tuổi Siddranana cơ chứ! Hiện nay Ấn-độ có một nhà Bác-học tài-giỏi tên-đanh thế-giới là Saini Ramannanjan. Minh biết không, ông ta lúc 14 tuổi là một cậu bé nhà-quê đốt-đặc cán mai chẳng biết chữ A chữ B, thế rồi bỗng được một hôm cậu đi Calcutt bắt được một quyển sách bằng tiếng ăng-lê của một ông kỹ-sư làm rớt trên vỉa đường. Cậu lấy về học một mình. Chỉ trong một năm không những cậu giỏi tiếng ăng-lê mà giỏi cả

môn toán-học, nhờ đó mà cậu trở nên một nhà toán-học vĩ-đại nhất thế-giới hiện nay.

— Học gì mau dữ vậy?

— Thế mới là Thần-đồng! Chứ cứ như Minh thi Trung-học đệ-nhứt cấp hai lần đều rớt toán!

— Minh ngạo em hả?

— Nếu anh kể hết cho mình nghe những vị Thần-đồng trên thế-giới từ xưa đến nay thì Minh còn ngán nữa! Nhưng để anh đi nướng bánh mì đã!

— Thôi!

Bà Tú niu quần ông dừng lại.

— Minh kể hết cho em nghe, rồi em mới cho Minh đi.

— Này nhé, nhạc-sĩ Haendel đặt ra các bản nhạc tuyệt hay hồi 11 tuổi, nhạc-sĩ Mozart hồi 4 tuổi, nhạc-sĩ Haydn hồi 6 tuổi. Nói về nhạc-sĩ Mozart, cũng nhờ ông Bố là tay nhạc-sĩ tập cho con đòn từ hồi 3 tuổi, lên 4 tuổi là Mozart đã viết nhạc và đánh nhạc nổi danh. Họa-sĩ Thierry Vaubourgoin, vẽ tranh bán kiếm tiền hồi 11 tuổi, những bức tranh có kém gì Đại Họa-sĩ Van Gogh! Nhà Triết-học Anh John Stuart Mill học chữ Hy Lạp hồi 3 tuổi, viết sách về kinh tế học hồi 11 tuổi. Macaulay viết một quyển « Lịch-sử Nhân-Loại » hồi 7 tuổi. Văn-sĩ Pháp, Pascal, viết sách khoa học về môn âm-thanh hồi 12 tuổi. Quận-tước du Maine, con của vua Louis XIV với bà tình-nhân của vua là bà de Montespan, mới có 7

tuổi đã làm thơ. Nữ-sĩ Scudéry vợ góa của Thi-sĩ Scudéry, và sau đổi tên là Bà de Maintenon, cũng là tình-nhân của Louis XIV có viết một quyển sách trong đó có đăng mấy bài thơ của Thi-sĩ 7 tuổi, con vua. Anh còn nhớ vài đoạn thơ của Thi-sĩ tỷ-hon, Minh muốn nghe, anh đọc cho nghe?

— Minh đọc và giảng em nghe.

*Ne pensez pas, Messieurs les Beaux Esprits*

*Que je veuille, par mes écrits, Prendre un jour place au temple de Mémoire.*

*Savez-vous de qui je suis fils? Il me faut bien une autre gloire Et des lauriers d'un plus grand prix!*

v. v...

— Minh dịch ra thơ Việt cho em nghe đi.

— Ôi thôi! Anh đâu phải là Thi-sĩ mà bắt anh dịch Thơ Tây ra Thơ ta?

— Minh cứ dịch đại cho em hiểu thôi mà.

Thi đại khái là thế này:

« Thừa các ngài, tôi làm thơ.

« Đâu phải mong sẽ có tên trên Đền thờ!

« Tôi là con của giòng vương-giả,

« Nhưng tôi muốn một Vinh-quang cao-cả,

« Hơn một danh-vọng ồm-ờ!

Đại-khái ý-nghĩa bài thơ của quận-tước du Maine, Thi-sĩ 7 tuổi, con của Louis XIV, là như thế đó.

— Mới có 7 tuổi mà đã làm thơ kiểu-ký nhỉ!

— Thơ không có tuổi, Minh ơi! kịch-sĩ Corneille của Pháp, đã viết trong tuồng Le Cid:

*... Pour les âmes bien nées, La valeur n'attend pas le nombre des années.*

(Với những tâm hồn siêu-thoát, Giá-trị không chờ tuổi tác).

Cũng như Victor Hugo đã làm thơ hồi 8 tuổi. Mạc-đĩnh-Chi đã đối đáp văn sách hồi 10 tuổi. Lê quý Đôn làm thơ Đường-luật hồi 9 tuổi, Minou Drouet, cô bé Thi-sĩ Pháp đã xuất bản tập thơ hồi 8 tuổi, làm sôi nổi các giới văn-nghe sĩ Thế-giới mấy năm trước đây. Nước Thụy-điền cũng có Nữ Thi-sĩ thần-đồng hồi năm trước, là cô bé Gudrun Jacobsson. 11 tuổi, với những câu thơ lạ-lùng:

*Biển như con rắn to-là,*

*Để trũng sao trên bãi cát,*

*Và đây là một biển sao*

*Từ hố sâu của muôn thuở lao-xao.*

Anh cũng biết một Thi-sĩ Việt nam, hồi 7 tuổi. Một hôm ông Bố đến nhà một ông quan lớn đánh Tô-tôm, có dẫn cậu đi theo. Trong sông bài có ông quan lớn, bà quan lớn, và ba bốn người nữa. Đến lúc ông lớn bị một lối phạt gọi là « đầu gà ». Bà lớn đã nghe tiếng cậu bé 7 tuổi biết làm thơ và đối đáp lanh lợi, liền ra cho cậu câu đối: « Đầu gà Ông lớn », biểu cậu đối mau. Cậu Thi-sĩ tí-hon liền ứng-khẩu đối ngay: « Đít vịt Bà to », khiến

cả sòng bài cười rồ lên! Còn Minh có biết chuyện: hồi xưa Đức Không-Tử đi chu-du nước Tàu, đang ngồi trong xe, bỗng có một cậu bé con ra đứng giữa đường. Đức Không-Tử biểu cậu tránh xe. Cậu liền đáp: «Xe tránh người chớ sao người tránh xe?». Cậu bé láu cá ấy tên là Hạng Thác sau nổi tiếng là một văn-học uyên thâm của nước Tàu. Những đứa trẻ sớm thông-minh như thế đều là thần đồng cả đó.

— Nhưng em không hiểu sao lại có những đứa bé tài hoa lồi lạc quá sớm như thế, Minh nhỉ?

— Anh chỉ trả lời cho Minh biết rằng mùa hè năm 1954 tại Hội-nghị Nguyên-tử Genève, một nhà Bác-học có trình bày một cành hoa oi-dê trắng được chiếu phóng-xạ nguyên-tử, bỗng đưng nở ra hoa oi-dê đỏ. Sự biến cải các tế-bào thảo-mộc, khoa-học gọi là *Mutation*, là nguyên-nhân giáng-giải được các tài hoa sớm nở trong các tế-bào của tâm-hồn non nớt. Một bác học Anh, tên là Ernest Rock Carling có đứng dậy nói trong hội nghị ấy: «Người ta có thể hy vọng rồi đây sự biến cải nguyên tử sẽ có thể, một phần nào gây được ảnh hưởng tân-kỳ tuyệt diệu, là sản-xuất các trẻ nit thần đồng».

Bà Tú tùm tùm cười:

— Đời nguyên-tử, nói toàn chuyện nguyên tử!

— Giáo-sư W. Russell ở Đại học đường Oak R.dge, cũng đã

quả quyết rằng trong 50.000 đứa trẻ nit hiện giờ, có thể nhờ phóng xạ nguyên-tử mà biến cải được 1 đứa trẻ thần-đồng. Hôm nọ anh đọc quyển *Genetics of genius* của Louis Terman, nghiên-cứu về vấn-đề phát-sinh các trẻ thần-đồng, thấy có nói rằng từ năm 1910 đến nay, có một số đông trẻ nit trên thế-giới từ 10 đến 15 tuổi đã phát-triển tâm-hồn một cách lạ-lùng: 10 tuổi bắt đầu vào học các lớp trung-học, 15 tuổi đã đỗ tú-tài. Còn Bác-sĩ Sidney Pressy thì đang thực-hiện một chương-trình giáo-huấn đặc-biệt để có thể «sản xuất» một số trẻ nit thần-đồng là 300.000 em mỗi năm!

— Nghĩ là khoa-học nguyên-tử sẽ sản-xuất con nit thần-đồng như các hàng-hóa kỹ-nghệ vậy sao?

—Ừ. Nhất là trong số các em có tật. Có tật, tức là phải có tài. Và người ta đã huấn-luyện được nhiều em bị câm và bị điếc mới 7, 8 tuổi đã trở nên đại nhạc-sĩ, những em bị đui mù ngay từ lúc sơ sinh đã trở nên những nhà họa-sĩ tài ba lúc lên 10. Về môn thể-thao, người ta đã thấy nhiều kết-quả không ngờ, như em bé Bobby Jones, 14 tuổi, đã đánh cờ rất giỏi, em Barbara Scott, 15 tuổi, đã là vô-địch thế-giới về môn đi tuyết. Thấy như vậy, thì một Nữ Thi-sĩ Minou Drouet của Pháp, hay Jacobsson của Thụy-Điền, mới 8 tuổi, đã xuất bản những bài thơ tuyệt-tác,

cũng không còn là lạ nữa... Minh thấy không? Đâu phải như bọn mình đã to xác rồi mà chưa làm được chút gì hay giỏi hơn thiên hạ, thì thật quá lỗi-thời! Coi chừng kéo đến khi mình sinh ra được đứa con, nó sẽ nằm trong bụng mẹ mà ngâm thơ tự-ro cho tui mình nghe đa!

Bà Tú khoái chí, nhoeo một nụ cười rất duyên-dáng. Bỗng đưng Bà ngó ông Tú:

— Cái mùi gì khét khét, mình he?

Ông Tú quay lại cái lò điện đang cháy đỏ phục:

— Thôi thế là hai miếng bánh mì của anh cháy ra than hết rồi!

Bà Tú âu-yếm kể mỗi mình lên mỗi chổng:

— Mặc kệ nó, mình!

### DIỆU-HUYỀN

(Trích trong tập nhật-ký của Y)

## \* DÂN-CHỦ TRONG MỘT NƯỚC VĂN-MINH!

Tất cả những ai đã đi viếng Anh quốc đều có dịp chứng kiến cảnh các diễn giả đứng diễn thuyết trên những cái ghế thật cao ở ngoài phố Luân-Đôn tại vùng Hyde-Park.

Một trong những anh diễn giả ấy công kích dữ-dội chính phủ Hoàng Gia là đã làm cho nền kinh tế Liên-Hiệp-Anh kiệt quệ. Với một giọng hùng-hồn ông nói tiếp:

— Những nhà lãnh đạo chánh phủ đã làm cho chúng ta khổ sở vậy chúng ta phải đốt hạ-nghị-viện và phá-hủy điện Buckingham.

Dân chúng tụ lại nghe, đông đến nỗi làm cản trở hết cả mọi sự lưu thông. Bực mình một cảnh sát viên chạy lại hô to:

— Xin quý ông hãy lưu thông: Đây những ông nào muốn đốt hạ-nghị-viện hãy đi về phía bên phải, và quý vị nào muốn phá hủy điện Buckingham hãy đi về phía bên trái.

## \* ANH CỦA CHỒNG TÔI

Chồng vừa mới mất, bà vợ lại tái giá với em chồng.

Bữa nọ có một ông khách đến viếng. Ông này rất lấy làm lạ, khi được một bà xinh-xắn và tươi-cười tiếp trong một phòng có treo ảnh chồng cũ:

Lúng-túng bà liền nói:

— Bức ảnh mà ông đang nhìn đây là anh của chồng tôi, người mới mất cách đây độ hai tháng.

## \* BÀI HỌC NINH ĐẰM

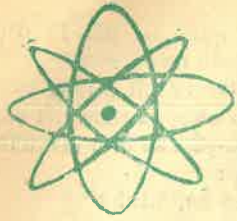
Chuyến xe lửa Saigon Mytho đông nghẹt khách. Một chàng ăn mặc bánh-bao được hân-hạnh đứng gần một bà nhan-sắc mặn-mòi. Bên cạnh bà, 1 em bé đang ngồi đọc sách hình. Chàng nọ muốn ninh đằm, bảo em bé:

— Em hãy nhường lại chỗ này cho tôi. Đây tôi cho em 10 \$

Em bé lấy 10 \$ bỏ vào túi và đi chỗ khác.

Khoái chí, anh ta liền niêm nở mời bà nọ tọa xuống chỗ trống. Khi ngồi xong, bà diễm nhiên kêu cậu bé:

— Tào, Ông cho con 10 \$, sao con không cảm ơn ông, con?



# TÌM HIỂU SƠ-LƯỢC VỀ PHÂN-TỬ VÀ NGUYÊN-TỬ



(Tiếp theo P.T. số 4)

**N**HỮNG các khoa-học gia cận-đại đưa ra một giả-thuyết mới đánh đổ giả-thuyết trên, cho rằng nguyên-tử có thể phân-đoạn được, nghĩa là nguyên tử không phải là nhỏ nhất như chúng ta tưởng. Nó cũng được cấu-tạo bởi những yếu-tố riêng của nó và những yếu-tố này đã được các khoa-học-gia nghiên-cứu một cách tinh-xác.

Trước tiên người ta thấy nguyên-tử được cấu-tạo bởi các yếu-tố của nó, như một thái-dương-hệ thu hẹp lại (thái-dương-hệ là hệ thống mặt trời: système solaire). Vậy các yếu-tố cấu-tạo không dính liền nhau.

Trong thái-dương-hệ, mặt trời cố định, có các vị hành-tinh cách nhau rất xa vận-hành chung quanh mặt trời, những đường quỹ-đạo riêng của chúng trong không-gian. Người ta hỏi tại sao nó không rớt hay xáo-trộn mà

cứ quay mãi trên không được? Sở dĩ như thế là bởi giữa các vị tinh-tử có một sức hút lẫn nhau mà chúng ta thường gọi là sức hấp-dẫn. Vì vậy mà hệ-thống mặt trời không bao giờ tan rã.

Hệ-thống của một nguyên-tử cũng thế. Các nhà khoa-học cho rằng nó có hình cầu giống như viên đạn, chính giữa là một cái nhân (ví như mặt trời) chung quanh cái nhân là những âm-điện-tử vận hành (ví như các vị hành tinh). Như thế người ta chia nó ra làm hai phần chính: vỏ và nhân. Âm-điện-tử chứa

âm-điện là lớp vỏ ngoài, vận hành chung quanh một phần nữa ở

bên trong mà người ta thường gọi là nhân-tử. Nhân-tử này không bao giờ lay chuyển và là nòng-cốt của nguyên-tử cũng như mặt trời trong thái-dương-hệ bao la vậy. Nhân-tử lại gồm hai bộ phận cốt-yếu là dương-điện-tử chứa đầy dương-điện và trung-hòa-tử

**NGUYỄN-CÔNG-AN**

(Giáo-sư — Cửn-thơ)

(hay trung-tinh-tử) không chứa điện. Các âm-điện-tử vận hành chung quanh nhân-tử với một tốc độ kinh-khủng như là che-chờ nguyên-tử để chống đỡ với những nguyên-tử chung quanh nó vậy. Chúng chạy quanh nhân tử càng mau nếu chúng càng gần cái hạch trung-tâm. Và khi quay nhanh quá, một vài âm-điện-tử có thể quá tròn văng luôn ra ngoài đường quỹ-đạo của mình rồi rớt vào một hệ-thống của một nguyên-tử khác. Thật thế, các âm-điện-tử có thể bay thoát ra từ những nguyên-tử kim loại như hơi nước và có thể được phân tích ra bằng nhiều phương pháp. Sở dĩ người ta gọi chúng là âm-điện-tử vì chúng chứa toàn âm-điện. Đây là tính chất đặc biệt của chúng, và như trên chúng ta đã biết thì chúng rời khỏi các nguyên-tử một cách dễ-dàng. Nếu có nhiều âm-điện-tử thì những âm-điện-tử này sẽ sắp thành hàng trên đường quỹ-đạo của chúng. Những đường quỹ-đạo này cách biệt nên không bao giờ các âm-điện-tử va chạm vào nhau.

Như trên đã nói, các phần-tử cấu-tạo thành nguyên-tử không rời rã là vì nó có tính-chất của một thái-dương-hệ, nghĩa là giữa các điện-tử và các hạch nguyên-tử có một năng-lực hấp-dẫn, hút nhau rất mạnh.

Các nhà bác-học còn cho biết kết quả một khảo cứu tinh-vi nữa là đo được trọng-lượng và nhận biết sức hơi điện của âm-điện-

tử và dương-điện-tử. Nhờ vậy người ta biết được dương-điện-tử là một cơ quan dẫn hơi điện nóng (dương-điện) còn âm-điện-tử là một cơ quan dẫn hơi điện nguội (âm-điện) mà sức dẫn điện của hai cơ quan trên bằng nhau, nói cách khác là trong nguyên-tử có bao nhiêu đơn-vị tích điện dương thì có bấy nhiêu đơn-vị tích-điện-âm mặc dù giữa âm-điện-tử và dương-điện tử có khác nhau về kích thước và trọng-lượng. Nói về dương-điện-tử người ta nghĩ ngay rằng đó là phần đặc biệt nhất của nguyên-tử về trọng-lượng. Thật thế, trọng-lượng của dương-điện-tử choán gần hết trọng-lượng nguyên-tử nguyên của nó và so sánh trong đối với âm-điện-tử nặng hơn 2.000 lần và chính nó khó phân tách khỏi nguyên-tử hơn âm-điện-tử nhiều. Vậy trọng-lượng nguyên-tử không chia đều cho cùng thể tích của nguyên-tử mà tập trung vào trong nhân-tử. Nguyên-tử của các nguyên-tố (đơn chất) khác nhau bởi vì các số âm-điện tử, dương-điện-tử và trung-hòa-tử không đều nhau. Nhưng người ta biết chắc rằng trong mỗi nguyên-tố số dương-điện-tử luôn luôn bằng số âm-điện-tử và giống với số hiệu của nguyên-tử. Thí dụ như một nguyên-tử Uranium có 92 dương-điện-tử vậy nó cũng có 92 âm-điện-tử và đeo số 92. Còn một nguyên-tử khinh-khí (nguyên-tử đơn giản nhất) chỉ có một dương-

điện-tử, vậy nó chỉ có một âm-điện-tử thôi và vì thế nên đeo số 1 (nên nhớ rằng khinh-khi thường không có trung-hòa-tử).

Ngoài ra các yếu-tố cấu-tạo thành nguyên-tử kể trên đều có thể đếm được. Như người ta được biết nguyên-tử khinh-khi thông thường có một âm-điện-tử, một dương-điện-tử và không có trung-hòa-tử nào; một nguyên-tử khinh-khi nặng (2) (hydrogène lourde = deutérium) có một âm-điện-tử, một dương-điện-tử và một trung-hòa-tử; một nguyên-tử hélium có hai âm-điện-tử, 2 dương-điện-tử và 2 trung-hòa-tử; một nguyên-tử Uranium có 92 âm-điện-tử, 92 dương-điện-tử và 143 trung-hòa-tử, v... v...

Cuộc khám phá trong lòng nguyên-tử đã dẫn người ta tìm ra nguyên tắc chế tạo bom nguyên-tử.

Nói về nguyên tắc chế tạo bom nguyên-tử, ở đây chúng ta chỉ tìm hiểu đại cương thôi.

Ông Albert Einstein đoán rằng trong nguyên-tử có chứa một động lực vô cùng mạnh mẽ và có dịp sẽ phát ra một cách kinh-khủng.

Thật thế, điều nhận xét của ông A. Einstein rất đúng mà chúng ta sẽ biết lần lượt như dưới đây:

Trước hết chúng ta được biết theo luật âm-dương thì âm, dương hòa-hợp nghĩa là có thể hút nhau. Dương không bao

giờ gặp dương, âm không bao giờ gặp âm nghĩa là gặp nhau là chúng lánh xa nhau ngay. Luật âm dương ở đây khác hẳn với luật âm dương trong khoa toán-học. Trong khoa toán-học âm có thể đi chung với âm, dương có thể đi chung với dương, hay âm dương gì cũng hòa-hợp nhau được để đưa ra những kết quả chính xác. Sở dĩ nói rõ như thế là để chúng ta không lầm lẫn về hai chữ âm dương.

Sau khi đã rõ luật âm dương chúng ta thấy rằng dương không thể ở chung với dương được, âm đối với âm cũng thế. Nhưng lại thấy một điều mâu-thuẫn với luật trên là trong nhân-tử (còn gọi là cái hạch hay nhân nguyên tử) các dương-điện-tử lại ở chung với nhau được mặc dù chúng có số tích-điện bằng nhau và vì thế chắc chắn rằng chúng đẩy nhau rất mạnh.

Có thể ví hai dương-điện-tử như hai đầu của một lò-xo, bao giờ cũng cách xa nhau và muốn gần nhau thì cần phải có một sức ép lại từ bên ngoài. Vậy về việc những dương-điện-tử trong nhân-tử ở chung với nhau được chúng ta phải đương-nhiên công nhận có một sức từ bên ngoài mạnh hơn sức ép vào. Sức bên ngoài phải mạnh hơn sức bên trong để giữ chúng lại cũng như sức ép lò-xo của tay chúng ta phải lớn hơn sức nó đẩy ngược lại vậy. Khi ép hai đầu lò-xo lại gần nhau, nếu vì một lý-do

nào tay chúng ta không bỏ sức nữa thì lập tức lò-xo sẽ bắn ung ra rất mạnh. Các dương-điện-tử trong nhân-tử cũng thế, khi sức ép bên ngoài yếu hơn sức ép bên trong thì nhân-tử sẽ nổ tung lên vì các dương-điện-tử sẽ phân-ly nhau một cách rất mạnh-mẽ.

Nói về bom nguyên-tử, có nhiên chúng ta phải nói đến nguyên-tử Uranium.

Như trên chúng ta đã biết thì mặc dù các dương-điện-tử ở chung với nhau trong nhân-tử nhưng thực ra chúng chỉ chực làm-le có dịp là phân-ly nhau ngay. Biết được nguyên-tắc đó, các khoa-học-gia bèn tìm cách phá vỡ nhân-tử để giải-thoát chúng.

Và muốn phân-tán một nhân-tử nguyên-tử Uranium, người ta dùng phương-pháp phóng-xạ neutron dựa vào nguyên-tắc phóng-xạ thiên-nhiên, và muốn như thế người ta phải dùng đến những máy tối-tàn để bắn một trung-hòa-tử chạy chậm-chậm (vì theo các nhà khoa-học tốc-độ của trung-hòa-tử càng chậm thì càng dễ trúng hơn) vào nhân-tử nguyên-tử Uranium để đánh phá, nhân-tử sẽ vỡ ra làm hai phần có trọng-lượng gần bằng nhau, hay ngược chiều với một tốc-độ vô cùng lớn-lao và lúc ấy là lúc phát-sinh ra một động-lực rất mạnh.

Trong khi nhân-tử Uranium bị vỡ hai, trung-hòa-tử sẽ thoát ra

làm phóng-xạ mới. Ba trung-hòa-tử này lại bắn vào ba nhân-tử gần bên làm chúng vỡ đi và để cho thoát ra chín trung-hòa-tử mới để làm phóng-xạ mới nữa, dùng tiếp tục bắn phá các nhân-tử gần đó, và cứ thế mãi. Chúng ta có thể làm một con toán nhỏ và tính như sau để thấy sự bành-trướng mạnh-mẽ của năng lực nguyên-tử. Lần thứ nhất để thoát ra ba trung-hòa-tử, lần thứ nhì  $3 \times 3 = 9$ , lần thứ ba  $9 \times 3 = 27$ , lần thứ sáu  $213 \times 3 = 639$ , lần thứ tám  $1.917 \times 3 = 5.751$ , lần thứ mười  $17.253 \times 3 = 51.759$  v. v... và cứ như thế chỉ trong một phần ngàn của giây đồng hồ cũng đủ cho sự phân-tán lớn-lao một khối những nhân-tử của Uranium.

Những điều khảo-sát trên bắt-buộc chúng ta phải nhìn-nhận sức mạnh của nguyên-tử.

Các nhà bác học cho rằng sự nổ vỡ nhân-tử phát minh nguyên-tử-lực là do sự nổ vỡ nhân-tử nguyên tử plutonium (một đồng-vị nguyên-tố của Uranium nghĩa là người ta dùng Uranium để chế ra plutonium rồi dùng plutonium để chế ra bom nguyên-tử) Chúng ta sẽ hiểu nguyên-tắc chế-tạo ra chất plutonium.

Uranium thiên-nhiên có 3 đồng-vị là U-238, U-235 và U-234. Nếu một nguyên-tử U-235 bị một trung-hòa-tử bắn vào thì nhân-tử của nó sẽ dễ bị vỡ. Trái lại nhân-tử của chất U-238 có khi hút mất trung-hòa-tử mà không vỡ. Từ chất U-238 người ta có

thể chế ra chất neptunium (mang số 93) do nhà thông-thái Mỹ là Mac-Millan tìm ra vào năm 1940. Nếu neptunium phân-tán thì sẽ sinh ra plutonium.

Chất plutonium (mang số 94) dễ vỡ và là một nguyên - chất khác với Uranium.

Ngoài chất plutonium cũng có chất U-235 dễ vỡ, người ta chế nó tách ra khỏi U-238.

Các lý-thuyết về nguyên - tử trên rất đúng. Một bằng cứ cụ thể làm cho chúng ta tin thật là trái bom thí-nghiệm lần đầu tiên ở Alamogordo vào ngày 16/7/1945 (?), trái thứ hai ném tại Quảng - Đảo (Hiroshima) đều được chế-tạo bằng chất U-235 và trái thứ ba ném ở Trường - Kỳ (Nagasaki) được chế - tạo bằng chất plutonium.

## \* THẤT VỌNG

Một cô thư-ký khá đẹp giúp việc được gán một tháng tại một sở nọ. Một hôm, nhằm ngày thứ 7, ông giám đốc hỏi cô thư ký:

— Chiều nay cô có rãnh không?

Mím cười, cô thư ký vội vàng trả lời:

— Dạ thưa ông, chiều nay em rãnh.

Ông giám đốc nói tiếp:

— Tốt lắm, cô hãy rán đánh máy cho xong xấp tài-liệu này!

HẢI-PHƯƠNG

## DANH NGÔN

\* Sách vở làm cho chúng ta vui nhiều và chính người đời làm cho chúng ta đau thương khổ ải nhất.

J. JONBERT

\* Đạo đức luân-lý là một cái cây, rễ ở trên trời mà hoa và trái đưa hương thơm ngào ngạt.

LAMENNAIS

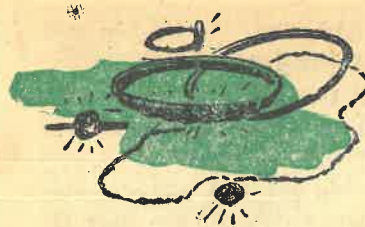
\* Thuốc hay đắng miệng nhưng lợi ích cho sự chữa bệnh. Lời nói thẳng thường chướng tai nhưng rất lợi ích cho việc làm.

KHÔNG-TỬ

\* Tôi không sợ những người phản đối tôi mà chỉ sợ những người không đồng ý với tôi mà lại hèn nhát đến nỗi không dám nói ra.

NAPOLÉON

HỒ-KIỀU-PHƯƠNG sưu-lâm



# NHỮNG THUY TỎ

## các nghề thủ công

### Việt-Nam

## \* Ba anh em mồ-côi cha mẹ, thủy-tỏ NGHỀ KIM-HOÀN



ỜI LÝ NAM ĐỂ (Tây lịch 517) ở làng Định Công (huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, Bắc

Việt) có ba anh em nhà kia mồ-côi cả cha mẹ, nhưng cả ba đều tính khôn, khéo léo. Người thứ nhất là Trần Hòa; thứ đến là Trần Diên và Trần Điền.

Nước ta thuở ấy thường bị quân Nam Chiếu quấy nhiễu. Ba anh em họ Trần đều có ruộng nương của cha mẹ để lại rất nhiều, song họ cũng muốn bán đi cho hết, tìm cách lánh nạn sang Tàu và luôn thể học lấy một nghề để kiếm ăn.

Qua bao nhiêu ngày gian nan khổ sở, trèo đèo, vượt suối, họ mới sang được biên giới; nhưng trước khi sang đất lạ, qua một khu rừng rậm thì bị một bọn cướp chặn đường bóc lột, khiến cho ba anh em chạy tán loạn

mỗi người một nơi, hành lý mang theo đều mất cả.

Người anh cả sang nước Tuy; hai em chạy sang nước Tấn. Hai em học được nghề làm vàng, còn anh thì tập việc trong nhà người thợ bạc.

Ba năm sau, Trần Hòa trở về làng, mong rằng được gặp hai em, nhưng hỏi thăm thì ai cũng đều nói có lẽ bị giặc cướp giết mất rồi. Người anh khóc lóc thảm thiết và để tang hai em.

Năm năm trôi đi, một hôm, trong lúc chàng đang ngồi trên ngưỡng cửa, buồn nhớ những

của  
**HOÀNG LAN**

việc đã qua, chợt thấy hai người lạ, khăn gói bước vào, hồi lâu mới

nhận ra chính là hai em. Cả ba anh em đều ôm nhau mà khóc, vái tạ ơn trời, Phật đã ban cho họ cái vui xum họp.

Họ liền mở một cửa hàng bạc, lấy hiệu là «KIM HOÀN», và dạy thêm cho nhiều người ở trong làng biết nghề nữa.

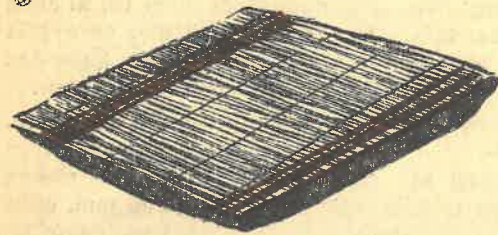
Nhà vua nghe tin, cho triệu cả ba anh em họ Trần vào triều, và truyền cho làm rất nhiều đồ nữ trang và bảo vật cho Hoàng thất.



Nghề kim hoàn ở nước ta bắt đầu có từ thời ấy.

**\* Ông Trạng - Nguyễn PHẠM - ĐÔN, Khâm - sứ Việt - Nam tại Trung - Quốc, là thủy-tổ NGHỀ DỆT CHIẾU**

Người chế ra chiếu cói đầu tiên ở nước ta tên là PHẠM ĐÔN, quê ở làng Thanh Nhân, huyện Kim Anh, tỉnh Bắc Ninh, sống dưới thời Lê (niên hiệu Thiên Phúc, Tây lịch 981-1006). Ông là người thông minh nổi



tiếng học giỏi, đỗ Trạng-Nguyên, nên đã có lần được cử sang sứ nước Tàu.

Một ngày kia, khi qua làng Ngọc Hồ (thuộc phủ Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây) ông thấy dân làng hầu hết đều làm nghề đan chiếu cói. Ông nhận ra đó là sinh kế duy nhất của dân làng, vì quanh vùng hoa lợi chỉ có một thứ cói. Ông nghĩ ngay rằng nghề này có thể nuôi sống cho nhiều gia đình ở quê-hương, nên ông lần la xin học nghề. Chỉ trong

ba hôm, ông đã trở nên một người thợ đan chiếu cói giỏi.

Khi trở về nước, ông tường trình mọi việc với vua, rồi xin từ quan trở về làng.

Về đến quê, ông mất công tìm kiếm mà không chỗ nào thấy bãi cói, khiến ông đến thất vọng. Mãi sau, khi lần mò sang vùng duyên hải tỉnh Nam Định, thì may thay, trước mặt ông hiện ra không biết bao nhiêu là bãi đất hoang, bùn lầy nước đọng. Trên bãi, cói mọc cao quá đầu người chung quanh lơ thơ vài xóm nhà với một số ít người chuyên nghề đánh cá. Ông lần la đến

xóm dân chài nói chuyện, và sau cùng bảo họ rằng: « Các người có muốn ta dạy cho biết phép biến những sợi cói vô dụng kia thành những nén vàng không? Họ xúm xít quanh ông, và ai nghe nói cũng đều ngạc

niên, và yêu cầu ông nói rõ cho họ hiểu. Ông bèn lưu lại ở xóm chài ấy, dạy cho mọi người biết cách lấy cói dệt chiếu.

Làng ấy là làng Hải-Thiện. Dân làng hiểu ngay sự lợi hại của nghề mới, bỏ việc đi đánh cá ngoài khơi, và xúm nhau lại chuyên làm cái nghề mới học. Kể đi cắt cói về phơi khô; người lấy sợi đan lại theo cách thức chỉ bảo của ông Trạng họ Trần. Không bao lâu, cả làng

Hải Thiện trở nên giàu có nổi tiếng nhất vùng.

Khi ông Trần Đôn mất đi, dân làng Hải-Thiện đều nhớ ơn ông, để tang và làm lễ rất linh đình. Ông được phong làm Lễ - Bộ thượng thư, và đến nay dân làng còn hương khói.

**\* Sư cụ KHÔNG-LỒ thủy-tổ NGHỀ ĐÚC ĐỒNG**

Theo sách « Bắc Ninh Chi », nước ta biết nghề đúc đồng từ đời Trần Thái Tôn (1226).

Thời ấy ở chùa Phạ Lại, huyện Quế Dương, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, có một nhà sư trụ trì, pháp danh là KHÔNG LỒ đạo học rất cao siêu. Ông nghĩ cách nặn ra những khuôn mẫu bằng đất, rồi lấy đồng vụn đúc nên những đồ tự khí nho nhỏ, hay những kiềng khánh để thờ cúng trong chùa.



Ông lại dạy thêm cho hai chú tiểu là Phạm quốc Tài, n g u ở i làng Đề Kiêu gần S i ê n

Loai, và Trần Lạc người làng Đông Mai huyện Văn Giang.

Sau, ba thầy trò chế ra những nồi đồng lớn, mà xưa nay chỉ làm bằng đất, rồi dần dần lại đúc được cả một quả chuông

lớn, cùng những pho tượng Phật, lư đỉnh v.v... Dân gian liền bảo nhau học lấy, và chế ra những đồ thiết dụng hàng ngày.

Dù bây giờ nghề đúc đồng đã tiến bộ, người ta vẫn coi hai làng Đề Kiêu và Đông Mai là nơi khởi tổ ra nghề đúc đồng và tôn đức Ki ông Lộ, và hai học trò của ngài là thủy tổ.

**\* Ông Khâm - sứ PHÙNG KHẮC - KHOAN, người đầu tiên đem bập ngợ từ bên Tàu về trồng trên đất Việt-Nam.**

Đời Lê Kính Tôn (1600) ông Phùng Khắc Khoan, tức Trạng Bùng được cử sang sứ Tàu.

Trong những ngày sống nơi quê người, đất khách, những lúc nhàn rỗi, ông thường thơ thẩn rong chơi đây đó. Một hôm, đi đến một làng kia, ông trông thấy rất nhiều người thợ đang quay những sợi tơ bằng những cái máy rất tinh xảo để dệt thành tấm lụa rất óng mượt và nổi cát nhỏ. Ông bèn ở lại vùng đó ít lâu để học lấy nghề, và phác ngầm ra trên giấy kiểu máy dệt.

Khi trở về, qua một cánh đồng rộng, ông ngạc nhiên thấy những cây cỏ rất lạ, chưa từng có bao giờ ở nước nhà. Thì ra đó là những cây vừng và bập ngợ. Ông muốn mua về mang về nước trồng, mà không được, vì

có lệnh cấm không cho mang một thứ hoa quả, cây cối nào ra khỏi nước Tàu.

Đến cửa ải Nam Quan, ông bị khám xét rất cẩn thận, đến đời bắt ông cởi cả quần áo ra để khám. Ông cũng bằng lòng, nhưng



khi cởi quần áo, đứng sau một bức bình phong, ông đã nhanh giấu được mấy hạt ngô và mấy hạt vừng vào hậu môn. Khi bọn lính khám xét quần áo của ông, thấy trong túi đựng đầy ngô và vừng, bèn đồ ra hết, nhưng không ngờ được đến mưu mẹo của ông.

Sang đến địa giới nước nhà, ông mới móc ngô và vừng ra, gói vào giấy cẩn thận. Về đến làng, ông đem trồng, hết sức trông nom săn sóc. Chẳng bao

lâu cây mọc lên xanh tốt, và được trồng lan ra khắp xóm làng, và dần dần khắp nước, thành một món ăn rất bổ ích cho dân ta. Ngày nay, theo lệ cổ người ta không dám cúng lễ bằng vừng và ngô, vì họ cho cách « nhập cảng » hai thứ đó của ông Trạng không lấy gì làm tinh khiết.

Còn thứ lượm mà ông Trạng học được cách dệt thì chỉ truyền lại cho dân làng thôi. Người làng trở nên giàu có cũng chỉ vì lượm Bùng! và cho đến nay, làng Phùng Xá, huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây hãy còn đền thờ ông Phùng Khắc Khoan để tỏ dấu ghi ơn.

### \* THỦY - TỬ NGHỀ LÀM ĐỒ GỐM: ÔNG TRƯƠNG-TRỌNG-ÁI

Nghề làm đồ gốm xuất hiện từ đời TRIỆU ĐÀ khởi thủy là một người thợ khách tên Hoàng Quang Hưng, gốc tự làng Thám Hương theo một quan Thái thú sang ta làm ăn.



Ông ngạc nhiên khi thấy những lọ, hũ của ta thô lỗ xù xì không đẹp mắt. Ông bèn hỏi một vài

người làm thế nào mà chưa được nước ăn để dành lâu. Mọi người đều trả lời là đã có ao làng, cho đến ăn uống, tắm, giặt cũng đều lấy nước ao cả.

Ông ta cười xòa cho là thô lỗ quá, và ông tự giới thiệu mình có thể chế ra được những chum vại to lớn, đẹp để có thể dùng chứa nước ăn được dùng trong hàng tháng.

Hồi ấy, nước ta có một người tên là TRƯƠNG TRỌNG ÁI quản làng Đẩu Khê, tổng Kim Độ, huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương thấy thế bèn ăn cần rước mời ông về nhà để xin ông truyền dạy nghề cho.

Ông vui lòng nhận lời. Về đến nhà, ông sai đắp một cái lò thật lớn ở giữa vườn, rồi nhào đất, lọc đất, làm khung gỗ, bàn đập,

chân quay... Sau ba tháng đã cho được vào lò nung mấy chục chum vại, kết quả rất tốt đẹp.

Ông Trương Trọng Ái kiệt sức mừng rỡ, và cảm ơn người Thầy Tàu, đưa tặng 20 nén vàng.

Từ đó ông Ái chỉ chuyên nghề làm đồ gốm, không mấy chốc trở nên đại cự phú. Khi ông mất đi, các con lại nối nghiệp, chẳng bao lâu, khắp làng đã đầy những lò gốm.

Sau này, con cháu của Trương Trọng Ái đem nghề làm đồ gốm sang làng Thổ Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh, khiến cho làng này từ đấy trở nên phồn thịnh.

Ở làng Thổ Hà hiện nay hãy còn hai ngôi đền thờ Hoàng Quang Hưng và Trương Trọng Ái.

(Còn nữa)

### \* CẠT - PỐT - TAN.

Sau khi giảng qua các danh nhân Pháp của thế-kỷ thứ 17, thầy liền gọi :

— Mân, trò hãy kể cho tôi hai Văn-hào lỗi lạc của Pháp ở thế-kỷ 17.

Vì « bạn » nói chuyện nên trả lời chẳng được, bống nghe một trò nhác : « DESCARTES — PASCAL »

Mân lạnh lẽo đáp : « Thưa Cạt-pốt-tan ạ ! »

Giáo sư : ???

### \* SÚT BÁNH XE.

Sau chuyến « Trung-du » về có vài bạn đến thăm, Thiên bèn ba hoa :

— Các anh biết không ? .. Trong lúc chuyến xe đang ngon trớn trên con đường đèo bống tôi giặt mình vì một bánh xe của tôi sút ra và văng tuốt xuống hố...

— Thế thì chết mất còn gì ?

— Nhưng khi tôi coi lại, thì là bánh « xơ cua » !

TÔ-KIỀU-PHƯƠNG

Sầu  
Lũ'-  
Thú'



Màn chiều thả xuống Cao-Nguyên,  
Sương mờ rơi phủ một miền núi non.  
Hoàng-hôn khơi mảnh tâm buồn,  
Mây đi trăm ngã gọi hồn cố hương.  
Vi-vu gió gọi thê-lương,  
Xót thân nhận lẽ tha-phương lạc loài.  
Chuông chùa xa vắng tiếng khơi.  
Kiếp sầu lũ thú, sầu ơi là sầu !  
Cõi lòng ai chất thương đau !  
Bấy lâu hoen ó hạt châu khăn hồng.  
Chiều nay ngồi tựa bên sông,  
Lững lơ giọng hát thả giòng tâm-tư.  
Hỏi lòng sao tỉnh lại mơ !  
Mơ trong mộng đẹp, bây giờ còn đâu ?  
Bao giờ voi được u-sầu,  
Đề tình non nước, đượm màu nước non.  
Sầu dâng, dâng ngập lòng son,  
Cô liêu là kiếp hầy còn vấn-vương.  
Cõi sầu sầu tự muôn phương  
Chén sầu rót mãi, thêm hương vị sầu.

Nhật-Thủy



★ NGUYỄN HIẾN LÊ dịch ★

G. K. Chesterton là một danh sĩ hiện đại của Anh, sanh ở Luân-Đôn năm 1874 và mất năm 1936. Ông viết nhiều loại : tiểu thuyết, tiểu sử, cáo luận, phê bình, và thỉnh thoảng làm thơ. Ngọn bút phê bình của ông rất sắc bén ; lý luận của ông vừa tài tình vừa chặt-chẽ, đôi khi có vẻ ngược đời. Những tác-phẩm chính của ông là : Dickens, The Victorian Age in Literature (tiểu sử, phê bình) ; The Napoleon of Notting Hill, The Innocence of Father Brown (tiểu thuyết) ; All things considered (Cáo luận) ; Poems (thơ).

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một tùy-bút ngắn của ông để độc-giả thưởng thức giọng văn hóm hỉnh cùng những tư-tưởng ngược đời mà sâu sắc của ông.



ÔI bực tức gần như sưng ở một nơi nhà quê. Tôi biết chắc khu Battersea của tôi được các ngọn nước đổ đến rất nhiều. Tôi cần phải thừa ngay rằng khi chưa ngập thì khu tôi vắng mặt, năm Battersea cũng là một nơi đẹp

nhất trong châu thành rồi. Bấy giờ lại thêm cái đẹp rực rỡ của làn nước mênh mông thì quả thực là không còn phong cảnh nào sánh kịp. Battersea lúc này khác gì Venice. Chiếc ghe chở thịt của nhà hàng thịt chắc tiến trong những đường hẻm nước gọn bạc, một cách êm đềm lạ lùng, y như những tam bản ở Venice. Người bán rau chở cải lại góc đường Latchmere chắc là nghiêng mình trên mái chèo một cách mềm mại vô song như các anh chèo đò ở Venice. Không có gì nên thơ hoàn toàn bằng một bãi đảo, mà khi một khu đất bị ngập thì nó thành một quần đảo.

Một vài người cho rằng nhìn nước hoặc lửa một cách lãng mạn như vậy, có phần không thiết thực. Nhưng xét kỹ thì nhìn các sự bất tiện một cách lãng mạn, vẫn hoàn toàn thiết thực như mọi lối nhận xét khác. Người yêu đời cho một sự bất tiện là một cơ hội để vui thích, cũng có lý như nhà viết báo gấu gống, cho đó là một cơ để cầu nhau, mà có phần lại nhiều tình cảm hơn nhà viết báo nữa. Những nỗi khổ như bị xử tử ở pháp trường hay bị nhừ rãng mới là những nỗi khổ xác thực. Người ta phải rán chịu nó, chứ không thể cho nó là vui được. Nhưng xét ra thì có phải ai ai cũng nhừ rãng đâu; mà bị xử tử thì lâu lắm trong bọn chúng ta mới có một người. Còn hầu hết những điều bất tiện nó làm cho đàn ông thì chủi rửa, đàn bà thì

rên la, thực ra đều do tình cảm hoặc tưởng tượng, nghĩa là hoàn toàn do óc của ta. Ví dụ ta thường thấy các ông các bà phàn nàn phải đi bách bộ ở sân ga, hoặc phải đứng đợi ở bến xe. Nhưng bạn có bao giờ thấy một đứa nhỏ phàn nàn như vậy không? Đối với nó, ở trong ga xe lửa là được ở trong một cái động tiên đầy bí mật, hoặc ở trong một lâu đài đầy thú nên thơ. Nó cho ánh đèn đỏ và đèn xanh để làm dấu hiệu chẳng khác chi một mặt trời hoặc mặt trăng mới. Và khi cái cây ngang ở cột đèn hốt nhiên hạ xuống để ra hiệu, thì nó tưởng như một ông vua cao lớn hạ cái gậy xuống để ra lệnh cho một đoàn xe rít lên và khởi hành. Chính tôi cũng giống trẻ em về đêm đó. . . . Những giờ vui nhất của tôi là ở trạm xe Clapham. Lúc này, chắc chỗ đó cũng ở dưới nước rồi. Đã nhiều lần ở trạm xe ấy, tôi chăm chú nhìn mọi vật, như bị thôi miên, đến nỗi giá nước có dựng lên đến bụng, tôi cũng không hay. Nhưng, như trên kia tôi đã nói, chúng ta xét những việc bất tiện như vậy đều theo tình cảm của ta hết. Bạn có thể áp dụng lời của tôi vào mọi điều mà ai ai cũng cho là bất tiện, có hại cho đời sống.

Chẳng hạn, người nào cũng cho rằng phải bắt đuôi cái nón của mình là một điều chẳng vui chút nào cả. Tại sao đối với những người có thú tự và tu hành thì như vậy lại là khó chịu? Chạy

đâu phải là một việc khó chịu? Cũng không phải vì chạy rồi hóa mệt, mà người ta khó chịu. Thì cũng những người đó, khi đi săn hoặc tập thể thao, còn chạy nhanh hơn vậy nhiều chứ! Họ đã nhiều lần chạy đuổi một trái banh bằng da chẳng đẹp để gì, mà sao lại hăng hái hơn là chạy đuổi một cái nón đẹp bằng tơ? Người ta cho rằng chạy theo cái nón của mình là mất thể diện, nghĩa là lỗ bịch, là làm trò cười. Kề ra, chạy theo cái nón cũng buồn cười thật, nhưng hầu hết những việc người ta làm đều buồn cười cả, như việc ăn chẳng hạn. Mà những việc tức cười nhất lại chính là những việc đáng làm nhất, như là việc trai gái yêu nhau. Một người đuổi theo cái nón có gì đáng tức cười bằng một ông chồng đuổi theo bà vợ đâu?

Nếu người ta cho đuổi theo cái nón là một việc rất tự-nhiên thì người ta có thể chạy bắt nó một cách rất hăng hái, dũng mãnh và vui-vẻ vô cùng nữa. Người ta có thể tự coi mình là một thợ săn vui vẻ đuổi một dã thú, vì chắc chắn không có một con vật nào hoang dã hơn là cái nón. Tôi gần muốn tin rằng sau này, sự đi săn nón trong những ngày gió lớn sẽ là một lối thể thao của hạng thượng lưu. Một buổi sáng có gió, các ông các bà sẽ hội họp trên một khu đất cao, rồi một nhà chuyên môn sẽ cho họ biết đã liệng một cái nón ở trong một bụi rậm nào đó. Có

lẽ người ta sẽ dùng một tiếng nhà nghề gì khác để chỉ các bụi rậm. Bạn nên nhận rằng trong lối chơi ấy, thể thao và nhân đạo được hòa hợp một cách hoàn toàn nhất, vì người đi săn thấy mình đã không làm cho một vật gì phải đau khổ, mà lại còn làm cho khán giả vui thích nữa, một nỗi vui lâu bền, rộng-ràng. Lần trước, khi tôi thấy một ông già sang trọng đuổi bắt cái nón của ông ta trong một công viên lớn, tôi bảo ông ta rằng một tấm lòng tốt như ông, tất phải khoan khoái lắm, vì mỗi cử chỉ, mỗi dáng điệu của ông đã làm cho những người xúm lại coi được một nỗi vui rất hồn nhiên.

Nguyên tắc tôi nói đó cũng có thể áp dụng vào mọi điều khó chịu ở trong nhà. Một người sang trọng thường tưởng tượng rồi thấy mình rất bực mình khi phải vớt một con ruồi ở trong ly sữa hoặc một cái mảnh nút bắt ở trong ly rượu. Nhưng nếu người đó nghĩ đến lòng kiên nhẫn của một ngư phủ ngồi bên một cái ao tù thì tất sẽ thấy tâm hồn mình vui-vẻ và thư-thái. Tôi biết nhiều người đầu óc tàn tiến lắm chứ mà đem trời đất thánh thần ra rửa chỉ vì gặp một sự bực mình nào đó, chẳng hạn khi thấy chiếc ngăn kéo mắc kẹt kéo ra không nổi. Nhất là một ông bạn của tôi cho sự đó là tức lộn ruột lên được. Lần nào cái ngăn kéo của ông mắc kẹt thì ông cũng rửa « Trềng đéc ơi ! » Thực là có văn có vẻ. Tôi chỉ cho ông

ta rằng sự khó chịu đó thực ra chỉ là chủ quan và tương đối : ta thấy nó khó chịu vì ta cho rằng ngăn kéo thì phải luôn luôn mở ra được dễ dàng.

Tôi khuyên : « Nếu anh thử tưởng tượng là đương giăng co với một kẻ thù mạnh mẽ nó áp bức anh, thì anh sẽ thấy hăng hái tranh đấu lên chứ không khó chịu nữa. Anh tưởng tượng rằng anh đương kéo lên cạm một chiếc tam bản, hay kéo một người bạn trượt chân té xuống một cái hang ở núi Alpes lên. Hoặc anh tưởng tượng anh là một đứa nhỏ đương thì kéo dây giữa hai phe Pháp và Anh ». Khuyên xong rồi, tôi bỏ mặc ông ta, và tôi chắc rằng lời khuyên của tôi rất hiệu quả. Tôi chắc rằng mỗi ngày, ông ta nắm quả nắm ở ngăn kéo, mặt đỏ bừng, mắt sáng rỡ, hăng hái phấn đấu, la hét để tự khuyến khích và tưởng chừng như ở chung quanh có tiếng vỗ tay hoan hô dậy trời.

### ★ SỢ BAN CHẾT.

Ở Càn-Thơ, vào một buổi trưa hè nắng gắt, gần bờ sông. Tuấn kêu Long :

— Coi chừng ! Mày không biết lội, đừng lên thuyền kiêu ấy, nguy hiểm lắm ! Nếu mày té xuống nước thì sao ?

Long cười :

— Mày khỏi cần lo. Cảm ơn mày nhiều !

Tuấn nói tiếp :

— Nếu té, mày có thể bị chết chìm.

Long quả quyết :

— Chuyện ấy không khi nào có. Tao hiểu cách lên thuyền quá mà !

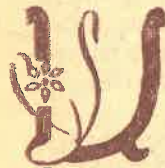
Tuấn chán-nản nói :

— Thôi được rồi ! Mày hãy trao cho tao cái đồng hồ và sợi giây chèo của mày đi. Lỡ mày có chết chìm, thì tao giữ làm vật kỷ-niệm !

Cho nên tôi nghĩ rằng dù châu thành Luân Đôn có bị ngập thì cũng có thể là một sự vui nên thơ. Nghĩ như vậy không phải tài hoàn toàn tưởng tượng hoặc khó tin đâu. Thực ra thì lụt chẳng qua chỉ bất tiện một chút thôi, mà như tôi đã nói, sự bất tiện chỉ là một phương diện, phương diện đó là một phương diện ngẫu nhiên, nghèo tưởng tượng của một tinh thể cực nên thơ. Một sự bất tiện, cho nó là một sự tự nhiên vô hại thì nó là một sự tinh cở. Một sự tinh cở, cho nó là có hại, thì nó là một sự bất tiện. Làn nước bao học các nhà và tiệm ở Luân-Đôn, nếu có làm hư hại đôi chút thì cũng làm tăng cái đẹp mê người, lạ lùng, cố hữu của các nhà và tiệm đó. Một giáo-sĩ đạo Da-Tô ở La-Mã đã nói : « Rượu dùng với cái gì cũng tốt, chỉ trừ với nước ». Theo nguyên tắc đó, ta cũng có thể nói : « Nước đối với cái gì cũng tốt, chỉ trừ với rượu ».



(Tiếp theo P. T. số 4)



UỀ SAU, hai cha d'Adran và J. L. Taberd chỉnh-đốn lại lối viết. Ông J. L. Taberd có xuất-bản tại Serampore (Ấn-Đô) hai bộ tự-vị *Dictionnaire Annamitico. Latinum* và *Dictionnaire Latino Annamiticum*, lối chữ ấy thông-dụng đến bây giờ. Mấy tự-vị của các ông J. L. Taberd, J. Simon Theurel (Ninh - Phú 1897) ; *Génibrel* (1898) *Paulus Huỳnh Tịnh Của* (1895-1896), P. Trương-Vĩnh-Kỳ (1900), dùng để hiểu nghĩa mỗi tiếng, chứ chẳng giúp ích nhiều về phương-diện ngữ-học, như quyền tự-vị của cố *De Rhodes*.

Đến thế-kỷ XIX, như khảo-cứu các dân-tộc Đông Nam Á, các học-giả Tây-Phương mới nhận ra sự quan-hệ thân-tộc xa gần của các loại-ngữ miền này, và bàn-cãi về nguồn gốc tiếng

Việt, J. R. Logan (1850) nhận thấy tiếng Việt có thân-tộc với tiếng Môn; *Keane* (1880) đánh đổ thuyết ấy, cho rằng tiếng Môn không có âm-điệu bổng-trầm như tiếng Việt. Song *Forbes* (1881), *Kuhn* (1883), *Himly* (1886) lại đồng ý thiên tiếng Việt về loại tiếng Pégouan hoặc tiếng Môn - Mên. *Abel Des Michels* (1887) không nhìn - nhận rằng tiếng Việt chuyên-lai từ tiếng Trung-Hoa, nó chỉ mượn danh-từ Hán-Việt mà thôi. Thiếu-trưởng *FREI*, táo-bạo hơn, cho tiếng Việt là « mẹ của một số tiếng nói » dẫn giải trong hai quyển *L'Annamite, mère des langues* (1892), *Annamites et Extrême-Occidentaux*. — *Recherches sur les origines des langues* (1894). *Henri Maspéro* thời cho tiếng Việt thuộc tiếng Thái; cố *Sauvignet*, trái lại, cho thuộc về tiếng Ấn-Đô Mã-Lai. Ông *Przy-*

C Ủ A  
L Ë  
NGOC  
T R Ụ  
Giảng-viên  
trường  
Đại-học  
Văn khoa  
★

Iuski sắp tiếng Việt vào loại tiếng Úc-Á (langue austroasiatique). Nhiều thuyết khác nhau, chưa quyết-định được; điều chắc chắn là tiếng Việt ngày nay là « kết quả của sự hỗn-hợp trại lẫn của nhiều thứ tiếng khác nhau. »

Trường Bác - Cổ Viễn - Đông thành-lập năm 1900 xúc-tiến việc khảo-cứu ngôn-ngữ, phong-tục, văn-hóa và lịch-sử của các dân-tộc ở bán-đảo Đông-Dương. Tiếng Việt được các nhà Đông-phương ngữ-học khảo-cứu có phương-pháp hơn, nhờ tài-liệu thâu-thập tại chỗ, như các học-giả *Chéon* (*cours d'annamite*), *Léopold Cadière* (*Phonétique annamite. — Dialecte du Haut-Annam* (1902); *Dialecte du Bas-Annam* (1911); *Monographie de la semi-voyelle labiale en annamite et en sino-annamite* (BEFEO 1908—1910), *Henri Maspéro* (những sách đã kể trên về sự khảo-cứu tiếng Trung-Hoa), *Souvignét* (*Les origines de la langue annamite*), *Dubois* (*Quốc-ngữ et mécanisme des sons de la langue annamite. — Etude phonétique* (1904), A.G. *Haudricourt* (*Initiation à la linguistique*). Hai học-giả trừ - danh Việt-Nam, ông P. *Truong Vĩnh Kỳ* (tác-phẩm về ngữ-học không thấy xuất-bản) và ông *Nguyễn-văn-Tổ* (*L'argot annamite de Hanoi*), cũng có khảo về tiếng Việt, nhưng một cách lẻ-tẻ rời-rạc. Các khảo-cứu viết bằng Pháp-ngữ vẫn tiếp-tục. Gần đây, đáng đề ý có quyển *Précis de langue Vietnamienne* (1948) của P. *Francastel*, quyển *Le parler vietnamien. —*

*Sa structure phonologique et morphologique fonctionnelle* (1948) của Cha *Lê-văn-Lý*. André—G. *Haudricourt. — Les origines des tons en vietnamien* (*Journal asiatique* année 1954, fasc 1. pp 69-82).

Học-giả Việt-Nam cũng có gia-tâm khảo - cứu, nhưng phần nhiều viết những bài báo lẻ-tẻ hoặc những sách về văn-phạm, tài-liệu phần nhiều mượn của những sách Pháp.

Những sách chuyên về ngữ-học rất ít, có quyển *Học tiếng Nam* (1938) của ông *Trần-Cảnh-Hảo*, quyển *Ca-dao toán-học* (1950) của ông *Đào-trọng-Đủ*, quyển *Chữ và Văn Việt khoa-học* (1950) và bài *Ngôn-ngữ-học* (tập Kỹ-yếu Hội Khuyến-Học, 1953) của ông *Nguyễn-Bạt-Tuy*.

Đồng thời, chữ quốc-ngữ cũng được nhiều học-giả đề-nghị cải-cách cho giản-tiện trong việc ăn loát và đánh điện-tin.

Khoa ngữ-học Việt-Nam ngày nay được giảng-dạy tại Trường Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn, và hồi tháng chín 1956. Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục có triệu-tập một *Hội-Nghị thống-nhất ngôn-ngữ*. Ấy là triệu-chứng đáng mừng cho văn-khoa nước nhà.

Tiếng Việt dưới chánh-thể Việt-Nam Cộng-Hòa là thừa-ngữ chánh-thức, một phương tiện hiệu-quả nhất trong sự phát-triển văn-hóa Việt-Nam thì sự khảo-cứu tiếng Việt càng cần-thiết đề đề-cao tinh-thần dân-tộc về phương-diện ngôn-ngữ văn-tự, đề tiếng nói, chữ viết được điều-chế và nhất-tri.



### Tùy bút của Cô BẠCH-YẾN



Ô xướng - ngôn - viên vừa đọc xong kết quả của lô số trúng độc-đắc xong, tôi vội ngã mình lên chiếc ghế cạnh bàn

tôi. Bao nhiêu hy-vọng của tôi khi mua hai tám vé số vừa rồi thế là đã tiêu tan theo gió! Tiếng hát của nhạc-sĩ Trần văn-Trạch lại cất lên bên tai tôi: « ... Kiến - thiết Quốc-Gia giúp đồng bào ta, mua lấy cái nhà giàu sang mấy hồi... » Tôi thấy bực mình đến tắt vội máy phát thanh đi. Giàu sang đâu chưa thấy mà đã thấy mất 20\$ đề mua 2 tám vé số rồi! Đã trật mãi nhưng mỗi kỳ ra số tôi lại thích mua. Có lẽ mọi người cũng như tôi đều thích mua vé số chăng? Vì ai mua vé số cũng có ý nghĩ rằng chỉ trong chốc lát may ra sẽ trở thành triệu phú! Chỉ bỏ ra 10\$ thôi đề mua một cái hy-vọng lớn lao, thì thử hỏi ai lại không thích chứ! Nói thế mình ham làm giàu mới đưa nhau

mua vé số. Lịch-sử xổ số đã bắt đầu có giữa thế-kỷ XVII kia lận mà! Chính nước Ý đã bày ra cuộc chơi này trước nhứt, và dần dần lan cả Âu Châu qua Á Đông, rồi sang Việt-Nam, chẳng khác nào dịch « *Hu-la-húp* » hiện nay đang bành-trướng mạnh mẽ vậy. Cuộc xổ-số đầu tiên có từ năm 1653, do nhà Ngân-hàng Ý tên là *Lorenza Tonti* đề nghị với Thượng-Thư *Mazarin* mở một cuộc chơi hụi theo kiểu xổ-số, do đó người Pháp có chữ *Tontine* là chơi hụi (lấy tên của *Lorenza Tonti*).

Năm 1661 vua *Louis XIV* có tỏ chức một cuộc xổ số đề lấy tiền bỏ vào quỹ Quốc Gia, khi nghe kết quả thì lô độc-đắc lại về tay bà *Seudéry*, tình nhân của vua! Lại một lần bà tình nhân thứ hai của vua là Bà *De Montespan* mở cuộc xổ-số riêng, giá mỗi vé là một đồng louis, không dè chính nhà vua lại trúng độc-đắc. Dư-luận rất xôn - xao cho rằng triều đình bày ra các cuộc xổ số ấy đề lừa gạt dân-chúng.

Nữ sĩ De Sévigné liền rêu-rao là cuộc xổ số ăn gian.

Vua Louis XIV thấy vậy mới lấy số tiền trúng số của ông mà cho vào hội phúc-thiện để khỏi mang tiếng. Mùa đông năm 1709 trời rét ghê gớm, dân chúng Pháp bị chết rét hàng ngàn người nằm la liệt các đường phố. Nhà vua bèn tổ chức ra cuộc xổ số để lấy tiền chôn người chết và giúp đỡ các người nghèo có đủ phương tiện để mua y phục mà mặc. Hiện nay nhiều nhà thờ lớn của Pháp, Anh, Đức, Ý thành lập từ thế kỷ thứ 17 cũng đều do tiền xổ số mà ra cả. Năm 1793 Chánh - phủ cách mạng Pháp cấm xổ-số, nhưng vì ngân quỹ hết tiền, chính - phủ cách-mạng lại phải mở cuộc xổ-số, mỗi tháng 3 kỳ, nhờ đó mới có tiền để mua khí-giới đánh giặc với các nước quân-chủ Âu Châu. Hoàng Đế Napoléon lên ngôi, ngân quỹ không được dồi dào nên ngài tổ chức các cuộc xổ số để lấy tiền đãi cho dân chúng nhậu nhẹt say sưa. Do đó thi-sĩ Des-préaux làm một bài thơ ca hát lưu truyền khắp nước Pháp:

*Vive, vive Napoléon !*

*Qui nous baille*

*De la volaille !*

*Du pain, du vin à foison :*

*Vive, vive Napoléon !*

*v...v...*

Xin tạm dịch:

*Nữ-phá-luân muôn năm, muôn năm!*

*Ngài cho mình ăn-thả dặng,*

*Vịt, ngỗng, gà đầy bàn !*

*Rượu, bánh, trái đầy mâm !*

*Nữ-phá-luân muôn năm, muôn năm !*

*v...v...*

Sau Napoléon bị truất ngôi, dòng họ Bourbons lên tái vị, vua Louis XVIII cũng bắt chước mở xổ-số rằm-rộ để có tiền thết đãi dân chúng, lại một dịp cho một vài ca sĩ làm bài hát theo kiểu trên đề... ca-tụng xổ số và nhà Vua cho ăn nhậu !

Văn-sĩ trứ danh Alexandre Dumas fils gặp lúc túng tiền quá liền viết một tập sách con-con đề tựa là « *Lịch-sử xổ số từ đầu đến cuối* », giá mỗi quyển là 1 các bạc, ông cho đem bán trong một dịp xổ số đang thịnh hành, thu được khá nhiều tiền. Nhờ đó, nhà ăn trả được một ít nợ, còn bao nhiêu thì sắm nữ trang cho người yêu. Nhưng ông xài tiền thế nào không biết, để rồi lại mắc nợ nhiều hơn xưa ! Bạn ông là văn-sĩ Joseph de Maistre tức cười về vụ ấy có viết : *Les biens et les maux sont une loterie !* » (Chuyện may và chuyện rủi đều là cuộc xổ số) !

Hiện nay, bên Paris chúng ta còn trông thấy điện Panthéon nguy nga, đồ sộ, trên mặt tiền có khắc 6 chữ lớn : « *Aux Grands Hommes, la Patrie reconnaissante* » (Tổ Quốc biết ơn các bậc vĩ nhân) dùng để thờ các bậc anh hùng của Pháp, cũng là do tiền xổ số mà xây dựng vào năm 1784. Mỗi vé số này lúc đầu chỉ bán có hai các, sau vì quá đắt

nên tăng lên 4 xu mỗi vé. Bên nước Việt-Nam ta cũng vì bán quá chạy nên lại có nạn đầu cơ, bởi thế nên mỗi khi muốn mua vé số tôi lại phải đi tìm khắp Saigon may ra mới mua được vài vé. Mãi đến hôm nay là ngày nghe kết quả đem ra dò thì bị trật mất hai số. Nếu không thì tôi đã trúng độc đắc rồi.

Lúc vừa mua hai tám vé số tôi cũng đã xây đắp bao nhiêu lâu đài trong mộng. Nếu may mắn được « *Thần tài* » đến viếng, lô độc đắc về tay tôi, thì, ôi thôi ! sung sướng biết chừng nào ! Khi ấy, bỗng nhiên tôi sẽ trở thành một nhà triệu phú mà ai ai cũng đều ước mong. Bao nhiêu người

sẽ kính trọng tôi, quỳ-lụy bên tôi vì tôi biết rằng ở trên xã-hội này rất nhiều người chỉ biết trọng đồng tiền, vì tiền mà con người ta giết hại lẫn nhau, xâu xé lẫn nhau, xem thường nhân nghĩa, danh dự, một khi sức mạnh của Kim-Tiền làm mờ ám lương tâm. Nếu hôm nay tôi được may mắn trúng độc-đắc, may-mắn hay rủi ro, biết đâu một ngày kia kẻ cướp sẽ đến viếng tôi mà không « *báo tin* » cho tôi biết trước ! Nhưng thôi, ca sĩ Trần-vân Trạch đã rêu rao « *Mua Số Quốc Gia giúp đồng bào ta* » ! thế nên tôi không thấy buồn nữa. Nhưng tôi cũng viết nên bài này để an ủi những tám vé số vô duyên !

## \* BỮA ĐÓ CÓ TÔI A !

*Quan Tòa hỏi nhân chứng : Có phải tên Giáp này đến đó đến nhà ông Ất lấy trộm không ?*

*Nhân chứng : Bẩm đúng như vậy, chính nó là 1 thặng ăn trộm.*

*Quan Tòa : Sao anh biết đúng như vậy ?*

*Nhân chứng : Dạ bẩm... đêm đó có cả tôi cũng đi ăn trộm với nó a !*

## \* DANH-NGŨN

Ngày nào anh còn phong lưu sung-sướng anh còn đông bạn-bè, nhưng ngày nào cực-khổ, anh sẽ tro-trọi quanh-hiu.

(*Donec eris felix multos numerabis amicos, tempora fuerint nubila, solus eris...*)

OVIDE (Thi-sĩ La-Tinh) trước Thiên-Chúa.

*Bần-cư nào thị vô nhơn vấn*

*Phủ tại thâm sơn hữu khách lăm.*

(Danh-ngôn Tàu)

(Nghèo ở nơi thành thị đông-đúc, chẳng ai hỏi han,

Giàu ở chốn núi sâu, có khách tìm đến)



# PHỤ - NỮ

## THỂ DỤC

Cô TUYẾT NGÀ

(Tiếp theo P. T. số 3)

**H**ôm trước các bạn đã tập phần đầu của bài tập mềm dẻo thân thể. Sau 15 hôm tập, tôi chắc các bạn cũng đã thông thạo lắm rồi. Giờ đây chúng ta hãy tập sang phần chót. Phần này hơi khó, tôi mong rằng các bạn sẽ cố gắng và can đảm hơn.



(Hình I)



(Hình II)

Nằm sấp, hai tay và hai chân chống cho người không đụng đất. Hai đầu gối thay phiên đưa lên đụng ngực. (Xem hình II)

**Chú ý :** Trong lúc tập, toàn thân phải thật thẳng, lưng không được cong.



(Hình III)

Đứng, hai đầu gối vum lại, hai tay đưa thẳng lên cao.

Sụm chân xuống vừa hạ hai tay xuống cạnh sườn. (Xem hình III).

**Chú ý :** Thân lúc nào cũng thẳng; hai đầu gối lúc nào cũng vum lại.



(Hình IV)

Đứng, hai chân thay phiên quây thành một vòng càng lớn và càng cao càng tốt. (Xem hình IV).

**Chú ý :** Thân và chân lúc nào cũng vẫn thẳng.



(Hình V)

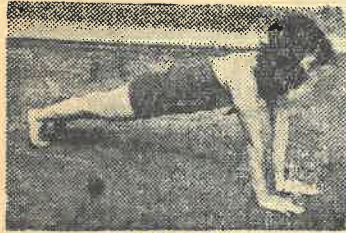
Chân mặt téo sang trái đoạn đưa mạnh sang mặt, càng cao càng tốt. Chân lúc nào cũng vẫn thẳng. (Xem hình V).



(Hình VI)



Qui gối một chân, chân kia thẳng sang một bên (xem hình VI). Đưa chân thẳng lên cao và hạ xuống. Đến khi mỗi thi đổi chân. Thân lúc nào cũng vẫn thẳng.



(Hình VII)

Nằm sấp (xem hình VII), hai chân thay phiên đưa ngược lên cao (càng cao càng tốt). Người lúc nào cũng giữ thẳng.



(Hình VIII)

Đứng chân trước chân sau, hai tay đưa lên khỏi đầu.

Xếp chân trước lại vừa đánh mạnh 2 tay ra sau; ưỡng bụng tới trước và chân sau vẫn giữ thẳng. (Xem hình VIII).

Trở về chỗ cũ, xoay người lại và tiếp tục đổi chân tập.



(Hình IX)

Đứng chân trước chân sau, 2 bàn tay để sau ót, (Xem hình IX).

Xếp chân trước lại vừa ưỡn người tới trước đoạn giữa người ra sau.

Trở về chỗ cũ và đổi chân để tiếp tục tập. (còn nữa)

## \* MIAO-MIAO...

Bà De Saint-Palais, chủ-tịch phòng Triển-lâm Mèo vừa mở tại Paris, có tuyên bố: « Một con mèo thông-minh vừa-vừa cũng có thể hiểu được 700 tiếng của người ta nói ».

## CHUYỆN NGẮN PHỔ-THÔNG

# CON MÈO

của HOÀNG THẮNG



ON nghĩ gì mà ngăn người ra thế?; mẹ Tý dịu dàng hỏi con.

— Con nghĩ nhiều thứ lắm mẹ à.

Nhìn đưa con lên bầy, gầy yếu xanh xao, chỉ có đôi mắt là tinh anh, thông minh rồi lại nhìn bữa cơm nghèo nàn tro đĩa cá khô, người mẹ rơm rớm nước mắt, lẩm bẩm trong miệng: « nó giống bố nó quá! »

Bà rầu rầu nói với con:

— Thôi ăn cơm lệ lên con, đừng nghĩ ngợi nữa.

Đù mẹ bảo nhưng Tý không nghĩ sao được. Hằng ngày đi học qua căn nhà hai tầng đẹp đẽ, sang trọng, Tý vẫn thường được nom thấy một con mèo

tam thể nằm cõm vào tay một bà già đạo mạo ngồi trên sập gụ. Con mèo đẹp làm sao! Đôi mắt của nó xanh biếc như lá chuối non và trong như thủy tinh vậy. Những đốm lông đen, vàng loang lổ trên màu trắng như bông gòn. Tý đứng ngẩn ra nhìn không chớp mắt. Con mèo đã đẹp lại được chiều chuộng. Cứ mỗi lần bà già vuốt nhẹ tay trên lưng, nó lại lim dim đôi mắt rồi kêu meo meo có vẻ thích thú.

— Miu con đói rồi ư?

Thế là người ở lại mang lên cho Miu một con cá nục rím khô, nằm lạnh lẽo trên chiếc đĩa trắng viền chỉ xanh.

Giọng nói của bà già lại âu yếm:

— Miu ăn nữa không con.

Thế là con mèo lại lim dim đôi mắt, chiếc lưỡi màu hồng hồng liếm nhanh quanh mép rồi mê đầu vào lòng bà già, rên gừ gừ như người bị lên cơn hen.

... Tý lẩm bẩm trong miệng: « Con mèo được ăn sang quá, hơn cả thức ăn nhà mình. »

Một ý tưởng hẳn học muốn trả thù được nỏ nhanh trong óc Tý — có lẽ vì ghen —. Và nhanh nốt miếng cơm, Tý phác vội chương trình hành động. Nó sẽ tìm một cái túi vải dày rồi chờ cơ hội con mèo chạy ra đường là nó sẽ chụp luôn mang về nhà.

★

— À mày không ăn hả ?

Tý giận dữ ấn đầu con mèo vào trong chiếc bát mẻ lỏng chổng nước rau và cơm nguội : Con mèo run lên bần bật, lông nó dính nhớp và bần thủ, chiếc đuôi ngó ngoáy trên nền đất ẩm.

Đã ba hôm nay Tý bắt tên tù của mình ăn khổ sở nhưng con vật nhất định tuyệt thực làm reo. Bực mình Tý muốn hét vào tai con mèo để bảo cho nó hiểu rằng không phải ai cũng giàu có như bà già chủ cũ của nó để mua những con cá ngon lành đặt trên chiếc đĩa trắng đẹp để cho nó ăn.

— Thôi được, thật là mày làm khổ tao, đồ con vật nhà giàu.

... Bà chủ căn nhà hai tầng đang ngồi ủ rũ trên sập gụ chọt giạt mình khi nhìn thấy một đĩa bẻ con nhón nhác bước vào nhà, nơi tay xách một chiếc túi vải dày nặng chũu.

Đưa nhỏ rụt rè nói :

— Tôi mang đến trả bà con mèo.

« Con mèo », bà già thốt kêu lên một tiếng reo mừng. Bà rối rit bảo cậu bé :

— Vào đây con, quý hóa quá. Thật ta có ý dâng bảo tìm kiếm cũng hay. Con đáng được ta thưởng tiền.

Mãi thò tay vào trong túi vải để lôi con mèo ra, bà đã không nhìn thấy khuôn mặt đỏ ửng của Tý và bà cũng không biết Tý đang nghĩ « Được thưởng ? Mình bắt mèo của bà ấy mà cũng được thưởng ư ? »

Chợt bà già kêu lên :

— Trời ! Miu sao con gầy và bần thủ thế ? Quay vào trong kêu người nhà lấy bánh cho Tý ăn, bà móc túi lấy tiền đưa cho nó :

— Đây con cầm lấy tiền mà tiêu. Nhớ mang về gửi mẹ con giữ cho không lại rơi mất. Con đáng mền lắm.

Nhìn nắm giấy bạc Tý run lên. 500 đồng. Nhiều quá ! Nó nghĩ đến bộ mặt tươi tỉnh của mẹ nó khi nó đưa tiền về. Mẹ nó sẽ mua vải may quần áo cho nó và mua cả đôi giày nữa. Phải rồi, đôi giày mới mà nó đã hằng mong ước từ lâu.

Chợt con mèo nhảy lên lòng nó ngồi, dơ chân quào quào chiếc bánh nó đang cầm ở tay như muốn chiếm đoạt. Chợt nhớ ra bà già vội hỏi :

— À, con bắt được Miu của ta ở đâu thế ?

Tý cúi nhìn con Mèo, con vật cũng ngược đôi hòn bi ve xanh trong suốt lên nhìn nó, rồi rụi đầu vào tay nó. Con mèo không hề thù hẳn kẻ đã giam mình,

cũng như cho mình ăn uống khổ sở. Tý lại ngược nhìn bà già rồi cúi nhìn nắm giấy bạc vẫn còn ở trong tay bà.

Niềm hối hận tràn dâng, thế là nó òa lên khóc và kể hết.

Khi Tý mạnh dạn ngừng đầu lên, nó nhìn thấy bà già cũng âu yếm nhìn nó. Bà không giận nó chút nào hết.

— Con có biết tại sao ta quý con mèo không ? Chỉ vì ta không có con cái, ta đã già rồi...

Bà ngưng lời, nhíu mày nghĩ ngợi rồi đột nhiên kéo Tý vào lòng, xoa đầu nó rồi tiếp :

— Con cứ giữ lấy tiền... rồi ngày ngày con cứ đến đây chơi. Con muốn gì ta sẽ mua cho.

Con mèo như hiểu biết cũng liếm vội tay nó như bằng lòng tiếp nhận một người bạn mới. Tý run lên vì sung sướng chạy vội về nhà để khoe với mẹ quên cả chào bà già quá tốt với nó. Con mèo tam thể cũng vút nhảy xuống đất, lanh lẹ chạy theo nó.

Nhìn bóng Tý thoát ra ngoài cửa, bà già lẩm bẫm, đôi mắt bừng sáng :

— Ta phải hỏi mẹ nó để xin nó làm con nuôi mới được.

## THẦY GIÁO MÀY ĐIÊN RỒI !

Vào giờ viết-vấn thầy giáo hỏi các học trò :

— Cái kết quả tốt đẹp nhất mà người ta thu hoạch được là cái gì ?

Thăng Tèo giơ tay xin trả lời. Thầy giáo liền khen :

— Giỏi đấy ! chỉ có một mình trò biết, vậy trò hãy trả lời đi.

Tèo nói :

— Dạ thưa thầy, là quả tim phụ-nữ.

Tức giận thầy giáo quát :

— Mày thật là một đứa mất dạy ! Mày hãy chép câu trả lời của mày 100 lần và đưa cho ba mày ký tên rồi đem đến cho thầy.

Ngày sau, thăng Tèo đến trường với một nét mặt buồn. Thầy giáo hỏi :

— Sao trò ? Ba trò có ký tên chưa ?

Trò chằm rãi trả lời :

— Dạ thưa thầy có.

Thầy giáo hỏi tiếp :

— Ba trò có nói gì không ?

Trò trả lời :

— Dạ thưa thầy ba em nói : « Thầy giáo mày điên rồi ! »

HẢI-PHƯƠNG



## BÁNH BÔNG DÀ

Vật liệu :

- 1 trái dứa khô,
- 4 cái bột gà, bỏ trứng đỏ, lấy trứng trắng ;
- 4 grs đường cát trắng thứ thiệt khô,
- 2 grs bột mì,
- (nửa cắt bạc xúc) đường thơm.

### Cách làm :

Dứa nạo cho nhẹ tay, đừng để mạnh, số to bánh không ngon, bỏ lớp mặt lấy lớp trong, đừng nạo sứt rớt vỏ đen màu bánh sẽ xấu đi.

Vắt nhẹ tay ; cho bột nước cốt ra rồi để lên thớt bằm cho nhỏ, xong rồi lấy mâm, hoặc khay, tải ra phơi nắng cho thiệt khô.

Lấy 4 trứng trắng trứng gà

### \* YÊU và MÊ.

Thi-Sĩ Pháp Marcel Aymé nói : « Mê người đàn bà thì dễ, yêu họ thì khó ». (On peut toujours adorer une femme. Il est moins facile de l'aimer).

# MÓN ĂN PHỒ-THÔNG

## BÀ THƯỜNG LẠC

đánh cho nổi bông ; để đường vô đánh nữa, chừng nổi cứng, nhiều lên dĩa mà không chạy chừng là được, rồi để đường thơm vô.

Dừa phơi khô nói trên, trộn với 2 grs bột mì cho đều ; (để khô vậy trộn vô).

Thùng nướng để than cho đều, chừng đều lửa ; lấy vĩ thoa mỡ sướt sướt ; (bột mì xác dừa) trộn vô bột gà đường đánh nổi, nhẹ nhẹ tay, coi đều, lấy muỗng múc để vô vỉ, độ trang tay cái, phải cách nhau xa xa, vì chừng bánh nở lớn ra sẽ dính lại.

Lửa vừa thôi, nếu già lửa, bánh sẽ nứt mặt, chín áp, dai chớ không giòn ; màu bánh không vàng tự nhiên nó sạm coi không đẹp.

Bánh chín lấy ra, để một chút sẽ cay, còn nóng quá cay nó sụp hết.

Đề vô hộp thiết, hay là đề trong keo, cho kín gió, chớ đề hộp giấy, bánh sẽ mềm đi.



# ĐỌC TỰ ĐOẠN CỦA BORIS PASTERNAK

## PHẠM CÔNG THIÊN

\* TRONG PHỒ-THÔNG số 2, bạn TÔ THUY YÊN có giới - thiệu khá đầy-dủ về PASTERNAK, trộm nghĩ tôi khỏi phải giới - thiệu lại nhà văn Nga - Số ấy nữa. Ai mà không biết, số-dĩ PASTERNAK được Hàn - lâm-viện Thụy-diễn trao tặng giải quốc-tế Nobel phần lớn cũng nhờ tác-phẩm văn xuôi Bác-sĩ Zhivago ; song, bộ môn đã làm ngôi sao PASTERNAK chiếu chói lọi khắp vòm trời văn nghệ Liên-Sô lại chính là thi-ca Làn đầu tiên chấp chững viết văn, PASTERNAK nổi danh lừng-lẫy là nhờ một tập thơ, tức thi-phẩm « Chì tôi cuộc đời ». Ngày nay, hầu hết nhân-dân Nga-sô đều thuộc lòng thơ ông. Ai có nghiên-cứu kỹ về nền văn-học Nga từ nguyên-thủy đến hiện kim đều đồng-ý, công-nhận rằng những thi-hào vĩ-dại nhất của Nga

là POUCHKINE, LERMONTOV, BLOK, MAÏAKOVSKY, ESSENINE và PASTERNAK. Có thể nói đứng sau POUCHKINE, BLOK, MAÏAKOVSKY là PASTERNAK. Chẳng những là một tân-văn-gia đại-tài, PASTERNAK thường được nhận là thi-hào vĩ-dại nhất của Liên-Sô hiện đang còn sống (PASTERNAK est considéré par beaucoup, à l'étranger, comme le plus grand poète Soviétique vivant.— Benjamin GORIELY, Littérature russe Soviétique, NRF, 1956, trang 1546).

Một điều lạ giữa cao-trào văn-học vô-sản, PASTERNAK là một nhà thơ trữ-tình chủ-trương lãng-mạng và tôn-sùng cá-nhân chủ-nghĩa như SVÉTLOV, KAZINE, MANDELS-TAMM hay Anna AKHMATOVA. Thơ-văn ông có một tính-chất độc-đáo trong nền văn-học vô-sản Nga-Sô, ông chủ-trương thì ca thuận-tùy (« L'unique tâche de l'art est d'être accompli brillamment » PASTERNAK, Cité par EHRMARD); PASTERNAK là một con người cô-độc trong làng văn-Nga-Sô, vì lẽ đó mà chính quyền Cộng-Sản Nga-Sô chống lại ông.

Thơ ông thường khó hiểu, tôi tâm vì những lối ẩn-dụ, mặc dù dụng-ngữ và cú-pháp ông rất giản-dị.

Dưới đây tôi xin trích-dịch vài vần thơ chọn lọc của PASTERNAK để độc-giả có một khái-niệm về thơ của một người chiếm giải Nobel văn chương 1958, một người Nga can-đảm nhất hiện nay đã dám đứng lên vì SỰ-THẬT, giữa quân tàn-bạo độc-tài, như một CHARLES DE GAULLE của thời 1940 hay một MINDSZENTY của Hung-gia-lợi oai hùng.

Tất cả các học-gia uyên-bác về văn-học và ngôn-ngữ Nga đều đồng-ý rằng hầu-hết những thi-phẩm của PASTERNAK đều khó hiểu và không thể nào dịch ra một ngôn-ngữ khác được (« intraduisible »). Với cái vốn liếng Nga-ngữ nhỏ-nhỏ của 4-5 năm trời mò-mẫm tự học trong sách-vở, tôi cũng tự-lương được sức mình, song tôi cũng hết sức cố-gắng tạm dịch ra Việt văn để độc-giả PHỒ-THÔNG tạm có một ý-niệm về thơ PASTERNAK kịp ngay lúc này, lúc mà cả thế-giới đang xao-động về « PASTERNAK » (Pasternak Case).

P. C. T.

## Сон

Мне снилась осень в полуветре стёкла,  
Друзья и ты в их шубовской зуре,  
И, как с небес добивший крови сокол,  
Спускалось сердце на руку к тебе.

Но время шло и старилось, и мохло,  
И паволокой рамы серебра,  
Заря из сада обдавала стёкла  
Кровавыми слезами Сентября)

Но время шло и старилось. И рыцари,  
Как лёд, трещал и таял кресла шёлк;  
Вдруг, грохочая, заткнулась ты и стиснула,  
И сон, как отзвук колокола, смолк.

Я пробудился. Был, как осень, тёпел  
Рассвет, и ветер, удаляясь, кёс,  
Как за возом берущий гонимый соломник,  
Тряхнул берущих по куду берёз.

## MỘNG

Tôi mộng mùa thu tranh tối tranh sáng của cửa kính,  
Những bạn của tôi và em trong bọn chúng kỳ cục,  
Và, giống như chim ưng của bầu trời tìm kiếm máu,  
Quả tim tôi chỉ nhảy thọt một cái thì đã vồ tới em,

Song thời gian đã già đi, song thời gian có vẻ điếc  
Và những con mắt lang-thang của nó làm mạ bạc cửa sổ kính  
Bình minh ở khu vườn đang lên và làm cháy ở cửa sổ tôi  
Nước mắt và máu của những buổi sáng tháng chín

Song thời gian đã già đi. Và dịu-dàng, tơ lụa  
Kêu răng rắc dưới đáy ghế bành như nước đá tan chảy;  
Song thành linh tiếng ồn-ào của mi đình chỉ, mi sầy chân,  
Và mộng của tôi nín lặng, như tiếng đồng vọng của chuông.

Tôi thức giấc rồi. Ủ-ê như mùa thu.  
Ngày mọc lên và gió chạy trốn mang theo  
Một trận mưa rơm rạ như thể theo sau một cái xe,  
Một bọn cây phong nhẩy vọt lên trời.



# ẢNH ĐÈN

DỊCH RA VIỆT-VĂN  
VI - HUYỀN - ĐẮC

TIỂU THUYẾT TRUNG-HOÀ  
c ử a T ù - V U

(Tiếp theo P. T. số 4)

## IV



Đầy vào phòng giam,  
và sau khi cánh cửa  
sắt đóng sập lại, ở  
sau lưng tôi, tôi  
vấp, ngã lăn quay  
ra mặt đất. Lúc ấy,  
tôi mới rõ, trong này có nhiều  
người cùng bị một số-phận như  
tôi, và tôi đã vấp chân vào họ,  
vì họ nằm ngời, ngồn ngang cả ở  
mặt đất.

Trong phòng, tôi như bung lầy  
mắt, nên tôi chẳng rõ, ở chung  
quanh tôi, có những gì? Tôi chỉ  
nghe thấy những lời thốt mồm của  
họ, và chỉ biết nín khe. Tôi bèn cố  
sờ lần và đem hết nhãn-lực ra, để  
tìm lấy một chỗ ngồi. Thì ra, trên  
mặt đất, có trái rơm. Dần dần,  
tôi trông thấy rõ hơn, nên tôi để  
mắt điềm khắp nơi xem họ may  
có gặp được mặt nào quen chàng.

Bỗng, tôi bất chợt thấy một cặp  
mắt trắng dã nhìn tôi trừng trừng,  
chẳng hề lay động, y như cặp  
mắt lộn tròng của một cái xác  
chết vậy. Người có cặp mắt đó  
ngồi tựa vào bờ tường, hai chân  
đuỗi thẳng, mặt dài, hốc hác, đầu

bù-sù, tóc màu ro xám, với hai  
vành tai chuột đẹp, nhọn.

Đôi mắt người đó vẫn cứ nhìn  
tôi; còn tôi, tôi như bị thôi-miên  
vậy. Cố hết sức, tôi cũng không  
thể nhận-thức người đó còn sống  
hay đã chết rồi.

Tôi cũng không hiểu tại sao,  
tôi bị cặp mắt ấy lôi cuốn và bắt  
tôi bò mau theo chân tường để  
đến bên người ấy. Tôi giơ tay để  
vào ngực hắn thì thấy hắn còn  
thoi thóp thở, nhưng toàn thân  
lạnh giá như băng. Lòng trắc-ân  
thúc đẩy tôi, không cho tôi nỡ  
bỏ qua, và để mặc hắn với số-  
phận của hắn. Hắn còn sống mà!  
Tôi bèn sóc hắn dậy và đặt hắn  
nằm bằng-phẳng trên làn rơm,  
rồi tôi cời chiếc áo phủ ngoài của  
tôi ra, và đắp lên người hắn. Hốt  
nhiên, hắn rên-rỉ nói: « Có phải...  
anh mới vào đây... đấy, phải  
không?... » Hắn chỉ thốt ra có  
câu hỏi đó thôi, đoạn, hắn nhắm  
mắt lại, ngủ thiếp đi một cách  
an-tường.

Tôi cũng chẳng hé răng đáp lời  
hắn và tôi lại ngồi tựa vào bức  
tường, chính ngay cái chỗ của  
hắn, hồi nãy.

Thế rồi, dần dần, mũi tôi quen

vô mùi hôi-thúi, nhưng, khí lạnh ở dưới đất bốc lên, luồn vào xương sống tôi và cứ thế, lan dần ra khắp người tôi. Tôi có cảm-giác là tôi sắp sửa bị chết cồng đến nơi chứ chẳng không !

Trời ơi ! cái áo ngự-hàn kia của tôi, tôi bỗng thấy, tôi cần nó quá ; nếu tôi không mau mau lột nó ở thân người đó lại, mà đem nó đắp cho chính tôi, thì thề nào tôi cũng phải chết, vì giá-lạnh !

Nhưng, tôi vẫn không hề nhúc-nhích. Mỗi sau, tôi ghé xuống lỗ mũi hần, để xem, xem hần có còn thờ đều, hay không ? Lúc ấy, tôi cơ hồ như mong đợi cho hần tắt thờ, hần chết quách đi, để tôi có thể lấy lại chiếc áo ấm của tôi. Nhất-định, nếu hần chết, tôi có đặc-quyền lột lấy chiếc áo phủ của tôi, chứ !

Đây, quả là một phiên thử thách, một cái kinh nghiệm, đối với lương-tâm và lòng trắc-ân của tôi. Cái áo ngự-hàn ấy thuộc quyền sở hữu của tôi, kia mà, tại sao, tôi lại đem nó đắp lên mình kẻ kia ? Đã thế, hiện thời, tôi bị rét cồng đến cực-điểm, mà tôi vẫn không chịu lấy lại chiếc áo của tôi. Tôi không dám tin rằng, tôi có một linh-hồn cao-quý và lương-thiện, vì, vừa đây, tôi chẳng mong đợi cho kẻ kia chết tốt đi, là gì ?

Có một điều cực-kỳ éo-le, là hần chẳng hề chết nghéo đi cho, hần được cái áo ngự-hàn ấm-áp của tôi, hần đương đánh một giấc ngủ vô cùng yên-ôn ngon-lành !

Cái tâm-trạng của tôi trong lúc này, thật là khó liểu-giải. Tôi thấy hần ngủ ngon, tôi không đành tâm lột cái áo ấm kia mà làm cho hần kinh-tĩnh ; tôi lại không muốn chịu chết cồng, để cho hần chiếm chiếc áo của tôi, và tôi lại mong cho hần chết.

Một đấng khác, tại sao tôi không tố-cáo La-hình-Lụy với quan quân Nhật, để họ rõ ngay chỗ trọ của hần, vì, tôi còn lạ gì nữa, La-hình-Lụy đương ẩn-náu ở nhà Đình-mỵ-Quyền. Ừ, đã vậy sao tôi lại không nói ra ngay, có phải, tôi tức khặc được thả ra, không còn hồ-nghĩ gì cả. Nghĩ cũng thiệt là kỳ-quái ! Cứ cùng - chiêu phát đi, có phải, khỏi bị giam - cầm, tù hãm không ? Sao tôi lại chịu như vậy kia ? Mà, tôi tự vấn-tâm, có lẽ cũng chẳng phải hành-động của tôi do cái bản-ngã cao-quý của tôi, hoặc do lòng yêu-nước chân-thành của tôi. Nếu quả như vậy, thì sao tôi lại cứ cho cái việc tôi bị bắt bớ này là một nỗi oan-khuất, vì lẽ ra, tôi phải lấy thế làm một cái vinh-dự, mới phải chứ. Nếu quả như vậy, thì sao tôi lại cứ mong cho La-hình-Lụy bị bắt luôn đi, trong khi tôi ngồi ở chốn ngục tối này. Biết đâu, hần bị thộp ngục, thì sáng sớm mai, người ta sẽ thả tôi ra. Thiệt tình, tôi chỉ mong hần bị quân Nhật cầm-tróc nhưng, tự tôi cáo-giác hần, thì không đời nào, tôi làm như vậy, cũng y như tôi ước-ao cái gã nằm ở dưới chân tôi kia, chết ngoẻo đi, và hần chết, không phải

tại tôi lột cái áo ấm, hần đương đắp.

Nếu La-hình-Lụy bị bắt, và nhân thế, quân Nhật tha tôi, có phải nghiêm-nhiên tôi trở thành một người anh-hùng-trung-đũng không ? Hoặc giả, cái gã nằm co kia, tự hần, thả ra hơi thở cuối cùng, có phải tôi sẽ đàng-hoàng trở thành một thiện nhân mà không phải chịu rét khổ nữa. Đó, cái tâm-lý vụ-kỷ đáng si của những kẻ có một tâm hồn yếu-đuối trước sự khổ ải, là thế đó.

Tôi có ngờ đâu, cái nguyên-nhân của ngần ấy sự tủi-hờ, sự trái-ngược, là do sự ám-đạm mà ra cả. Nguyên-do, cái luồng ánh-sáng mờ-ào của chiếc đèn gắn trên trần, đã ra sức phẫn-đấu, để cố lọt qua cái lán lưới sắt bọc ở ngoài cái phẫn, nhưng, tro bụi đã bám dày đặc, cho đến nỗi, mấy tia sáng đó ngấp ngoài, như hơi thở của một kẻ bị người ta chặn lấy cổ họng. Tôi chăm - chú để mắt nhìn mãi cái ánh đèn yếu-ớt đó, rồi bỗng tôi liên - tưởng tới cái tối hôm mà Mỵ-Quyền cùng tôi, chúng tôi sánh vai nhau, ngồi trên thảm cỏ non, dưới ánh trăng lu-mờ. Trời giá lạnh thấu xương, mà đêm đã khuya lắm. Tôi mới cởi áo phủ ngoài, hai tay âu-yếm khoác lên vai người yêu, trong khi tôi bị rét run lên ; nhưng tôi cố giữ một thái-độ thản-nhiên, mạnh bạo, không coi sự nghiêm-hàn vào đâu cả, và tôi, lòng tự nhủ lòng, mình phải là người đứng ra, chịu đựng tất cả những

tai-tương, khổ nạn, để che chở cho nàng, thì mình mới đáng mặt là mình !

Nhưng, hốt-nhiên tôi lại nghĩ : ừ, mình tự đem thân ra làm cái bình-phong để cứu giúp họ, liệu ai là người biết công cho mình ? Không, chẳng việc gì mà mình phải thí-thân mình, để làm một việc mà họ có đòi xin ở mình đâu ! Không, tôi nhất-định đem cái địa-chỉ của La hình Lụy, tố-cáo với quân-nhân Nhật-bản. Tôi phải thu-hồi lại sự tự-do của tôi chứ.

Với cái đà suy tưởng đó, tôi có thề, tức-khắc lột lại, cái áo ấm của tôi.

Nhân đây, tôi để mắt nhìn, gã ta đang nằm sóng-sượt ở kia, ôi bỗng phát giác ra bức cửa sổ ở trên tường, có sáu thanh sắt làm chần-song ; mấy cái chần-song này lộ ra được, là vì, ngoài kia, trời đã bắt đầu lờ mờ sáng. Thì ra, tôi đã nhường cái áo của tôi cho gã, suốt cả một đêm trường lạnh giá. Bây giờ, trời đã sáng rõ, tôi phải thu-hồi tấm áo của tôi. Nhưng không, tôi phải nán chờ để cho sáng thiệt tỏ cho tất cả mọi người ở đây, nhận thấy rõ ràng, tôi đã sẽ cái áo của tôi, để cứu sống gã chết cồng, còn sống năm kia.

Cái đám người nằm ngồn-ngang kia cộng có bảy kẻ, có vẻ học-sinh, vào lối mười sáu, mười bảy gì đó, họ nằm co-quắp và ôm chặt lấy nhau, mà ngủ, ở về phía

nữ một kẻ khác, bận áo dài thâm, hai tay ôm đầu, nằm dúc vào chân hai cậu học-sinh kia nên tôi không trông được rõ khuôn mặt của hắn; bên đó, một gã thanh-niên có vẻ thô-khếch đương ngáy o, o; ngoài ra, có hai người bận đồ âu-tây, một nằm nghiêng, đầu đội mũ dạ nhưng, kéo úp lấy mặt; một nằm ngửa, hai chân ghéch lên bờ tường, mặt chòm khăn tay; chân hắn co lại và đứng nhằm chân vách, nên hắn không sao duỗi ra được, mà cứ nằm yên, chịu phép, vì hắn đã tỉnh giấc rồi. Tôi muốn nói vài lời với người này, nhưng, lúc ấy, trong phòng-giam, quá đổi yên-lặng, nếu tôi nói lên, nhất định cả bọn sẽ bất-bình, nên tôi chẳng dám hé răng.

Trên cửa sổ, trời đã sáng tỏ.

Bỗng, tám cửa sắt được mở toang ra, tiếng lô-xô ở ngoài vọng vào. Hình như có ba bốn người ở ngoài ấy, nhưng, chỉ có hai tên bước vào. Họ toàn là người Tàu cả, và mình bận áo cộc, đầu mang mũ dạ. Một trong hai người đó, liếc nhìn tôi, nhưng chỉ lướt mắt qua thôi, và lại quay đi ngay. Họ lấy chân đá vào hai người bận âu trang mà quát:

— « Đi dậy! Đi dậy, mau lên! »

Hai người bận âu-trang lồm-còm bò dậy. Thế rồi mỗi người bị một tên ngục-tốt, nắm cổ áo, lôi ra khỏi phòng giam.

Cánh cửa sắt lại bị đóng sập lại.

Trong khi ấy, tất cả người trong phòng đều đã ngồi cả lên. Chẳng ai thốt ra một lời nào. Hình như, tất cả, họ đang chờ đợi một cái gì sắp xảy ra. Tôi lắng nghe thấy rõ, tiếng giầy nện xuống mặt đất, mỗi lúc, một xa dần. Tôi dương mặt, nhìn vào mặt mỗi người, và tôi cứ yên trí rằng, họ sẽ nhận ra tôi, cái người mới vào đây, tối hôm qua; nhưng quái lạ, họ chẳng mảy may tỏ vẻ kinh-dị hay hiểu-kỳ, mà trái lại, họ làm như họ không hề trông thấy tôi, cái kẻ mới mặt nhất đấy.

Chỉ một thoáng sau, tôi vừa định mở miệng ra nói, thì, bỗng, ở bên ngoài vọng vào: « Đoàng! đoàng! »

Đó là tiếng súng nổ. Tôi cứ yên-trí rằng: nhất định, hai gã bận âu-phục kia đã vừa bị xử-quyết rồi!

Cả ngàn ấy con người coi có vẻ như tình tự của họ vừa được cởi mở. Còn hai gã học-sinh thì kính-hoàng, nhìn nhau không chớp mắt.

Cái gã thanh niên thô-tráng kia, trừng mắt một cái rồi nhò ra một bãi nước bọt, đoạn vật mình, nằm quay ra đất.

Người bận áo chùng thâm, thờ dài một cái, như kẻ muốn thờ hát ả. Đầu tóc của hắn đã khá dài, thân hình hắn gầy nhom. Hắn lồm-còm bò dậy, rồi ngồi tựa vào bờ tường.

Còn cái gã bận áo ngự hàn của tôi, gã ta chẳng tỏ vẻ gì hết, gã giơ tay kéo chiếc áo, chồm lên, che lấy đầu, rồi cũng nằm quay ra, ngủ.

Tôi vừa định bảo cho gã mấy lời về cái cử-chỉ vô-lễ của gã, thì, ở bên ngoài lại dội vào một loạt tiếng súng:

« Đoàng! Đoàng! Đoàng! »

Tôi tỏ vẻ hoảng sợ.

Cái người bận áo chùng thâm, đương ngồi dựa chân vào tường, bỗng, bảo tôi:

— « Anh là người mới vào đây, phải không? »

Tôi gật đầu.

Người đó nói tiếp:

— « Ó, ờ, nghe quen rồi, thì cũng chẳng có gì lạ cả đâu! »

Tôi lặng thinh. Ở ngoài lại có tiếng nổ « đoàng! đoàng! đoàng » vọng vào. Nhất định lại là tiếng súng chứ chẳng sai.

Thế rồi, tiếng nổ đò hồi, liên-tiếp, dồn-dập, không ngớt nữa. Tôi đắm hoảng sợ.

Người bận áo dài thâm cất tiếng bảo tôi: — Ó! cái anh này thế mà nhất gan hơn cả đôi trùng-học-sinh kia!... anh không nhớ

rằng, hôm nay là mừng một đầu năm mới, hay sao? Có dễ, anh chưa bao giờ nghe thấy tiếng pháo nổ, hay sao? »

Tôi trừng mắt, nhìn người đó với một vẻ thần-nhiên, rồi tôi tựa lưng vào tường, ngồi ngửa người ra. Lúc ấy, tôi có thể lấy chân đẩy mạnh cái gã bận áo của tôi, lùi ra đề lấy chỗ, nhưng gã ta chẳng nhúc-nhích, cựa quậy.

Bỗng, cửa sắt lại được mở bung ra.

Ở ngoài, họ đùn vào, một thùng nước và một thùng com.

Cái anh thanh-niên thô-tráng, hình như đã dự-cảm từ trước, nên anh ta ngồi vọt dậy, rồi cùng với những người kia, chạy ừa ra. Họ kéo nhau, vây quanh lấy hai chiếc thùng.

Tôi ngoái nhìn thấy những tàu rửa muối mặn, đặt lên trên đồng com, không khác gì những thỏi than đen sì-sì. Tôi ngồi yên, chẳng buồn động cựa.

Cái gã nằm bên tôi, bỗng như có lò-so giựt mạnh hẳn đứng phắt lên, đi lấy com ăn. Tôi liền giơ tay, vội-vàng thu hồi lấy tám áo của tôi.

(Còn nữa)

## \* NÀNG VÀ CHÀNG

Một anh nọ thuật với mấy người bạn:

— Tôi hôm đó, tao đi chơi về khuya, sợ vợ rầy, tay xách giầy, tay mở cửa, tao đi nhón gót nhẹ nhẹ vào phòng. Nhưng rúii quá con vợ thức giầy nhưng còn say ngủ nó hỏi:

— Ai đó, phải mầy không Nhện (tên con chó).

Anh nọ thuật tiếp:

— Quái quá, nêe tao bò xuống liếm tay vợ tao như con chó vậy. Nhờ vậy mà vợ tao ngủ yên, không biết gì hết.

H. P.

# SÂN KHẤU CẢI-LƯƠNG

## ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Tiếp theo P. T. số 4)

### IV. — Ông Tô Cải-lương là ai ?



ANH rằng cậu Hai Hiền vốn người giỏi võ, mới lập ra gánh hát xiệc « Thái Anh Tinh » và trên sân khấu hát xiệc lại có phụ họa. Ca ra bộ hay Ca tài tử để làm đà cho phong trào cải lương miền Nam phát triển, nhưng Cậu Hai Hiền cũng chưa phải là Ông Tô Cải Lương.

Cậu Hai Hiền chỉ có thể được là Ông Tô Sân Khấu vì ông có sáng kiến bày ra màn tài tử, chùng vài ba chậu kiêu làm cảnh, để vài ba cái ghế cho nhạc công ngồi, còn tài tử thì đứng ca để dễ bề ra bộ cho hợp với lời.

Ông Tô Cải Lương thật sự chính là :

Ông Phó Mười Hai là người

thế nào ? Ở đâu ? Nếu cô người bảo phong trào cải lương phát nguồn ở Bạc-liêu thì thật không đúng. Bạc-liêu chỉ là nơi nhạc sĩ SÁU LẬU sản xuất bản nhạc VỌNG CỔ còn ông tổ ca lương — ÔNG PHÓ MƯỜI HAI — là người sanh trưởng ở Vĩnh-long, cùng một quê hương với BÀ BẦY NGỌC tức BẦY VĨNH LONG, kịch sĩ DUY LÂN, hai cô Ngọc Xương, Thanh Tăng v... v...

Là một nhà danh gia vọng tộc ở bến Long Hồ (tức Vĩnh long) rất ham mê đàn ca, chiêu chiêu ông Phó Mười Hai cho mời những nhà tài mât trong tỉnh

như Ông Kinh Lịch Trần văn Hườn, đệ nhất danh cầm cổ điển Việt Nam (đến bây giờ

anh TỬ CHƠI tức Huỳnh thủ Trung còn kính phục, thường nhắc nhở), ông Trần-Chí-Giang tức trưởng tòa Giang, ông Giáo Sư Nguyễn-văn-Hạnh v... v... thường hẹn đến nhà, vừa uống rượu đánh cờ, vừa ngâm thơ vịnh nguyệt, nhưng chánh

### Bài của NGUYỄN-ANG-CA

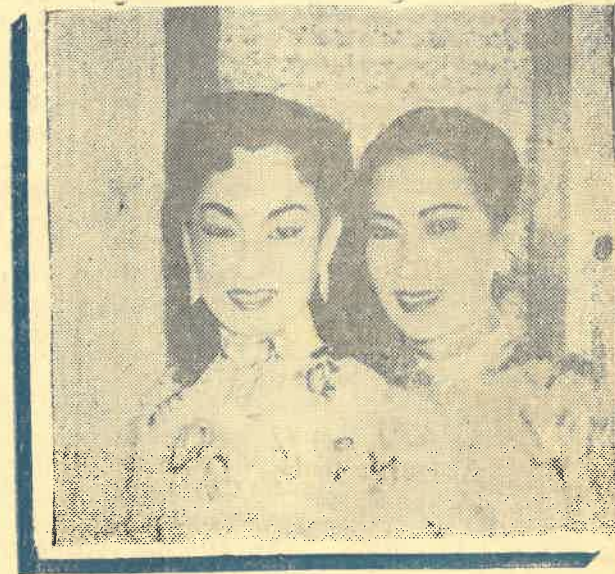
yếu vốn là đờn ca. Vì uống rượu say hay nói bậy, đánh cờ hoài chán chết, hứng thơ cũng lảm lức cạn nguồn, chớ còn đờn ca thì càng lúc càng ham, chơi hoài không biết chán, đã không chán mà còn mê nữa là khác.

Một người ca hoài không vui, ông PHÓ MƯỜI HAI có sáng kiến

nào, nên ta chẳng lấy làm lạ lần khi thấy ông PHÓ MƯỜI HAI đem bài « Nguyệt Nga Bồi Kiệm » (theo bản TỬ ĐÀI) ra để thử thách lối hát mới mẻ nhất : CA-RA BỘ.

Đây ta thử xem :

Bài Ông ngồi tréo ngoài vười rầu, Bài-Kiệm từ ngoài khúm núm được vào, cuối đầu xá cha



Cô KIM-LAN và KIM-CÚC là hai cô đẹp nhất của sân khấu Cải-lương

MIỆNG CA mà TAY PHẢI RA BỘ rồi sau rốt phải CÓ MÀU MÈ ĐIỀN TẢ thế nào cho hợp với đờn và lời ca. Ông Phó Mười Hai mới phân vai, kể ca đoạn BÙI ÔNG, người ca đoạn BÙI KIỆM. Thời ấy là thời kỳ bản « TỬ ĐÀI » rất được dân chúng hoan nghinh như 6 câu vọng cổ độ

già rồi cất tiếng :

— Dạ thưa cha con thì rớt trở về... (Bùi Ông xoay qua vừa ra bộ vừa ca :)

— Bài Ông mắng nghiệt nháng trẻ (Bùi Ông dẫn giọng mắng con)

— Trách sao mầy, mầy ham hề vui chơi



(Bài Kiệm mới cuối xuống lay  
cha, làm bộ mếu máo, bỏ nhỏ):  
— Dạ thưa cha, tài bất thắng  
thời...

Dầu cái con nào cho bằng công  
danh

Cái tuổi con còn xuân xanh,  
Cái ơn cha mẹ con chưa đáp đền...

★

Đó, từ lời ca suông, ông PHỐ  
MƯỜI HAI hiệp cùng các thân-  
hữu ở Vĩnh Long đã khai sanh ra  
lối vừa ca vừa ra bộ.

Lối CA RA BỘ đi lần đến lối  
hát cải lương nhưng ngày nay,  
nực cười thay, trong giới nghệ  
sĩ cải lương, trừ một vài nghệ sĩ  
tri thức hoặc quê quán ở Vĩnh  
Long, còn ra thì ít ai hiểu rõ  
Ông tổ nghề hát của mình là  
ai, mặc dầu hằng năm ca kịch  
giới xứ này có tục lệ cúng  
THÀNH-TỔ thật lớn lao long  
trọng.

Soạn-giả kiêm kịch sĩ khét  
tiếng Huỳnh-thủ-Trung tức Tư  
Chơi đã nói với tôi một lời  
«đau túi» như vậy:

— Có nhiều anh em cải-lương  
tại thờ Ông Tổ Hát Bộ và cũng  
có nhiều anh chị em lại tưởng  
Ông Tổ của mình ở bên... TÁU!

## ★ CHỖN GIẤY ĐIỆN THOẠI

2 người điện đứng xem cách đặt máy điện thoại ở dưới đất.

Người thứ 1 nói:

— Chỗn mấy sợi giấy đó coi bộ khó nhọc quá!

Người thứ 2 nói:

— Rồi không biết khi chỗn những cột đề đặt giấy sẽ khó đến  
bực nào he!

Chúng tôi ao ước Hội Nghệ  
sĩ ái hữu tương tế nên tổ chức  
nhiều cuộc nói chuyện, diễn giả  
sẽ là CÔ BẢY PHÙNG-HÁ hay  
quí anh Năm Châu, Năm Nữ,  
Duy Lân....., thì chắc chắn  
rằng ĐỜI SỐNG TINH THẦN  
của giới nghệ sĩ sẽ cải thiện.  
Nhất là nhờ những cuộc gặp  
gỡ sinh hoạt ấy, thân tình nghệ  
sĩ càng thắt chặt mà anh chị em  
còn có dịp trao đổi ý kiến, tư  
tưởng, để học hỏi lẫn nhau  
những điều hay lẽ phải.

★

Ở đoạn trên, chúng tôi đã đưa  
các bạn sống lùi lại dĩ vãng tìm  
biết:

a) Vì đâu có 'lối hát cải lương'?

b) Tác giả những bài cô nhạc  
OÀN, BẮC, XUÂN, AI là người  
nào?

c) Ai đưa lối CA RA BỘ lên  
sân khấu?

d) Ai có sáng kiến bày ra  
lối CA RA BỘ?

Và bây giờ, chắc qui bạn đều  
đã biết: Ông PHỐ MƯỜI HAI ở  
Vĩnh Long chính là Ông Tổ Cải  
LƯƠNG rồi!

(Còn tiếp)

# TÔI LÀM PHIM

## THÁI THỨC ĐIỂN

(Xem P. T. từ số 1)

- ★ BỀ THẨM.
- ★ BÍ-QUYẾT BÁC THỢ  
QUAY.



Ề thẩm không đồng  
đều, sau bình-diện  
lý - tưởng, nghĩa  
là trong khoảng  
không - gian từ  
đường quang - tâm  
đi đến vô-cực các vật-kiện đều  
rõ hơn các vật-kiện nằm trong  
khoảng không gian từ đường  
quang-tâm đến ống-kính. Cho  
nên khi «mi» phải «mi» trước  
chủ-đề độ 2 phần tây. Cách  
«mi» sẽ đề-cập trong một số-sau.

Ví dụ cho dễ hiểu: Ống kính  
16 ly tiêu cự 25 ly.

Điều-tiết: Mở: 2 mi 1t50. Kết-  
quả rõ từ 1t34 đến 1t70.

Ống kính 8 ly, tiêu cự 12 ly rưỡi

Điều-tiết: Mở: 2 Mi 1t50. Kết-  
quả rõ từ 1t01 đến 2t87.

Do đó bạn kết-luận, tiêu-cự  
ngắn chừng nào thì bề thẩm càng  
sâu hơn bấy nhiêu. Và trong các  
«ống-kính đại-giác» bề thẩm  
sâu hơn các ống kính khác và



trong khi dùng các ống-kính  
«tiểu-giác» phải đề-ý độ cho  
đúng khoảng cách giữa chủ-đề  
và ống-kính.

Ngoài ra một chiếc nhãn thứ  
hai trên có ghi bằng phít (feets)  
hoặc bằng mét (mètres) để điều-  
tiết chiếc ống-kính, tôi lui đem  
điểm quang-tâm đúng vào mặt  
phim tùy theo quảng-cách giữa  
ống-kính và chủ-đề.

Những con số được ghi bằng  
thước tuy nhà sản-xuất ống-kính,  
đại-đề: 0,50 cm 1 t .. 2 t .. 10 th  
(∞) vô-cực. Các ống-kính Anh,  
Mỹ thường ghi bằng inches: (")  
1 inch là 25cm. Ví-dụ: 2" =  
50 cm.

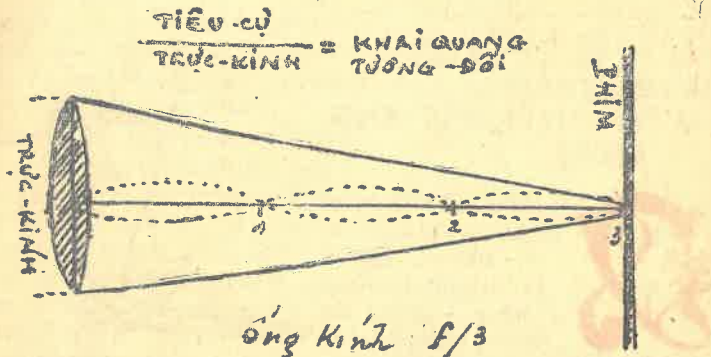
Trên mỗi chiếc ống kính bạn

còn thấy 3 thứ chữ số nữa, bạn thấy một chữ I hay chữ F tùy theo ống-kính đo Pháp, Đức hay Anh, Mỹ sản-xuất. Một con số thứ nhì luôn luôn có chữ F đứng đầu, rồi đến dấu (=) theo sau I và con số và cm hay mm.

Ví dụ: I: 2,8 — F = 2 cm hay là

$$F/1.9 - F = 13 \text{ mm.}$$

Các con số và chữ này rất quan-hệ. Có thể nói hai hệ-số ấy là tên và họ của chiếc ống-kính. Đó là tỷ-số giữa tiêu-cự và trực-kính của ống-kính. Tỷ-số ấy thường gọi là: « Khai-quang tương đối » (Relative aperture).



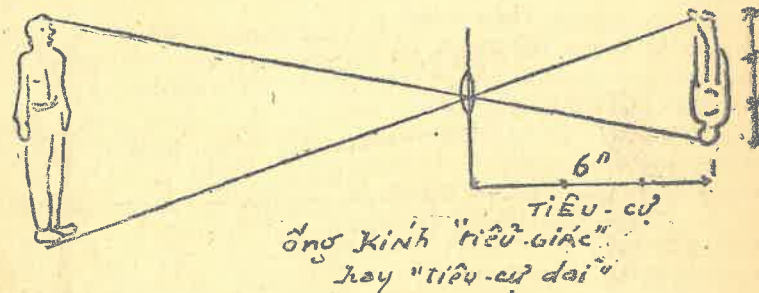
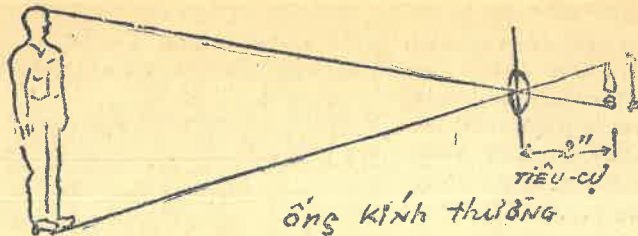
Tiêu-cự là cái gì? Ví dụ: Ống-kính được điều-tiết vào con số vô-cực ( $\infty$ ) hình-ảnh theo định-huật quang-học, hình-ảnh của một vật-khiến ở xa hiện lên trên mặt phim rất rõ, cái quang cách từ phim (hay bất cứ một bình-diện nào đặt đúng vào quang-tâm) đến bình-diện con người của ống kính gọi là tiêu-cự (Focale).

Khai-quang tương-đối là một số-lượng thu-hút ánh-sáng của ống-kính. Khai-quang tương đối không thể đo được như tiêu-cự, chỉ tính ra thôi. Ví dụ: Trực-kính của ống-kính là 23,5 mm và tiêu-cự là 150 mm, thì khai-quang tương-đối sẽ là 150mm: 23,5 = 6,3. Người ta viết F=6.3

hay I: 6,3. Thường bạn nghe nói ống kính 1.5 sáng hơn 3.5, 3.5 sáng hơn 6.3 v...v... Bạn thử tưởng tượng một căn phòng, chiếc cửa sổ nhỏ thì căn phòng tối nếu chiếc cửa sổ lớn thì căn phòng sáng hơn.

Khai-quang tương-đối đi đôi với con số điều-tiết lớn nhất của ống-kính. Ví dụ: ống kính F: 1.5 thì có thể điều-tiết đến 1.5 (chữ 1.5 có ghi trên chiếc nhãn liên-quan đến « con người »).

Các ống kính « đại-giác », « trung-giác » và « tiêu-giác » còn có thể gọi là ống-kính « tiêu-cự cự », « tiêu-cự thông-thường » và « tiêu-cự dài ».



Dưới đây là bản đối-chiều hai thứ ống-kính Đức-Quốc và Mỹ-Quốc để bạn có một ý-niệm về sức sáng của hai thứ kính ấy:

ỐNG KÍNH MỸ :	1	1.4	2	2.8	4	5.6	8	11	16	22
ĐỘ SÁNG :	1	2	4	8	16	32	64	128	256	512
ỐNG KÍNH ĐỨC :	1.3	1.6	2.2	3.2	4.5	6.3	9	12.5	18	25

### ★ BÍ QUYẾT CỦA BÁC THỢ QUAY

Bây giờ bạn cùng tôi thử giờ cầm-nâng của bác thợ-quay xem có gì lạ. Đây, cuốn sách bìa da bác thường đặt vào túi trong, lật xem nhanh không bác ta trở lui, khó-chịu lắm đấy. Bạn cùng tôi thử đọc xem:

— Tối quan-hệ: MI — MỎ — ANH-SÁNG.

MI: nhớ bề thâm của mỗi ống kính.

MỎ: cố làm sao mở cho nhỏ. ANH-SÁNG: Cần lấy số nhỏ gần nhất! (là cái quái gì?)

Đọc kỹ lời chỉ dẫn đính theo mỗi chiếc máy, phim v...v...

Biết nhia: cảnh đẹp ở ngoài chưa chắc đã đẹp khi lấy vào phim.

GÓC ẢNH...

MẤT ẢNH SÁNG! 30%... Kia ông ta đã vào.....

Bạn chắc chắc mắc chỗ Án-sáng: có câu: « cần lấy số nhỏ gần nhất ». Bạn có lý vì tôi chưa nói đến cái « thước đo ánh-sáng » tiếng Pháp gọi là posemètre. Posemètre có rất nhiều thứ: Cellophot, Réalt, L.M.T., Norwood, Weston v... v...

Thường các tay thợ thích xài thước đo Weston hay Norwood.

Bạn chắc cũng đã thấy ít nhất một chiếc thước đo ánh-sáng. Đó là một chiếc hộp nhỏ bằng góí thuớc lá, bình thuận (Weston) hay đầu xoay được (Norwood) bằng bakelit hay nhôm chứa đựng một tế-bào điện-ánh quang chỉ-huy một chiếc kim cử-động trên một mặt bán nguyệt hay tròn có ghi: số-lượng ánh-sáng, phim-đỏ, (màu hay đen-trắng) tỷ-trọng tối-đa hay tối thiểu của « con người », tốc-độ phải dùng v... v...

Bạn chỉ có việc xoay cái « cửa-sổ » của thước đo-hướng về chủ-đề. Bạn đọc con số phải mở, 2, 4, 5, 6 chẳng hạn. Bạn mở theo con số ấy.

Nhưng bạn cần phải đo đi, đo lại bốn năm lần cho chắc chắn. 1 lần đo vào chỗ nào tối nhất, 1 lần đo chỗ nào sáng nhất, bạn thử cộng hai con số ấy và chia hai, nhưng phải xem thử nhiều chỗ tối hay nhiều chỗ sáng, để chọn lấy con số thích hợp. Nếu làm chỗ tối, thì bạn mở thêm « con người », nếu làm chỗ sáng thì bạn đóng bớt lại, thét dùng lâu quen, không có gì khó cả.

Nhưng nếu bạn nghi-ngại thì nên lấy con số nào ít hơn hết. (trừ trường hợp bạn dùng phim inversible).

Nhưng có nhiều lúc bạn không thể đến gần đề-đo, như khi ở Đalat chẳng hạn. Bạn đứng bên sườn núi này mà muốn chụp sườn núi bên kia v. v... bạn nên làm như cách trên và cái con số trung-bình phải thêm lên 1 phần 1/2. Ví dụ con số trung bình là 8, bạn phải thêm 1.5 nghĩa là bạn phải mở 11.5.

Nếu bạn chụp trong phim trường thì bạn phải đi đến cạnh chủ-đề, (nghĩa là tái-từ) và đo lần-lượt: mắt, chân, tay, áo-quần, ghế ngồi. Rồi lấy con số trung-bình. Tuy nhiên bạn ghi-chép số đèn dùng sức sáng (2.000 vôn. 5.000 vôn v.v...) quảng cách từ đèn đến chủ-đề để lấy kinh-nghiệm. Thường thước đo ánh-sáng đèn lại có một hệ-thống số khác và có một chiếc nút bấm dính theo nơi thước đo dùng để đổi qua mặt khác. Trước khi xài, một thước đo ánh sáng bạn nên thử trước nó đi. Cách thử không có gì khó. Lắp phim rồi chụp theo con số mở, đo thước đo chỉ.

1/ Chụp với số « con người » nhỏ hơn thước đo chỉ.

2/ Chụp với số « con người » đúng như thước đo chỉ.

3/ Chụp với số « con người » lớn hơn thước đo chỉ.

Ba đoạn ấy chụp xong đem đi rửa và bạn có thể định-đoạt

« thái-độ » của bạn đối với món dụng-cụ tối cần ấy.

Trong khi đó có hai thứ ánh-sáng, 1 thứ phản-ánh nghĩa là ánh-sáng chạm vào chủ-đề rồi bị dội trở lại và 1 thứ ánh-sáng thật-sự.

Các thước đo xưa chỉ đo phản-ảnh, như vậy phải đo hai balần, chỗ nào tối nhất và chỗ nào sáng-nhất rồi lấy con số trung bình. Các thước đo ngày nay (Norwood) đo ánh-sáng thật-sự. Muốn đo cách này phải dùng cạnh chủ-đề, hay trước một luồng ánh-sáng tương-đương. Song đo như vậy rất bất-tiện. Nhưng bạn chỉ phải đo có một lần là có con số trung-bình, khỏi phải làm toán nhảm?

Còn một điếm nữa mà bạn chắc-mắc là cầm-nang đã ghi: Mất ánh-sáng 30%.

Đây là một câu vấn-tắc có ý nhắc rằng: ống-kính cung-thâu-hút ít nhất là 30% ánh-sáng xuyên qua nó vì ống kính gồm có nhiều tụ-kính lan lại, tia sáng đụng vào mặt tụ-kính phản-chiếu, tỏa tứ-tung mất một ít ánh-sáng. Cho nên khi chụp phải nhớ bớt từ 30 đến 50% của một phan con số trung-bình. Ví-dụ: sau khi đo, thêm, bớt, lấy số trung-bình xong, bạn thấy 8, bạn phải mở số 6.3 hay 5.6 cho chắc ăn. Nhưng (sao mà làm ngược chủ-đề) coi chừng khi bạn chụp hình « Đại » và dùng ống kính tiêu-giác thì phải làm ngược lại, nghĩa là thêm vô từ 30 đến 50%. (kinh nghiệm riêng).

(Còn nữa)

\* Quốc-gia nào cũng cần những bàn tay đen dúa và nhiều lương tâm trong trắng.

\* Ai hay ngờ vực, tức là làm cho kẻ khác phản bội mình.

VOLTALRE

\* Trong đời điều trọng hơn sự thỏa-thích về vật-chất, trọng hơn tiền của, hơn cả sức khỏe, ấy là sự tận tụy với khoa-học.

A. THIERRY

### \* AI CŨNG NGHÈO !

Ở trường thầy giáo cho 1 bài luận văn tựa đề : tả một gia đình nghèo. Có con gái của một nhà tỷ phú sản-xuất phim, miệng cần cán viết, sau khi suy nghĩ độ 15 phút liền viết những dòng như sau : « Hồi xưa có một gia đình nghèo, người mẹ thì nghèo, người cha cũng nghèo, mấy đứa con cũng nghèo, người tài-xế cũng nghèo, chị bếp cũng nghèo, chị bồi phòng cũng nghèo, và người làm vườn cũng nghèo.

Có con gái nhà tỷ phú kết luận : « Trong gia đình đó ai cũng đều nghèo »!

HẢI PHƯƠNG

# ĐOÀN TRỌNG THU

LÂM-VỊ-THỦY



MỘT nhà thơ thời phong kiến bên trời Tây: **Bertrand de Born** — người ngâm thơ rong rất nổi tiếng hồi thế

kỷ XII đã viết:

« Tôi mến yêu biết bao khi người và những đàn súc vật chạy trốn trước các chiến sĩ đang phi ngựa ào ào... Ăn, uống và ngủ cũng không thể làm tôi sợ hãi bằng trông thấy những thân hình bị gươm giáo xuyên qua. »

Những lời thơ trên, chỉ có thể rung cảm được một số các ông lãnh chúa, ngoài ra, sự thật, không bao giờ làm hài lòng ai cả. Vì họ chỉ là hạng người bó buộc phải «chạy trốn trước các chiến sĩ đang phi ngựa ào ào...» Những con người phong kiến ấy có một loại thi ca riêng hợp với tập quán của họ.

Loại thi ca ấy đã bày tỏ sự khinh thị của lớp người «thượng

lưu» đối với những tầng lớp hèn kém trong xã-hội, không hơn không kém.

Gần đây, một nhà thơ khác, **Paul Eluard**, đã viết:

*Loại người sinh ra để thông cảm với nhau*

*Đề hiểu nhau hơn đề yêu nhau  
Đề có con cái và chúng ta sẽ trở nên những người cha*

*Có những đứa con không nhà không cửa*

*Sẽ tạo tác được ra những người*

*Và cả vũ trụ và cả xứ sở*

*Của tất cả mọi người*  
*Của tất cả mọi thời đại.*

(trích « Sự chết, tình yêu, cuộc sống »)

Hai nguồn cảm thực khác nhau xa, nhưng đều mang một nội dung phong phú. Riêng trong bài thơ thứ hai, sức rung cảm của nó có thể truyền sang được tất cả mọi người, tất cả những ai đang tìm kiếm thiên đàng trên trái đất này. Thiên đàng ấy là

tất cả một cuộc sống sung sướng, tự do ngay trên trái đất mà chúng ta đang sống, và cái « thiên đàng trần gian » ấy chỉ có những người làm việc là đáng sống. Những kẻ ăn không, những kẻ lười biếng, những kẻ chuyên sống dựa vào sức của người khác sẽ không còn tìm được chỗ của họ.

Với quan niệm thi ca như trên, thể hệ thi nhân ngày nay đang cùng nhau tiến bước.

Đoàn Trọng Thu ở trong tầng lớp thi nhân tiến bộ ấy. Thơ của anh đã có những cố gắng đáng khen, tuy sự thoát xác còn ghi lại dấu vết của thời quá khứ rải rác khắp nơi.

Đoàn Trọng Thu, sinh năm 1935 tại làng Đồng Quỳ huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, trong một gia đình rất khá giả.

Các đảng sinh thành mất sớm, Thu và ba em gái sống nương nhờ tình thương của mẹ kế.

Năm sáu năm trước, tôi đã thuộc từng đoạn thơ của Thu, như đã thuộc thơ của những thi sĩ tôi cảm thấy hợp với tâm hồn mình.

Thơ Thu đủ loại, đủ thể. Ở khía cạnh nào anh cũng tỏ ra xuất sắc.

Mười năm lăn lóc trong điều linh của quê hương; với những kỷ niệm, những trạng huống đau lòng, Thơ Thu vì vậy phản ảnh rõ từng hoàn cảnh, giai đoạn. Thân phận, gia đình, là nỗi chua xót đầu tiên:

*Tôi có người em  
Dáng mảnh sắc hồng  
Thơ dẫu đôi mắt suốt cảm hồng  
Rớt nhiều mi lệ mùa ly tán.  
Thủa xưa em yêu hoa bướm  
Tóc đen ngập nắng chiều lên  
Nghe em cười vỡ mái hiên  
Hoa bướm đậu vàng tay nhè bé.  
Yêu thương ngập dưới mái tranh  
Tuổi thơ vượt nhựa chuối ngày lành.*

*Nhưng rồi mẹ chết  
Ngày vui cũng hết  
Âm thầm sưởi ấm lòng nhau  
Em thôi cười và bướm hoa xa lạ  
Mi xanh buồn như sắc lá  
Ngập ngừng nâng quạt hầu anh.  
Em cũng yêu thơ  
Như người anh thân mến  
Tình thương sống trọn kiếp cô liêu.*

*Nhưng núi sông sóng gió nổi lên nhiều*

*Tôi ái ngại rời em  
Ra đi tìm ánh sáng.  
Em ở lại vui cùng đồng áng  
Nhấn nhọc từng mùa lúa  
Tiền gửi nuôi anh.  
Tôi đứng bên đây  
Hương về nơi triu mến  
Từng mái tranh lịm niềm uất ghen*

*Mấy thân cây chồi với mảnh thời gian  
Trông ấy em tôi sống với dân làng  
Cam cúi đầu dưới bàn tay bóc lột.*

(trích « Em »)

Rời xứ sở, bằng vài nét, Thu đã phác họa một cảnh nếu là

người Việt, không ai có thể quên được:

Tôi đứng bước nơi sâu tư vô giới  
Đất bên kia đứng lịm gan niềm đau

Muốn đi sang nhưng sông trắng  
Đã lạnh lẽo chia đôi bờ cách biệt.

Hai hàng cây chết im và rũ liệt  
Giò ngân sang mà lá ngại lời ca  
Đứng nơi đây thơ thịch với làn da  
Đều run rẩy như lạc miền tử khí.

Ôi đêm sâu ! ôi đêm sâu huyền bí  
Đắm chìm người trong giấc mộng  
triền miên

Ôi chia lìa ôi hôn oán vô biên  
Mà ai sống những phút giây sáng sớm.

(trích « Đòỉ bờ cách biệt »)  
và dân tộc, Thu đã đưa ra những hình ảnh trong những ngày đen tối. Trong thơ, Thu đã nói nhiều, tôi không cần phải góp lời thêm :

Ai chết đầy hệ kẻ kia ngạo nghễ  
Cười rung trên xương máu xây  
vinh quang

Ai gục đầu mấy thế hệ cầm gan  
Môi rướm máu hệ người vùng  
trời đầy ..

Thầy ngữ xuống như lau sậy  
Hận đứng lên mấy tầng không  
Nhạc vong quốc trời mưng lung  
Thân chó ngựa cúi đầu trong  
phổ chết.

Mãng non lực kiệt  
Hoa dân tộc vất vương  
Nhụy hoa phai, tim chết sống  
Trời nhớp nhơ, hoa tàn hương.  
Mãng ơi hoa ơi, ai xót thương  
Hoa và măng xô vào cõi dốc....

.....

Em ơi nắn vú mẹ  
Sữa có còn đâu em  
Từ ngày héo hắt trong đêm  
Thân mẹ vừa chết mà em bú hoài.

Em khóc hỏi cha đâu ?  
Cha đi cây sấu,  
Giồng cây lúa tốt.  
Nắng mưa thiêu đốt  
Công cha !

Lúa gánh lên riêng.  
Cha em nước mắt rung rung  
Thân em đói khát mạch ngưng  
máu hồng,

Một sớm cha ra đi  
Trên vai dao với súng.  
Cơm áo đầy thôi em  
Năm sau gió nhân lời chim  
Sóng sâu chôn xác cha bên đất thù.  
Kẻ văn nhân đèn sách

Máu xương từ thuở tương lân ấu  
Máu vấy hồn cầm bút mực lạnh  
Ném bút ai sui người bạch diện  
Mà ai nhai sách đầy thời xanh.  
Mẹ già chiều gió tiễn con yểu

Tim ngắt không gian tuổi mẹ chiều  
Con hướng về đầu lòng mẹ tử  
Tình trai dính ước với phiêu lưu.  
Năm sau mẹ tiễn nốt em hai  
Em bước ra đi mẹ thở dài

Thôi nhé con ơi chung huyết mạch  
Súng con nhắm địch nhớ anh trai  
Khỏi mù chiến địa  
Em thấy anh trai  
Máu hoen cây cỏ  
Em nhếch miệng cười :  
« Một tên địch chết... »

(trích « Ai chết »)  
Đây là mẫu người, điển hình cho những người của một thế hệ, những chiến sỹ vô danh: Anh người trai Việt  
Mang trong mình giống máu  
tự cường

Bước chân hoạt động khắp bốn  
phương  
Ờ, thất thế khóa tay vào tù tội...  
Mới trông thấy anh  
Lòng tôi bối rối  
Sao nơi đây cứ thêm mãi người  
lên

Đấy vùng nước độc riêng thiêng  
Có những người dân phải sống  
Sống hy vọng, sống âm thầm nuôi  
chỉ hướng

Đừng nguội, đi máu nóng của  
tuổi xanh.

Đấy trần gian nhưng địa ngục  
Người bày ra để tiêu diệt lẫn  
nhau  
Những cực hình man dã thương  
đau

Đấy nguồn gốc vi trùng trăm  
lặt bệnh  
Đoàn người trọc đầu phát phơ  
áo rách

Đồ mờ hôi gánh củi chửi vai  
Sức sống trút xuống nương khochi  
Người trước chết đi để người sau  
cổ sống

Vì tội đã yêu đời  
Đầy thân cho tù m khổ  
Sống dọa dẫm chua xót nghĩa  
tự do:

(trích « Tưởng Niệm »)

## \* TẮM LẦN THỨ NHẤT

Hiến binh mới dẫn một người tù vào khám. Viên chủ ngục liền bảo người tù hãy « 5 » quần áo ra tắm tắm.

Người ta hỏi :

— Sao ? Tắm à ?

Viên chủ ngục trả lời :

— Ừ ! Bộ hỏi giờ chú mấy chưa tắm lần nào à ?

Nghiêm nét mặt người tù nói :

— Chưa bao giờ tôi tắm cả vì đây là lần thứ nhất tôi bị ở tù !

Thơ Thu.,

vừa đẹp, vừa hùng,  
vừa đau xót. Tôi mượn ý  
Huyền Quang để kết luận về anh :

« Đoàn-Trọng-Thu là một trong những nhà thơ đã ý thức được sứ mạng của lớp thi nhân đương thời. Anh đang tìm một hướng đi lặn trong các tác phẩm. Anh đã cố gắng đào xới cảm xúc để có thể hòa mình vào công cuộc đấu tranh rộng lớn cho tự do, hạnh phúc, bình đẳng của toàn thể nhân dân. Lâu ngày chỉ còn thời thọt trong công trình kiến trúc của anh. Thời kỳ lãng mạn và phong kiến đã hết. Văn nghệ hiện đại, nói chung, thi ca, nói riêng, cần có một nội dung lành mạnh và một cái gì cao đẹp hơn.

Tôi tin rằng Đoàn-Trọng-Thu sẽ thành công. Sự thành công của anh sẽ hòa đồng với nguồn hạnh phúc của nhân dân trong đảo.

Đó là ngày mà mọi người thấy vui với cuộc sống hiện tại, và không còn nghĩ tới chuyện lên trời ».

# KIÊN TRINH

Truyện dài của Cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P. T. số 4)



KỶ LẠI thấy tôi đề cập  
gà Tàu thiếu mập  
ù bèn ngửng cửa  
và đặt lên bàn  
chế giỗ mây đưng  
vài hộp bánh tây  
với đôi rượu cỏ-nhác Mạc-ten  
là thứ thầy vẫn thích dùng trong  
khi đến chơi nhà tôi, liền nhìn  
sửng vào tôi :

— Gì nữa đó ?

Má tôi cười xã giao :

— Có chút đỉnh biếu thầy  
thiếu dùng lấy thảo.

— Ô, chị cho hoài. Mắc công  
cháu nó quá. Lần nào tôi vô  
chơi, thấy nó nấu nướng cực  
nhọc, tôi thương hết sức. Đề rồi  
việc đó tôi sẽ bầm lên quan lớn  
quận, xin ông xuống phước cho  
thằng Khanh nhờ.

— Trăm sự cũng nhờ thầy...

— Phần tôi cố gắng đã đành,  
nhưng quyết định ra sao còn tùy  
quan chủ quận chớ. Nhưng tôi  
thấy là được, miễn chị đừng  
quên ơn trọng của người ta thôi.  
Chị cứ ở nhà tôi, xem nhà tôi  
cũng như nhà chị, chừng chiều  
đầy quan lớn quận hơi rảnh, tôi  
xin phép ông cho chị lên nói khó  
cùng ông.

Má con tôi ở tại nhà thầy Ký  
Lại, tuy vợ chồng thầy ân cần  
niềm nở, nhưng vì mình có tâm  
sự thắc mắc bên lòng nên chỉ  
gắng gượng làm vui để khỏi phải  
mong chờ thời khắc chậm trôi  
qua mà sốt ruột. Vợ Ký Lại có vẻ  
thích tôi, thường gọi chuyện  
hỏi đến những công việc hằng  
ngày và sự giao thiệp của tôi. Khi  
biết tôi không có nhiều bạn bè,  
và nhất là bạn trai, thiếu cười :

— Có đẹp và đảm như thế,  
đưa nào cưới được là có phước  
lắm. Những người con gái tỷ  
như một cái hoa giữa trời, trăm  
ong ngàn bướm vẫn vơ, nếu  
không sớm gặp chủ, hương nhụy  
còn gì ?

Tôi không hiểu vì ý nào thiếu  
Ký nói với tôi những lời lẽ ấy,  
nhưng tôi có nghe nói đến cuộc  
đời truân chuyên của thiếu và  
ngỡ là thiếu có lòng tốt nên  
ngoañh mặt đi và đáp :

— Cháu còn nhỏ, nhà bạn, em  
đông, việc sắp đặt chờ lệnh bề  
trên mà thôi. Anh Ba cháu vắng  
nhà, việc chủ định phải tùy ở  
bà nội.

— Con gái đời nay hiếm có  
mấy đứa nghĩ được như cô vậy.

Trưa hôm ấy, thầy ký đi làm  
về vẫn không nghe nhắc đến việc  
can hệ của anh Ba tôi. Đến mãi  
chiều, thầy báo in một cách  
lạnh nhạt :

— Quan lớn quận mãi bận, tôi  
cố năn-nỉ cho chị nhưng ông  
bảo đề ông suy nghĩ đến mai.

Má con tôi đành ôm lòng chờ,  
khắc khoải và phập phồng như  
người tử tội trông tin phá án.  
Cơm nước xong, vợ chồng Ký  
Lại rủ má con tôi đi dạo chợ  
cho khuấy khỏa.

Chợ quận, về ban đêm, cũng  
không lấy gì nhộn nhịp trừ  
những khi có gánh hát xa đến  
Chung quanh « nhà lồng » nhỏ  
hẹp sáng chọá những ánh đèn  
mãng-xông của đôi giải tiệm tạp  
hóa buôn bán leo heo với các  
quán giải khát, quán mì cháo,  
quán cốm chèn bày ngoài trời  
bên cạnh những hàng quà bánh  
địa phương như bánh canh, bún  
cá, bánh bèo dừa, bánh da  
lợn v.v...

Thiếu Ký dắt chúng tôi đến  
một tiệm nữ trang, chú mũi bên  
ngoài tử kiến, tấm trờ khen  
ngợi các món nữ trang mãi không  
thôi. Ký Lại sốt ruột kéo vợ đi  
và căn nhắc :

— Minh kỳ quá, liệu tiền lương  
của tôi đủ sắm vừa ý mình không  
mà thứ nào cũng ưa ?

Vợ Ký Lại nũng nịu cười tình  
với chồng :

— Đủ hông, chưa chi mình đã  
rên ! Minh ráng o bé quan thầy,

ông tin được rồi, cái gì lại chẳng  
sắm cho vợ được ?

Trên đường về, khi gần đến  
dinh quận, chúng tôi gặp ông  
quận Nhiều đi dạo mát với mấy  
đứa con. Ông chỉ gật đầu, oai  
quyển và hách dịch, trước sự  
cúi đầu cung kính của chúng tôi,  
đoạn hương cặp mắt nghiêm  
khắc hình như có thoảng một  
chút ngạc nhiên vào má con tôi  
rồi lạnh lùng xoay lưng đi về  
cổng quận.

Chúng tôi về nhà Ký Lại. Nhà  
hẹp có một cái giường và một  
bộ ván nhỏ, Ký Lại nhường cho  
má con tôi ngủ chung giường  
với Thiếu Ký, còn thầy với đứa  
con gái nhỏ thì qua nằm bên  
bộ ván.

Ngọn đèn dầu giữa nhà đã tắt.  
Má tôi còn rù rì nói chuyện với  
thiếu Ký, chợt nghe có tiếng  
người kêu nhỏ nhỏ ngoài cửa :

— Thầy Ký, ngủ sớm vậy sao ?

Nơi ván ngựa, Ký Lại ứng  
tiếng hỏi nhanh :

— Ai vậy ?

— Tôi là Năm Quảng, lính hầu  
trong dinh. Quan lớn gọi thầy  
lên để dạy việc.

Ký Lại mang dép bước lẹp  
xep ra mở cửa. Thầy và người  
kêu cửa to nhỏ một lát, đoạn  
nghe Ký Lại nói to lên :

— Ủ được, chú về bầm quan  
lớn là tôi sẽ lên trình bày sau.

Ký Lại bước trở vào nhà, lấy  
chiếc áo khoác lên vai. Thiếu Ký  
vụt hỏi :

— Quan lớn đòi việc gì vào giờ này? Có phải... chuyện của chị Năm đây không?

Ký Lại trả lời lừng khừng:

— Có lẽ. Thôi mình với chị Năm cứ ngủ đi, chắc tôi về khuya lắm đã. Cứ để cửa cho tôi, chừng về tôi khỏi kêu gọi rộn ràng...

Ký Lại ra đi. Má tôi với thím Ký cũng thôi nói chuyện, ý chừng mỗi người đang đeo đuổi theo một tư tưởng. Tôi ngủ thiếp lúc nào không hay cho đến lúc mơ màng nghe có người kêu nhỏ nhỏ bên giường:

— Mình à mình, chị Năm ngủ chưa?

Má tôi ứng tiếng trả lời thầy Ký Lại:

— Việc chi đó thầy. Nãy giờ tôi thao thức trông tin thầy.

— Tin mừng rồi đây.

Má tôi lồm cồm ngồi dậy:

— Ủy, ông chịu rồi sao? Ông chịu cho thằng Khanh về ở đây ư?

Ký Lại đánh quẹt thắp đèn lên và hỏi một câu ngoài đề:

— Con... con cháu nó ngủ hay chưa?

Vợ Ký Lại nhìn qua tôi và bảo:

— Nó ngủ say rồi.

— Vậy mời chị Năm qua bên bàn này ngồi đề tôi nói cho nghe.

Ông kêu tôi lên... hỏi về chị đó.

Má tôi kéo ghế ngồi ngang mặt Ký Lại, hỏi thăm tời:

— Rồi thầy nói sao? Ông đòi bao nhiêu?

— Ông không ăn tiền bạc gì cả đâu. Tôi bày giải tình cảnh gia đình của chị, ông thương lắm muốn giúp làm nghĩa. Ông chỉ ký tên vào một mảnh giấy gói lên tỉnh là thằng Khanh được thả ra lập tức và trở về nhà ngay.

— Chừng nào ông ký?

Giọng nói của Ký Lại đổi thành ra vẻ dặt dờ:

— Dễ không, chị chưa từng nói cùng người ta một lời phải quấy nào cả, ai dư cơm mà gánh vác việc thiên hạ? Ông muốn giúp cho chị như thế là đặc biệt lắm, chị phải nhớ ơn nghĩa cho người ta chứ.

Má tôi bối rối:

— Ông cứu thằng Khanh khỏi bị đày, đời nào tôi dám quên ơn ông.

Ký Lại đánh lửa đốt thuốc:

— Ngày mai này, quan lớn quận bạn đi thị sát chợ ông Vèo, ông muốn dứt khoát vụ của thằng Khanh cho rồi, kéo ở tỉnh thúc dục. Chị phải đi với tôi liền ngay bây giờ để giáp mặt ông, năn nỉ ông xiêu lòng và ký tên vào tờ giấy bảo đảm rằng từ nay trở đi chị phải kèm chế thằng Khanh không cho nó làm điều gì, phi pháp nữa.

— Đi vào giờ này sao?

— Quan lớn thường làm việc ban đêm và cũng sắp đến giờ

ông đi nghỉ rồi, nhưng ông thương tình tôi cầu xin, chỉ tiếp chị trong một chốc lát.

Má tôi lật đật sửa soạn đi với Ký Lại. Tôi cố chống lại cơn buồn ngủ để chờ tin lành. Một chốc sau, tôi nghe có tiếng Ký Lại trở về, và vợ y hỏi:

— Còn chị Năm đâu?

— Chỉ chờ ký tên vào giấy bảo đảm thằng Khanh. Nè má con Trọng, ra đây tôi nói... cái này cho nghe.

Vợ Ký Lại vương vai ngồi dậy, khoát mừng bước ra. Ký Lại to nhỏ cùng vợ những gì mà thím Ký cười gượng:

—... thằng cha mắc dịch này... tham lam quá vậy?...

Ký Lại rù rì thêm:

— Mình giúp tôi đi... Như mọi bận vậy, có sao tôi chịu... Mình nhớ chiếc neo vàng mình trăm trở hồi tối không... Tôi mua cho mà!...

Vợ Ký Lại cười khúc khích; tiếng còn tiếng mất:

— Coi chừng... nó la làng... xấu hổ...

Tuy không hiểu gì cả, tôi cũng độ chừng vợ chồng ký Lại mưu tính một điều gì bất chánh đây. Tôi sức nhớ lại những lời đồn đãi không về vang gì về cặp vợ chồng quái gỡ ấy. Cả hai đều kém nét hạnh, chồng ăn chả thì vợ vùi nem, ai cũng có « tình » riêng của mình và nhiều khi vẫn biết đấy mà cứ lờ cho đấy.

Ký Lại nghe vợ cảnh cáo, cười hích hác:

— Ấy, kệ tôi!... Thôi tôi đi... mình nhớ nha, mình!

Vợ Ký Lại trở vào giường, lăn qua đung tôi và hỏi:

— Cô Tư ngủ đừ hả?

Tôi không trả lời. Giây phút sau vợ Ký Lại khe khẽ ngáy đều. Trời càng về khuya. Tiếng tích tắc đồng hồ trăm trăm rơi trong im lặng...

Tôi chớp mắt đi lúc nào không hay và đến khi giật mình thức dậy thì cảm thấy có một cánh tay gạt ngang qua vai tôi. Một hơi thở nóng phỉ phò bên tai tôi. Tôi lau mình vào trong, thoáng nghĩ: mình là con gái đơng sức, ngủ mê đủ đành, chứ thím Ký sao cũng lại xấu ngủ vậy, giường rộng mà cứ ép sát vào người ta vậy ư?

Nhưng không ngờ, bàn tay ấy duỗi theo tôi trong tầm tối. Tôi vùng nấp dậy, sờ soạng và nhận thấy nó gân guốc như bàn tay của phái mạnh. Kênh ngạc, tôi ngồi phất dậy, hỏi to:

— Ai? Ai đây?

Một bóng đen ôm choàng lấy tôi và có tiếng nói hờn hờn rĩ bên tai tôi:

— Đừng la... qua cho em tiền... Xăm đầu thơm... son phấn, áo quần tốt...

Tôi hét to hơn nữa:

— Thím Ký!.. Có ai lạ chun vô mừng nè!.. Thắp đèn lên mau...

Hồng đen buồng tôi ra. Tôi sợ quá, gọi thím Kỳ, mãi thiếu điều lạc tiếng. Khi ấy, vợ Kỳ Lại mới lên tiếng từ bên bộ ván ngựa:

— Nhỏ nhỏ vậy... Cái gì đó cô Tư?

— Có ai trong mùng nè, kỳ cục quá.

Vợ Kỳ Lại ôm ở bảo:

— Dữ hông? Vậy mà cô làm như cháy nhà! Thầy Kỳ đó chó ai. Con Trọng ngủ lạ giường khóc hoài nên thầy đem nó qua bên đồ ngủ đó.

Chừng ấy, Kỳ Lại giả vờ tỉnh giấc, nhụ nhựa hỏi:

— Gì mà um sùm vậy?

— Biết đâu? Việc gì cô Tư cô la đó chó.

Kỳ Lại trả lời, rất thản nhiên:

— À, chắc con Trọng ngủ mê nó... ôm cổ chó gì. Con nhỏ thương hay xấu chứng vậy lắm.

Vợ Kỳ Lại ngọt ngào:

— Ủ phải, chắc nó nằm chiêm bao đó cô Tư à. Thôi để tôi qua đồ nó.

Tôi không dám ngủ nữa, khoát mùng bước ra và hỏi thím Kỳ:

— Má tôi sao chưa về?

— Hồng biết nữa. Chắc còn chờ giấy... Cô không ngủ nữa sao? Đi đâu vậy?

Tôi mở cửa ra và đáp:

— Cháu hết buồn ngủ rồi, để chờ đón má cháu.

Trăng non chênh chếch cây trên những sống lá dừa, buồng tỏa một màu trắng đục trong màn sương mỏng, mấp mờ... Tôi nhìn về dinh quận, cách đấy không xa, thấy còn thấp thoáng ánh đèn. Bước lần đến giậu hoa bụi, tôi đặt chân trên con đường nhỏ bên hông, đi vào trong...

Bỗng tôi giật mình dừng lại, lắng nghe những tiếng cãi vã ồn ào vừa mới phát ra từ nơi làm việc của ông Quận. Tiếng nói to hơn cả, ông óng giọng gầm thét của một người đàn bà giận dữ, đưa lanh lảnh vào bên tai tôi:

— Ông đừng có chối, không ăn qua được tôi đâu. Người đàn bà này là ai? Sao được vào dinh trong giờ này? Há... há?..

Tiếp đấy, có tiếng phân bua của một người đàn ông, nghe không rõ, và rồi giọng sư tử Hà Đông lại rống lên, hung tợn hơn nữa:

— Điều đình cái gì vào giờ này? Mà điều đình gì thì cũng phải qua tay tôi hết. Ông có hiểu không? Cha chả, nghe ông nói công việc nhiều phải làm đêm, tôi cũng tưởng ông bỗng đứng lại này ra đức tánh ích nước, lợi dân... Chứ nào ngờ!.. Trời ơi là trời!... Ông giết tôi không bằng!..

Tôi kinh sợ hãi hùng khi nhận ra tiếng nói léo nhéo ấy là của bà quận Nhiều, một người đàn bà cả ghen mà khắp quận ai cũng sợ mặt.

(Còn nữa)



### Phóng sự thời đại của NGUYỄN - THU - MINH

L. T. G. — Các nhân vật trong bài này nếu có trùng lên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai. Mong quý độc giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 4)



QIỌNG của Alice-Lan nào nè quá, buồn trĩu những lời than ai oán.

Đôi mắt hơi mờ đi bởi giòng lệ mỏng. Nàng vội quay mặt sang phía khác.

Tôi cảm động nhìn Alice-Lan lòng đau vô hạn.

Những ý nghĩ thương người trời dấy.



Tôi vùi vào hai vai nàng để tỏ lòng thương cảm và muốn nói với nàng những lời thật chân thành. Tôi ao ước mọi người đều hiểu nàng, thương nàng, giúp đỡ nàng rời khỏi những ngày tháng nặng trĩu, tối tăm này. Đừng nhìn nàng với vẻ mặt khinh khờ, đôi mắt đục ngầu vì đục vọng, thỏa mãn ích kỷ của thể xác.

Có tiếng hát ở nhà dưới vọng lên, kéo dài và lải-nhải một cách trơ trẽn:



« Em như cô gái hầy còn xuân.  
Trong trắng thân chưa lấm bụi  
trần... »

Hoàng đang nằm dựa gối vào lòng thiếu nữ phì phà khói thuốc, nghe vậy liền cười lớn:

— Phải đấy! Hát to thêm chút nữa nghe đi. Các em thì còn « xuân » chán.

Tuy câu nói đùa không đâu nhưng lấm ý nghĩa sâu sắc với những con người nơi đây, khiến thiếu nữ im bật nửa chừng.

Không khí gian phòng cũng trở nên nặng nề bởi hơi men, hơi người, rộn lên những mùi hăng hắt hòa lẫn hương thơm hoa phấn.

Nơi đây, phần nhiều người ta nhìn nhau ở cái bề ngoài hờ hênh đất giá và chiếc túi ketch su nặng những giấy voi.

Tôi nhớ lại câu mà Alice - Lan đã nói với tôi lúc trước. Ở đây người ta chỉ cho phép, quý nhau phút đầu, khi mà khách mới đặt chân vào ngưỡng cửa...

Lúc ấy, khách có muốn gì chẳng nữa cũng phải chịu đãi, niềm nở đón đưa. Nhưng, sau khi cách cửa phòng đã từ từ khép lại, chiếc drap trắng tinh bằng nẹp đã nhấn nhú lại những đường tô lập thể, thì dù khách có vui dừng chân thủ-thỉ hay ra về cũng mặc tình.

Người ta sẽ nhìn nhau bằng những cặp mắt chán chường, ti tiện như những vết son loang vào thau nước. Và cũng chẳng ai nghĩ

đến ai đã cùng kẻ chần dịch gối với mình một trưa bên lề cuộc đời.

Đang vẩn-vơ với bao ý nghĩ, thì từ nhà trên có tiếng gót giày đi xuống, xen lẫn những tiếng cười hả hê, khoái trí.

Chúng tôi vừa quay mặt về hướng tiếng cười, chưa kịp nhận xét đã có tiếng hỏi:

— Ai như Hoàng đó phải không?

Hoàng vẫn đứng đưng phì-phà khói thuốc lên trần nhà thành những vòng tròn quện bay, đến khi người khách lạ tới sát bên đưa tay ra bắt, Hoàng mới chịu ngồi dậy, tách người ra khỏi lòng thiếu-nữ, mỉm cười:

— Nghe giọng hỏi, tớ biết ngay là cậu rồi. Sao hôm nay đến muộn thế?

Người khách lạ đáp một cách hóm hỉnh:

— Lỡ gặp... em.

Hoàng vội hỏi:

— Em nào đó, hay không?

— Hay đấy, nữ sinh M. C. mà lại. Minh đưa em đi xem ciné ở Eden, « xô-lô », em khoái chỉ từ. Thế, còn cậu đến từ bao giờ?

— Cũng vừa đến.

Chợt nhớ tới tôi, Hoàng liền xoay qua giới thiệu người khách lạ với tôi:

— Tí nữa quên mất, mình xin giới thiệu đây là anh Thành bạn đồng quê, đồng sở, và đây anh

M. nhà văn, cũng là anh em quen biết từ lâu cả.

Hai chúng tôi đều trang-trọng bắt tay thân mật của phút đầu gặp gỡ ở trong cái « tiểu thế-giới » đồng hệnh « cô چرا » này. Và chưa biết nên mở đầu câu gì với nhau cho hợp lệ, hợp không khi, đã có tiếng Hoàng nhanh nhẩu tiếp:

— Xừ Thành đây, cũng « một cây » văn nghệ đấy. Hai ông bạn gặp nhau mà trò chuyện thì xừng tay vô cùn. Tớ xin chịu về văn nghệ.

Thiếu nữ ngồi cạnh Hoàng nghe vậy cũng xen vào một câu rất « duyên » và cũng rất hợp lúc cho « máu văn nghệ » của ông bạn trời dậy:

— Chà, hôm nay mới được biết anh Thành là nhà-văn, lâu nay cứ giấu mãi.

Thành nhoen miệng cười ra vẻ đắc ý, hỏi tôi:

— Xin lỗi anh, bây giờ anh viết cho báo nào?

Tôi hơi ngỡ ngàng cho câu phải trả lời, nên đáp:

— Tôi chỉ viết lãng-nhăng, thôi anh ạ. Anh Hoàng giới thiệu ầu đấy. Dạ, còn anh hiện viết cho báo nào?

Ông bạn có vẻ ngập ngừng một lúc rồi đáp:

— Tôi cũng chỉ viết bạ cho vài tờ, nhưng cách đây mấy năm rồi...

Bỗng có một thiếu nữ lạ từ

nhà dưới đi lên, thấy Thành ngồi với chúng tôi, liền chạy đến bá lấy cổ Thành hôn một cách ngang nhiên.

Thấy vậy, tôi vẫn không ngạc nhiên lắm, vì đã thừa rõ cái không khí, điệu bộ ở nơi này rồi.

Thành tươi cười kéo thiếu nữ ngồi xuống lòng mình rồi hỏi:

— Có chị Thu ở nhà không?

Thiếu nữ trả lời:

— Chị đang nghỉ trong phòng ở nhà trên.

Thành lại hỏi:

— Thế có Mộng - Hoa trong không?

Bích gọi hộ anh đi.

Bích tức là người thiếu nữ mới, mỉm miệng với Thành tỏ vẻ giận dỗi ra cái điệu vì yêu thương nhau. Sự thực thì khác hẳn, nhưng qui chỉ vì mối lợi là « tiền ». Tiền đã làm cho họ hip mắt lại để biến thành những con vật đứng hơn là con người.

Tôi nhớ, có lần một « cô em » qui của tôi, miệng chưa hết hơi sữa, ngày hai buổi còn ôm cặp da đến trường đã dám nói với tôi: « Tròn đời này người ta chỉ qui men, thương yêu nhau ở đồng tiền, không tiền thì vứt đi hết ». Những lời nói ấy nếu mà đem ra đối chiếu ở đây hiện giờ. Thật là đúng, còn hơn là đàng khác và tôi không hề cảm thấy thương hại như ngày nào có em qui của tôi đã nói ra câu ấy.

Rồi không ai bảo ai, mỗi chúng tôi tự trở về trong cái vui thú của kẻ bẽ lá ngút hoa...

Hơi rượu làm tôi đỏ bừng mặt lên một cách trân tráo, thêm vào hơi người càng khiến cho tôi dễ điên cuồng.

Chợt ánh mắt chan chứa dịu hiền, khắc khoải của Alice-Lan như van lơn, kêu gọi một lòng thương hiểu biết khiến tôi tỉnh trí.

Bốn ánh mắt chạm vào nhau, dịu dàng và êm ả như bóng chiều soi mặt nước hồ thu.

Tiếng cười của Hoàng, Thành và hai thiếu nữ lại rộn lên, cùng với tiếng chác lười lẩn nét cau mày giận hờn của Alice-Lan, nhưng không dám bộc lộ làm tôi hơi ngạc nhiên giây phút.

Hiểu ra, chẳng qua trong lúc bất ngờ, Thành với tay véo vào lưng Alice có ý đùa với nàng, như đã đùa với bao thiếu nữ khác không một chút đắn đo.

Tôi vờ làm bộ không để ý, nhìn ra khung trời gay gắt nắng.

Đôi chim sẻ từ đâu sà xuống đậu vào nhánh cây vú sữa ở trước mặt rồi lại nhón nhác bay đi.

Một nỗi buồn man mác lần đến.

Một ý nghĩ lo sợ không đâu hiện về.

Tôi tưởng chừng như đang rơi xuống một vực sâu thăm thẳm, chỉ biết chơi với và chơi với cho đến lúc kiệt sức. Chẳng khác

gi con báo kia lạc đường để rồi chết trên đỉnh núi tuyết Kiliman-djaro — trong một danh phẩm của văn hào Ernest Hemingway.

Những cảnh say sưa lại tiếp tục. Châu « Bit-qui », xô-đa thứ hai được đem ra. Lần này do Thành đứng khổ chủ, và những câu chuyện đời, chuyện tình ái lần vẫn nghệ nữa mùa bắt đầu sôi nổi.

Hoàng hơi lìm dim đôi mắt ngái ngủ, dựa ngửa ra thành ghế, trong lúc Thành cao hứng mở đề câu chuyện với tôi không kém « quan trọng » :

— Chúng mình hãy nhấp cạn ly này đi ! Ít khi được gặp nhau trong cái cảnh này lắm, nên có say hôm nay cũng không hề gì.

Tôi gật đầu cười thiện cảm, Thành lại tiếp :

— Nhiều lúc muốn say thử một lần mà không say được, kể cũng buồn. Nhất là tâm trạng những con người như chúng mình luôn luôn sống trong bất mãn, khắc khoải. Suốt đời đi tìm cái đẹp, cái hay vẫn không bao giờ gặp, thấy toàn cả trái ngang.

Hoàng liền xen vào :

— Thôi, dẹp đi. Đừng nói ra ở đây nữa các cha. Thiên hạ nghe được lại cười cho là những thằng khùng. Đến chốn này còn lý thuyết rôm, giảng đạo đức với nhau. Không thấy mấy em đang chờ hai cậu hay sao ?

Chưa dứt lời Hoàng đã quay lại nhìn Hồng cười toe-toét như một gã say.

Thành đảo mắt quanh gian phòng rồi chăm chú nhìn tôi cười tỏ vẻ muốn phân trần về câu nói của Hoàng vừa rồi.

Tôi vẫn giữ thái độ cũ, không vui cũng không buồn. Nếu có buồn, chỉ buồn vì nghĩ đến Alice-Lan và những con người đời mươi ở chốn này đang đi về đâu mà thôi. Nhưng rồi cũng trong khoảnh khắc là tan biến ngay theo những nụ cười, ánh mắt, men rượu.

Những hình ảnh mập mờ cứ đờn-dàng đảo quanh trước mắt từ tay người khách này sang tay người khách khác, mà người nào cũng đắm đuối rạo rục như nhau trải đều trên khuôn mặt một vệt dài đàn độn, cộc cằn đến kinh tởm.

Đó đây toàn là bóng đen thè xác vẩy phủ.

Có tiếng gọi the-thế ở nhà sau. Alice-Lan vội đứng dậy xin phép tôi để vào trong. Tôi nhìn nàng gật đầu nhận lời mơn trớn như người anh đối với em gái :

— Rồi liệu em có trở ra với anh không ?

Nàng còn đang ngập ngừng, đưa đôi mắt mơ buồn thăm thẳm, tôi chợt hiểu ý vội chữa đời :

— Em vào rồi ra ngay. Đừng để anh phải chờ lâu nhé.

Alice-Lan khẽ dạ rồi rảo bước

đi vào. Lời nói của nàng êm dịu quá chừng. Dáng đi của nàng eo lá thướt tha, như một nữ sinh. Mà thật vậy, ở con người của nàng còn đọng lại nhiều bóng dáng thơ sinh. Mặc dù khung cảnh nơi này vẫn không sao xóa nhòa đi được.

Tôi lặng lẽ nhìn theo đầy thương hại. Bóng tối như bao quanh ở nàng.

Có lẽ đọc thấu tâm trạng cảm xúc ngổ ngàng này của tôi chăng, Thành nhếch môi cười :

— Trông cậu có vẻ thương cảm cô ả phải không ? Nhất là con người nàng còn sắc « mũi » ngây thơ chán !

Tôi hơi khó chịu về lời nói tự phụ của Thành, hỏi :

— Cậu xét đoán người hơi tàn nhẫn, theo mình thì thấy thương hại cho nàng thật đấy.

Thành lại cười, lần này cười ra vẻ khiêu khích cho những ý nghĩ non dại của tôi, trong khi tôi vờ đứng đưng không để ý gì đến cái cười ấy cả. Nhìn sang những bàn bên cạnh.

Chợt một bóng người thoáng qua cánh cửa xuống nhà sau.

Tôi giật mình, lòng run lên và hồi hộp quá. Chợt vội đôi mắt, định tâm nhìn kỹ lại xem vẫn không sao nhận hiểu, vì thiếu nữ đã khuất sau bức tường dày đặc màu xanh u tối.

(Còn nữa)



**\* NHỮNG CẢNH THƯ MÙA LY LOẠN**  
của Nguyễn-huy-Hiền

(NGÀY NAY xuất bản)

Quyển truyện dài này mô-tả tình-cảnh đất nước thân yêu bị ngấn đôi bởi một đường vĩ-tuyến. Kể ở, người đi ngậm-ngùi đau xót. Cảm-thông được nỗi đau thương ấy, tác giả ghi lại nơi trang sách đầy để nói lên những nếp sống tâm-tình, những tấm lòng ái-quốc thiết-tha của lớp thanh-niên hiện đại. Một tác-phẩm gồm những bức thư ngắn, kết-hợp lại thành một chuyện dài. Trình bày mỹ thuật, dày 191 trang, giá 37 \$.

**\* KỊCH TÔN SƠN BÁ TƯỚC**  
của Vương-hoài-An dịch thuật.

(Lan Đình xuất bản).

Một bộ sách gồm 3 quyển khổ nhỏ loại nhi đồng do Vương hoải An dịch cuốn *Le Comte de Monte Cristo* của Alexandre Dumas, một tiểu thuyết gia nổi tiếng của Pháp hồi thế kỷ thứ XIX.

Chuyện phiêu-lưu hấp dẫn, có một giá-trị luân-lý xác đáng, giáo-dục nhi đồng, giải trí người lớn. Mỗi quyển dày 54 trang, Giá 5\$.

**\* HOA ĐÔI MƯƠI.**

(Gia Đình Hoa Đôi Mươi xuất bản).

Giai phẩm của một nhóm học-sinh Nam-Nữ. Tập hợp những ngòi bút trẻ trung, mẫn non của văn nghệ, trong các truyện ngắn, thơ, tùy-bút, v...v....

Tuy tác phẩm « Hoa đôi mươi » chưa đạt đến một nghệ-thuật tinh vi, hễ còn nhiều khuyết điểm nhỏ. Song ta có thể tìm thấy nơi tập này cả một sự cố gắng rất đáng khen và đáng khuyến khích của các bạn trẻ muốn giao-duyên cùng văn-tự. Dày 51 trang, in đẹp. Giá 8 \$.

**\* TOÁN VẬT LÝ, của Nguyễn-văn-Vý.**

(Cửa Long học đường phát hành)

Một quyển sách toán có đầy đủ các bài toán về điện học, quang học, giảng nghĩa rành mạch, đáp số rõ ràng. Rất cần cho các thí-sinh T.H.Đ.N.C.

Biên soạn rất công phu, ấn loát mỹ thuật. Dày 67 trang—giá 32 \$.

**\* PHÁP VĂN ĐỀ NHỊ của Phan-huy-Đức.**

(Hiệu trưởng Cửa Long học đường)

Loại sách luyện tập Pháp văn. Gồm những bài Luận đề luận đố, thành ngữ kiểu mẫu. Dạy theo phương pháp mới. Không những rất có ích cho các thí sinh muốn đậu Tú Tài mà còn cần thiết cho những ai muốn luyện tập thêm Pháp văn.

Sách dày 215 trang, giá 60 \$.

**\* ANH-NGŨ TINH-ÂM TỪ-ĐIỀN của Phạm-công-Thiện**

(Hoàng-Long xuất bản)

Một quyển sách thuộc về loại khảo cứu. Gồm có hai phần:

1) Phần Anh-Ngữ tinh-âm từ điển, sắp theo mẫu tự A.B.C..., ghi lại những tiếng cần đến việc tinh-âm.

2) Phần phụ-lục: trình bày những tiếng có cách đọc khó-khăn đối với những bạn mới học Anh-ngữ, sắp thứ tự theo bảng hiệu phiên âm của Hội Ngữ-âm-học Quốc-tế. (A.P.I.)

Ngoài ra còn thêm một bảng ghi cách đọc của tiếng mà đài phát thanh B.B.C khuyến nên lấy đó làm tiêu chuẩn để cho giọng Anh Ngữ được nhất trí.

Xin thành thật khen tác giả đã dày công biên soạn ròng rã gần hai năm trời mới hoàn thành được một quyển sách cần thiết cho những người muốn luyện về Anh Ngữ. Sách dày 182 trang, giá 59 \$.

## Người làm vườn của bà B. Shaw

Nhà văn trào phúng của xứ Ái-nhĩ-Lan (Island) lừng danh cả thế giới là ông Bernard Shaw, ở một biệt thự rộng rãi xung quanh có vườn. Ngoài những giờ viết văn, ông thường thích làm vườn trồng cây. Một chiều kia ông đang hí hục vác bình nước to tưới cho cây, quần áo dính đất và nước như một người làm vườn, chợt có một bà khách sang trọng tới gọi cổng:

— Ê! Bác làm vườn, mở cổng cho tôi! Bà Shaw có ở nhà chứ?

Ông Bernard Shaw ra mở cổng và lễ phép nói:

— Mời bà vào, bà Shaw ở trên lầu, tôi xin dẫn bà đi.

Bà khách quý phải nãy nghe danh tiếng ông Bernard Shaw đã lâu nhưng chưa biết mặt ông lần nào. Bà theo ông vô nhà. Vừa đi bà vừa hỏi truyện:

— Bác chăm trồng tỉa mảnh vườn đẹp quá há! Bác ở giúp việc đây lâu mau rồi?

— Thưa đã hơn 20 năm.

— Chà! Bác trung thành với chủ quá nhỉ! Thế mỗi năm ông bà Bernard trả công bác bao nhiêu?

— Thưa tôi ở không công. Chỉ có cơm nước quần áo...

— Trời ơi! Nhà văn sĩ danh tiếng mà đối với bác như thế thì lẹ quá! Bóc lột sức lao động của bác đây. Hay bác đến ở giúp việc cho tôi. Tôi sẽ trả công rất hậu.

— Không thể được thưa bà. Tôi rất tiếc bởi vì tôi đã ký hợp đồng nhận ở suốt đời với bà Shaw.

— Trời ơi! bác đại dột quá! Sao lại ký hợp đồng nhận làm nô lệ suốt đời một cách vô lý thế! Hợp đồng gì mới được chứ?

— Thưa bà, hợp đồng đó là giấy Giá-thứ giữa tôi và bà Shaw!

Vừa lúc đó bà Shaw trong nhà ra. Hai bà tự giới thiệu cho nhau, rồi bà Shaw chỉ ông Shaw mà giới thiệu cho bà khách lạ:

— Đây là chồng tôi, ông Bernard Shaw.

Nhà đại văn sĩ trào phúng lễ phép chào khách rồi lặng lẽ ra vườn tiếp tục tưới cây, trong lúc bà khách kinh ngạc trở mắt nhìn ông... và xin lỗi Bà!

QUỐC BẢO



## NHỜ CÁC BẠN TRẢ LỜI GIÙM

★

★ 1.— Tên đường phố Saigon:

Phạm Hồng-Thái là ai?

Alexandre de Rhodes là ai?

Phan văn Trường là ai?

★ 2.— Những tờ báo Việt-ngữ xuất-hiện đầu tiên ở Saigon cho đến năm 1914, và tên các vị sáng lập.

★ 3.— Vua Minh-Mạng có ra một câu đối không ai đối được cho hay:

« Nước trong leo-lẻo, cá đớp cá. »

Chỉ có một ông quan nhỏ đối lại:

« Trời nắng chang chang, người trói người »

Ông quan ngỗ-nghịch và có tiến-bộ, chống phong-kiến ấy, là ai?

★ 4.— Chữ « Tết » do từ đâu mà ra?

Sao gọi là tháng « Giêng », chứ không gọi là tháng Một?

Sao gọi là tháng Chạp, chứ không gọi tháng 12?

★ 5.— Từ quả Đất lên Mặt Trăng mấy ngàn cây số?

Từ quả Đất lên mặt Trời mấy ngàn cây số?

Trên « Trời » có ước độ mấy ngàn mấy vạn ngôi sao?

« Ngôi Sao » nào gần quả Đất nhất?

★ 6.— Một Thi-sĩ Việt-Nam chết, rồi hồn nhập về bà vợ. Bà vốn người ít học nhưng từ đó bà cũng trở thành thi-sĩ, làm nhiều bài thơ rất hay. Bà vợ ấy là ai? Quê ở đâu? Sống năm nào? Một bài thơ nào được truyền-tung nhất của Bà?

DIỆU-HUYỀN

# Đáp những câu hỏi ở Phồ-Thông

● số 4 ●



\* Câu-hát của các em ở  
Bắc hồi trước đây thường  
hát trong trò chơi ú-tim:

Chi-chi-chành-chành  
Cái danh thời lửa,

Con ngựa đứt cương, — Còn vương thượng-đế— Lập kế đi tìm  
Ú-tim... ập!

là có ý-nghĩa hồi vua Hàm-nghi bỏ thành Huế ra đi kháng chiến, theo  
Tôn thất Thuyết.

Thuyết rên đức sủng đạn (cái danh thời lửa), vua Hàm-nghi như  
con ngựa đứt cương, người Pháp không kèm được, đề thoát ra khỏi  
Thành Nội, với hầu hết Hoàng-tộc. Nhưng Pháp vẫn tìm được  
ông vua khác để đặt lên ngôi Đế (còn vương Thượng Đế), rồi lập  
mưu kế để tìm Vua Hàm-Nghi (Lập kế đi tìm)... Vua trốn, Pháp  
tìm, mãi mãi rồi vua cũng bị bắt (Ú-tim-ập!)

Câu hát đó có từ sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt.

\* Theo một tinh-thần dân-chủ thật sự hơn các vua ngoại-quốc  
như Anh-Hoàng và Nhật-Hoàng chẳng hạn, nhiều vị Vua chúa Việt  
nam hồi xưa đã không ngần-ngại cưới con gái thường dân, tôn lên  
làm Hoàng-hậu, như: Lý Thánh Tông lấy cô thôn nữ hái dâu, tôn làm  
Thái-Phi (Ỗ-Lan Thái-phi); Thái tử Sam (sau là Lý Huệ-Tôn) lấy  
con gái người thuyền chài họ Trần, tôn làm Hoàng-Hậu; Minh-  
Mạng lấy vợ là một người thường dân ở Thủ-Đức; Mẹ vua Tự-Đức  
là Từ-Dũ Hoàng Thái Hậu cũng là con gái thường dân quê ở Gò Công.

\* Thi-sĩ trẻ tuổi Việt nam, làm thơ Pháp có tiếng ở Paris, và  
chết ở Paris, là Nguyễn văn Xiêm. Trước ông có làm thông-ngôn  
ở tòa Khâm-Sứ Huế, sau sang Pháp. Có để một tập thơ in ở Pháp  
rất được các giới Thi-sĩ Pháp hoan-ngheh là: *Heures perdues* (1920).

\* Trong quyển « *Như Tây Sứ Trinh* » Đại-Sứ Phan-thanh Giản kể  
chuyện có gặp bà Madeleine Nguyễn thị Sen từ Lorient mặc quốc-  
phục lên Paris đón chào cụ lúc cụ đi sứ sang Pháp năm 1863. Bà  
chết năm 1878 thọ 87 tuổi, tại Lorient. Bà là người Huế, vợ ở  
Phillippi Vannier. Kết hôn tại Huế năm 1802.



## Buồn ơi, Chào Mi!

(Xem từ P. T. số 1)

### BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề rút ngắn câu chuyện, tôi chỉ dịch tóm-tắt những đoạn  
chính của cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xê  
thấy không cần thiết lắm. Xin bạn hiểu cho.

### DIỆU HUYỀN

### CHƯƠNG V



HÉ rồi đến lúc chấm  
dứt. Một buổi sáng,  
Ba tôi dự-dịnh tôi  
đưa chúng tôi đi  
Cannes, chơi và  
khiêu-vũ. Tôi còn  
nhớ Yến-Hoa vui-mừng lắm.  
Nàng mong được gặp lại không-  
khí quen-thuộc của những nơi  
trà-thất, thích-hợp với số kiếp  
đa-mang khổ-hận của nàng. Còn  
Ánh - Lệ, thật tôi không ngờ  
nàng cũng hỷ-hả tán thành dự

cuộc truy-hoan ấy. Vì thế khi  
cơm tối xong, tôi không lo ngại  
gì cả, vội-vàng lên trên phòng  
mặc chiếc áo dạ-hội, — chiếc áo  
độc-nhất của tôi. Đó là chiếc áo  
do Ba tôi sắm cho tôi, bằng một  
thứ vải ngoại-quốc màu-sắc đi-  
kỳ, có lẽ hơi quá dị-kỳ đối với  
tôi, vì Ba tôi ưa cho tôi mặc  
theo kiểu đàn-bà quái-ác.

Khi xuống dưới nhà, tôi thấy  
ông rực-rỡ trong bộ áo Smoking  
mới, tôi choàng tay vào cổ ông:  
— Ba điện quá xá! Con chưa  
thấy ai bảnh như Ba!

— Ba đầu có đẹp bằng thằng Tuấn-Sinh. Con con, thì con là đũa thiếu-nữ xinh-đẹp nhất trên đời.

Tôi đáp lại:

— Con đầu đẹp bằng Yến-Hoa và Ánh-Lệ.

Quên rằng ông bị bệnh tê-thấp, Ba tôi bảo tôi:

— Đáng lẽ con phải dạy Ba nhảy điệu « be bop » mới được.

Yến-Hoa từ trên lầu đứng-đỉnh bước cầu thang đi xuống. Nàng mặc áo màu lục, trên miệng nở một nụ cười ê-chề, nụ cười của nàng trong các nơi tựu điểm. Nàng hỏi:

— Tụi mình đi chứ?

Tôi đáp:

— Ánh-Lệ chưa xuống.

Ba tôi bảo tôi:

— Con lên phòng của nàng xem nàng đã xong chưa? Chạm trề thế này thì khuya mới đến Cannes!

Tôi lên cầu thang, cứ bị áo dài vướng chân. Tôi gõ cửa phòng Ánh-Lệ. Cửa mở, nàng bảo tôi vào. Nhưng tôi đứng ngoài cửa ngó vô. Nàng mặc chiếc áo xám, màu xám kỹ-cục gần giống như màu trắng, mà ánh đèn dính vào đó cũng như ánh mặt trời mới mọc dính lên màu sắc của nước biển. Tôi reo lên:

— Đẹp quá! Ô, áo của bà đẹp quá, bà Ánh-Lệ à!

Nàng nhìn vào tủ kiến, nhón miệng cười, cũng như người ta nhón một nụ cười để từ-giã ai.

Nàng bảo:

— Màu xám này đẹp tuyệt!

Tôi bảo:

— Chính bà đẹp tuyệt!

Nàng xách tai tôi, và ngó tôi. Lúc thường nàng có đôi mắt xanh mờ, lần này đôi mắt ấy sáng ngời lên, nàng mỉm cười bảo tôi:

— Em là một cô bé rất dễ thương, tuy rằng đôi khi em làm cho người ta bức mình.

Nàng xuống trước, tôi đi theo sau. Tôi thấy Ba tôi đứng dưới cầu thang đón nàng, mặt ngược lên ngó nàng. Yến-Hoa cũng nhìn nàng bước xuống. Tôi còn nhớ rõ các chi-tiết cảnh ấy: trước mặt tôi là một cái ót tóc vàng rực-rỡ và hai vai tuyệt-đẹp của Ánh-Lệ; ở dưới chân cầu thang là bộ mặt trung-bình của Ba tôi đang đưa tay ra đón nàng, và xa xa... là hình-ảnh đã lu-mờ của Yến-Hoa.

Ba tôi bảo:

— Ánh-Lệ, em đẹp lạ-lùng!

Nàng mỉm cười, bước qua trước mặt Ba tôi, và lấy áo măng-tô. Nàng bảo:

— Chúng ta sẽ gặp nhau ở Cannes nhé? Mộng-Linh, em đi với tôi?

Nàng để tôi lái xe. Ban đêm đường cái đẹp quá, tôi cho xe chạy êm đềm chậm chậm. Ánh-Lệ không nói gì. Khi đến một khúc đường quanh, xe Ba tôi vọt lên trước, nàng cũng không nói gì.

Đến trà-thất, Ba tôi khéo sắp đặt thế nào mà trong chốc lát chúng tôi mỗi người lạc đi mỗi nơi. Một lúc tôi gặp lại Yến-Hoa nơi một bàn rượu, đang ngồi nói chuyện với một người quen của nàng, một người Nam-Mỹ đã say ngà-ngà. Chàng chuyên về nghệ thuật sân-khấu, và tuy là say rượu nhưng câu chuyện của chàng cũng hấp-dẫn. Tôi ngồi nghe chuyện của chàng gần một tiếng đồng hồ khá thú-vị, nhưng Yến-Hoa tỏ vẻ chán, vì nàng không thích nghe về kỹ-thuật sân khấu. Bỗng đứng nàng hỏi tôi Ba tôi ở đâu, làm như thể tôi biết rõ lắm vậy. Rồi nàng đứng dậy đi. Chàng Nam-Mỹ hơi buồn một lúc nhưng nốc thêm một ly Whisky vào thì chàng lại vui-nhộn lên. Tôi thì chẳng nghĩ gì cả, đang khoan-khoái vui-vẻ, vì xã-giao mà ngồi uống rượu với chàng thôi. Nhưng tình thế trở nên buồn cười khi chàng mời tôi khiêu-vũ. Tôi buộc lòng phải ôm lấy chàng và cố rút hai chân tôi không cho đụng với chân chàng, thật là cả một sự khó khăn. Chúng tôi cười quá-xả, đến đôi khi Yến-Hoa vỗ trên vai tôi, và thấy bộ mặt Hoạn-thư của nàng, tôi chỉ muốn tống cổ anh chàng kỹ-bình đi cho rồi. Yến-Hoa bảo:

— Tôi chẳng thấy ông ấy ở đâu cả.

Bỗng đứng tôi giận Ba tôi lắm. Thật là ông vô-lễ không thể tưởng-tượng được. Tôi mỉm cười bảo:

— À, tôi biết hai người ấy ở đâu rồi. Tôi đi một chút trở lại liền.

Tôi đã buông tay ra, thì chà-ta Nam-Mỹ ôm lấy Yến-Hoa nhảy.

Trà thất rộng lớn quá, tôi đi trotté quanh hai vòng mà không có kura quả. Tôi đi rào khắp các bàn tiệc, ở sân, rồi sau cùng tôi sực-nghĩ đến chiếc xe hơi. Phải xác-xạo lúc lâu trong khu vườn mới tìm thấy chiếc xe. Địch thị họ ở trong đó. Tôi đi phía sau xe, và dòm qua miếng kiến ở đằng sau tôi nom thấy họ. Tôi thấy hai người ngồi kề nhau, và do ánh đèn ở ngoài chiếu vào trông họ đẹp lạ kỳ. Họ đang nhìn nhau, hình như đang nói với nhau thì-thảm những câu gì. Tôi muốn lảng đi, nhưng sực-nghĩ đến Yến-Hoa, tôi liền mở cửa xe. Bàn tay của Ba tôi đang đặt trên cánh tay của Ánh-Lệ. Hai người chỉ vừa thoảng thấy tôi. Tôi lễ phép hỏi:

— Ông bà vui đùa thỏa thích chứ?

Ba tôi tức giận hỏi:

— Có chuyện chi? Mày đến đây làm gì?

— Còn Ba? Yến-Hoa kiếm Ba khắp mọi nơi từ một tiếng đồng hồ rồi.

Ánh-Lệ quay lại ngó tôi, chậm rãi, coi bộ còn tiếc rề:

— Chúng tôi đi về đây. Em bảo với Yến-Hoa rằng tôi mệt và Ba của em đưa xe tôi về.

Chùng nào nàng và em chơi chán rồi muốn về thì lái xe đưa tôi.

Tôi giận run lên, tim không ra từ để nói:

và— Chùng nào tại tôi chơi chán ? Bà nói thế hả ? Thật là... B...!

Bà tôi kinh-ngạc, hỏi:

— Thật là... thế nào ?

Tôi đáp ngay:

— Bà dắt một người đàn-bà ra biển dang nắng để nàng không chịu nổi, đến khi Bà bốc lột nàng sạch trơn cả rồi, Bà bỏ rơi nàng ? Sao dễ-dàng quá vậy ? Con phải nói với Yến-Hoa cách nào bây giờ đây ?

Ánh-Lệ quây lại ngó Bà tôi, bộ tịch nàng chán nản. Ông mỉm cười, không nghe tôi. Tôi đã đến mức cáu tiết:

— Con đi nói... nói với nàng rằng Bà tôi đã ngủ với một bà khác rồi, có phải vậy không ?

Bà tôi nạt tôi một tiếng cùng một lúc Ánh-Lệ tát vào má tôi một tát tay. Tôi lật đật rút đầu tôi ra khỏi cửa xe. Bà tôi còn bảo:

— Con phải xin lỗi.

Tôi đứng yên gần cửa xe, đầu óc xáo-lộn. Những cử-chỉ cao-thượng thường đến quá trễ trong trí tôi.

Ánh-Lệ bảo:

— Em lại đây.

Coi bộ nàng không dữ tợn, nên tôi lại gần. Nàng đặt bàn tay

nàng trên má tôi và nói với tôi rất dịu dàng, chậm-rãi, như thể tôi là một đứa hơi ngu-ngốc:

— Em không nên tàn-nhân. Tôi buồn cho Yến-Hoa. Nhưng em là người khá tế-nhị để sắp đặt việc này khéo-léo hơn. Ngày mai chúng ta sẽ hết thắc-mắc. Tôi làm em đau lắm sao ?

Tôi lễ phép đáp:

— Bà tưởng không đau hả ?

Thấy Ánh-Lệ bỗng đứng đĩnh-ngiêm như thế, và nhớ lại sự quá nóng-nảy của tôi vừa rồi, tôi muốn òa ra khóc. Tôi nhìn hai người đi xe về, lòng tôi không còn gì nữa cả. Tôi chỉ còn tự an ủi với tôi rằng tôi cần phải khéo-léo để dàn-xếp ổn-thỏa câu chuyện. Tôi đứng đĩnh trở vào Trà thất, thấy Yến-Hoa vẫn còn khiêu-vũ, chàng Nam-Mỹ đeo chặt trên cánh tay của nàng.

Tôi bảo, với giọng thờ-ơ:

— Ánh-Lệ bị cảm. Bà tôi phải lái xe đưa nàng về Bà đi uống chút gì với tôi không ?

Nàng ngó tôi, không trả lời. Tôi tìm lời nói cho nàng tin:

— Ánh Lệ bị mưa, trông khiếp quá, chiếc áo của nàng bần cả !

Tôi tưởng chi tiết đó đủ tỏ ra là thật quá rồi, nhưng Yến Hoa khóc, dịu dàng, buồn-bã. Não lòng, tôi ngó nàng. Nàng bảo:

— Mộng-Linh à... Mộng-Linh.. Lâu nay chúng ta vui sướng xiết bao...

Nàng lại khóc thõa-thức-

Chàng Nam-Mỹ say rượu cũng khóc, và lặp lại: « Lâu nay chúng ta vui sướng xiết bao... xiết bao... »

Lúc bấy giờ, tôi ghét Ánh-Lệ và Bà tôi. Tôi có thể làm bất cứ điều gì để Yến-Hoa đừng khóc nữa, và anh chàng Nam-Mỹ kia cũng đừng thõn-thức. Tôi bảo:

— Vụ này chưa giải - quyết xong đâu, bà Yến-Hoa à. Bà về với tôi.

Yến-Hoa khóc âm-ức âm-ức: — Tôi sẽ trở về để lấy va-li của tôi. Thôi, Mộng-Linh, chúng ta nên từ biệt nơi này. Chúng ta đã thông cảm nhau nhiều rồi.

Kể ra, từ trước tôi chỉ nói chuyện với nàng về lợi-mưa trời nắng, hoặc một này một nọ, nhưng bây giờ tôi cảm thấy hình như tôi mất người bạn thân-yêu. Tôi lật đật quây gó chạy phóng ra xe... (Còn tiếp)

## ★ NỔI TIẾNG NHƯ « CÒN »

Trước khi ra sân khấu, vị giám đốc hỏi một ca sĩ tân nhạc:

— Anh đề bao nhiêu thời giờ để hát 1 bản ?

Ca sĩ trả lời:

— Từ 15 đến 18 phút.

Ngạc nhiên viên giám đốc hỏi:

— Hát 1 bản phải mất đến 15 phút lận à ! Tôi không thể nào tin được.

Ca sĩ liền giải thích:

— Không. Tôi hát trong 3 phút là hết 1 bản, nhưng còn 12 hay 15 phút kia tôi dành riêng cho thính giả vỗ tay khen.

## ★ MỚI CÓ MƯỜI TUỔI

Bé Hồng (10 tuổi) làm biếng đi học, ở nhà gọi điện thoại nói chuyện với bà giáo:

— Thưa bà, em Hồng bệnh nặng và hôm nay không đi học được.

Bên kia đầu giây bà giáo trả lời:

— Tôi thành thật chúc em Hồng chóng lành mạnh... nhưng xin làm ơn cho tôi biết ai đang nói chuyện với tôi trong giây-nói này ?

Bé Hồng trả lời:

— Thưa Bà, tôi, tôi đây là má bé Hồng !...

## ★ SƯ TỬ « HÀ-ĐÔNG »

Một người bạn hỏi Bà Búa:

— Anh có biết không ? anh ly dị vợ, tức là anh đào-ngũ.

Bà Búa trả lời:

— Anh chưa biết vợ tôi mà, một sư tử « Hà Đông » có tiếng, tôi ly dị vợ tôi với tư cách là « Kẻ muốn lánh nạn » hơn là kẻ đào-ngũ.



# Chuyện vui

## CÁC EM

của cô  
★ Bạch-yến

### CÔNG CHÙA

**C**ÁC em nhi-đồng thân mến,

Kể từ nay nơi trang này, chị sẽ kể cho các em nghe một chuyện cổ-tích hay chuyện ngắn mà khi xưa, lúc chị bằng tuổi của các em chị thường được bà nội kể trong lòng âu-yếm và kể lại cho chị nghe. Mãi đến hôm nay đã bao lần trảng tròn rồi lại khuyết mà dư âm của ngày thơ ấu vẫn còn vương-vấn trong lòng chị. Chị nghĩ đến các em, rồi lại viết ra đây cho các em thưởng thức. Chị hy-vọng những dòng chữ dưới đây sẽ làm cho các em được hài lòng, thích thú sau những giờ học hành mệt mỏi. Đó là mục đích duy nhất của chị vậy.

### TÓC VÀNG

**N**GÀY xưa, ngày xưa có một vị vua trẻ tuổi, hiền lành nhân đức, trị vì một nước thái bình an cư. Nhà Vua muốn lập ngôi Hoàng-Hậu nhưng phải để tự ý ngài lựa chọn trong hàng dân giả. Một hôm Ngài giả dạng là một thương dân đi dạo khắp Kinh-thành, dọc đường trời đổ mưa, Ngài vào trong một căn nhà gần đấy để tranh mưa. Bỗng Ngài nghe bên trong có tiếng nói cười vọng ra, tò mò Vua đến gần cửa sổ dòm vào thấy có 2 thiếu-nữ trẻ đẹp đang ngồi thảo luận chuyện trò với nhau.

Cô thứ nhứt nói :

— Nếu chị hẳn hạnh được

Hoàng đế cưới làm Hoàng-hậu thì chị sẽ sanh cho Ngài một đứa con trai khôi ngô tuấn-tú mà sau này nó sẽ trở nên một vị anh hùng lừng danh trên vũ trụ.

Cô thứ hai tiếp :

— Còn em, nếu được làm Hoàng-hậu ư? Thôi thì sung sướng biết mấy. Em sẽ sanh cho nhà Vua một nàng Công-Chúa đẹp dịu-dàng khả ái với mái tóc vàng óng ả xinh tươi.

Nghe xong nhà Vua mỉm cười lẳng lẽ trở về cung. Sau một thời gian suy nghĩ nhà Vua lập cô em lên làm Hoàng-hậu. Thế là vài hôm sau nhà Vua mở tiệc linh-đình, khắp kinh-thành tung bùng nhộn nhịp, dân chúng vui mừng dự lễ sách phong Hoàng-hậu.

Thời gian êm đềm trôi qua, một hôm Hoàng hậu âu yếm báo tin cho Vua hay rằng mình đã thụ thai. Vua vui mừng khôn xiết khi nghĩ đến lời nói trước kia của Hoàng hậu. Nhưng vài hôm sau Ngài lại phải thân chinh đi dẹp giặc ở một địa điểm xa xôi. Cuộc sum-vầy chưa được mấy chốc thì lại diễn cảnh kẻ ở người đi. Nhà Vua ngậm ngùi chia tay Hoàng-hậu và khuyên nàng hãy an lòng lo săn sóc sức khỏe và đứa con thơ còn đang trứng nước. Riêng Hoàng-thái-Hậu không hiểu sao bà lại rất hiềm thù con dâu vô cùng và luôn tìm đủ mọi cách để mưu hại nàng.

Thời gian qua, ngày khai hoa nở nhụy của Hoàng Hậu đã đến. Đúng như lời nói xưa, nàng hạ sanh ra một nàng công chúa mũm mĩm đáng yêu với mái tóc vàng óng ánh. Khi ấy Hoàng thái Hậu túc trực bên giường lúc nào không biết. Bà liền ẵm công chúa đáng thương kia đem ra ngoài vườn ngự uyển đào đất chôn sống đứa cháu vô tội của bà, và không quên thay vào đấy một con chó nhỏ xấu xí gớm ghê. Thi-hành xong thủ đoạn dã man kia, bà liền viết thư báo tin cho Vua hay Hoàng-hậu đã hạ sanh ra một quái thai mà hình thù giống chó chứ không phải nàng công chúa quốc sắc thiên hương có mái tóc vàng mà nhà Vua hằng mơ ước.

Nhận được tin ấy, nhà Vua nổi trận lôi đình, cho Hoàng-hậu là một bà phù-thủy chuyên đi nói láo để lừa bịp ngài. Tức thì Vua gởi một bức thông điệp truyền lệnh cho giam Hoàng-hậu vào lãnh cung lập tức. Tội nghiệp cho Hoàng-hậu vừa sanh còn đang non ngày non tháng mà phải chịu cảnh sống khau khổ của một người tù tội.

Về phần nhà Vua, từ khi hay tin ấy Ngài đâm ra buồn rầu không thiết hồi loan, và kéo dài cuộc chiến chinh đến mười năm dài đằng đẵng mới trở về Kinh thành. Một hôm vua đi dạo vườn ngự uyển để giải khuây, khi đi ngang qua chỗ Hoàng thái Hậu



đã chôn Công Chúa khi trước, Ngai bỗng dừng lại vì thấy nơi đấy có một cây lạ mọc tự lúc nào, trong lòng nhà Vua bỗng nhiên thấy yêu thích lạ, Ngai đến vuốt ve ngắm nghía. Từ đấy nhà Vua thường hay chăm sóc đến luôn. Hoàng thái Hậu thấy thế không bằng lòng, bà lo sợ một ngày kia nhà Vua sẽ thấu rõ hành động tàn ác của bà thì nguy. Nghĩ thế bà bèn lập mưu để đồn phước cái cây quái ác kia. Một hôm bà nhủ với Vua rằng :

— Con ôi, ngày nay mẹ đã già yếu mẹ không còn thiết gì hơn nữa, mẹ chỉ xin con một điều giản - dị nhưng không biết con có bằng lòng chăng ?

Nhà Vua vốn là người con có hiếu với mẹ, nên khi nghe bà nói thế Ngai liền bảo :

— Việc chi mẹ cứ nói, dù cho có khó khăn đến đâu, mà làm vui lòng mẹ là con không từ nan.

Bà Hoàng thái hậu sâu hiểm kia khế mỉm cười nói :

— Mẹ muốn con cho người ra đốn cái cây mới mọc trong vườn ngự uyển đóng cho mẹ một

chiếc giường để mẹ nằm nghỉ khi đau yếu. Được vậy thì mẹ mới vui mà sống với con, nếu không thì..... mẹ sẽ chết mất con ạ !

Nhà Vua tuy trong lòng rất tiếc thương cây ấy song Ngai cũng chiu lòng mẹ cho người đi đốn vào làm thành một chiếc giường tuyệt đẹp. Hoàng thái Hậu rất đôi vui mừng. Nhưng không thay ! Đêm đêm khi nằm lên

chiếc giường ấy thì bà lại trần-trọc thâu đêm không hề ngủ được. Trong đêm trường canh-vắng tai lại nghe vàng-vàng tếng thỏ thẻ của tấm ván nói bên tai.

— Nội ơi ! Sao nội nằm lên mình cháu đau quá !

Hoàng thái Hậu nghe xong lạnh toát cả

người, mồ hôi ra như tắm, bà mong cho đêm chóng tàn để sáng ra bà sẽ thủ tiêu chiếc giường quái ác kia. Thế rồi hôm sau bà lại nói với Vua :

— Con ạ, chiếc giường kia tuy đẹp thật, song làm bằng cây cứng cát mẹ nằm không quen, thấy đau mình lắm, vậy tốt hơn con nên đem đốt nó đi.



Nhà Vua tin lời mẹ, truyền quân lính khiêng chiếc giường ra sân phóng hỏa. Hoàng thái hậu rất hài lòng đứng nhìn chiếc giường cháy gần hết rồi mỉm cười. Nhưng khi ngọn lửa sắp tàn, trên đống tro chỉ còn le lói một ngọn lửa yếu đuối bỗng vụt sáng loé lên và biến thành hình một con chiên có bộ lông vàng ánh. Con vật đứng nhìn nhà Vua với đôi mắt hiền lành như van lơn cầu mong ngài che chở. Nhà Vua rất đôi kính ngạc, nhưng ngài lại có cảm tình với con vật hiền lành xin đẹp ấy ngay, bèn truyền lệnh cho nội giám săn sóc và nuôi nấng thật chu đáo. Thấy thế Hoàng thái Hậu lại càng bức tức, bà biết rằng đó là di tích của nàng Công Chúa tóc vàng vẫn còn quanh quẩn trong cung. Bà lại nghĩ mưu kế, bà rên rỉ, khóc lóc với nhà Vua rằng bà bị bệnh rất nặng, muốn được thuyền giã nhanh chóng chỉ còn có cách làm thịt con chiên kia, bỏ vào lò quay cho thật ngon để bà ăn là khỏi bệnh. Hoàng Đế nghe thế cảm lòng không đậu, liền tuân theo lời Mẫu Hậu, mặc dầu Ngai rất thương tiếc con vật hiền lành kia. Thế rồi con chiên bị đem đi làm thịt, một viên nội giám đem bộ lông bằng vàng ra sông rửa cho sạch sẽ. Viên nội giám vừa nhúng xuống nước thì bộ lông vụt rời khỏi tay và rớt xuống dòng sông trong đàng chảy xiết.

Lúc ấy có một ngư phủ đánh

cá về bỗng thấy trên đợt sóng nhấp nhô có vật gì óng ánh bèn bơi thuyền đến vớt lên và bỏ vào hộp đem về. Đến nhà Ông mở hộp ra để khoe với vợ, bỗng ông kinh ngạc về bộ lông vàng lúc này lại biến thành một đũa bé gái xinh xắn với mái tóc bằng vàng óng ả, đang nằm thiêm thiếp trong hộp kia. Hai vợ chồng rất đôi mừng rỡ, vì rất hiếm hoi nên nhận đũa bé kia làm con và quý mến như con ruột. Hằng ngày đũa bé giúp cha mẹ trong công việc đánh cá hay đùa bỡn với con chó can đảm và trung thành của Ông.

Ngày tháng lặng lẽ trôi qua, đũa bé đã trở thành một cô thiếu nữ cực kỳ xinh đẹp, thêm vào đó nàng lại đàn hay hát giỏi thế nên tuy sống trong túp lều tranh nghèo khó, song người ta vẫn thấy ở nàng có bí ẩn những cử chỉ phong lưu đài các. Một hôm nhân thấy cha mẹ vui vẻ, nàng liền đến thưa rằng :

— Thưa ba, má, con nghe người ta bảo ở kinh thành có hội hoa đăng vui lắm, ba má cho phép con lên đấy xem nhé.

— Con là gái mà đi một mình trên đường xa lạ như thế không tiện đâu con ạ.

— Ba, má đừng lo, con sẽ giả dạng là một người ăn xin dơ dáy thì không ai để ý cả.

Mặc dầu thương con, không muốn rời nàng một bước, song

trước ý định quả quyết của con. Hai vợ chồng người đánh cá phải chịu theo ý nàng.

Ngày lên đường đã đến nàng ngậm-ngùi từ-giã cha mẹ rồi mặc y phục rách rưới, và mang theo bên mình một cây đàn cũ kỹ, đầu đội nón che kín mái tóc bằng vàng. Để được chắc ý hơn cha mẹ nuôi nàng cho con chó theo để hộ vệ nàng trên bước đường xa lạ.

Trên con đường về kinh thành xa tấp người và vật đã thấm mệt, tiền lộ phí của cha mẹ nàng gói theo cho nay đã hết. Chung quanh người ta đông đúc nhưng chẳng ai đoái trông đến một người ăn xin dơ bẩn như nàng. Một hôm trời đã ngã về chiều, nàng bần khổ không biết đêm nay ngủ nơi đâu. Đánh bạo nàng đến gần một người lính đang đứng gác cung điện nhà vua để xin ngủ nhờ nhưng trông thấy nàng dơ bẩn nên người lính bèn đuổi đi. May thay, lúc ấy Hoàng đế đang dạo mát trong vườn ngự uyển thấy thế động lòng trắc ẩn bèn

truyền nội giám rước vô đền, đãi một bữa cơm thịnh soạn xong nhà Vua vời cô bé đến trước bệ rồng để thử tài xướng hát. Cô bé bắt đầu đàn và cất giọng ca lúc bổng lúc trầm, nỉ non, thánh thót như oán than như trách móc, nàng kể lại nỗi gian khổ của mình sau bao năm trời lận đận và nỗi đau đớn của mẹ hiền trong chốn thâm cung lạnh lẽo. Nhà Vua ngồi nghe ngáy ngất không cầm giọt lệ. Ca xong nàng bỏ mũ xuống, những lọn tóc tơ vàng ánh buông tỏa trên vai. Nhà Vua hiểu ra, đâm sầm lại ôm lấy con nghẹn ngào :

— Ôi ! con yêu quý của ta lại đến nông-nỗi này ư ?...

Liên khi ấy vua truyền lệnh bắt Hoàng thái Hậu đem đi thiêu sống. Ngài sung sướng dắt con xuống tận lãnh cung để rước Hoàng hậu đang buồn đau khóc hận nơi thâm cung.

Cuộc sum họp bất ngờ khiến cho mọi người mừng mừng, tủi tủi, xúc động can tràng, hai hàng lệ nóng chảy dài trên gò má.

### \* KHÔNG TỬ ĐỜI NAY

Vào một buổi trưa nắng gắt, một đứa bé cứ mãi theo sát sau một bà tướng tá lớn người. Bà nó thấy rất khó chịu. Sau rốt, bực.bội quá, bà liền xẩy lại và hỏi thằng bé :

— Mày làm gì theo tao mãi vậy ? Mày muốn tao kêu lính bắt mày không ?

Thằng bé nài xin :

— Xin bà đừng làm như vậy tội nghiệp em. Bà hãy nghỉ coi, ở đường này, chỉ có sau lưng bà mới có bóng mát mà thôi !



◎ \* \* ☆ BA TÈO ☆ \* \* ◎

(Xem Phê.Thông từ bộ mới, số 3)

\* của Trần-văn-Hồng.

180 Nguyễn-văn-Sám. Sài Gòn.

2280. — Cha chài mẹ lừa con cầu,  
Thằng rề đóng dái con dâu đi mò.

2281. — Con ơi ! Ở lại với bà,  
Má đi làm mắm tháng ba má về.

Má về có mắm con ăn,  
Có khô con nướng có em con  
bồng.

2282. — Bồng em đi dạo vườn cà,  
Cà non chắm mắm, cà già làm  
dưa.

Làm dưa ba bữa chưa chua,  
Chị kia xách đĩa lại mua ba liền.

Ba tiền mắc lắm chị ơi,  
Cho thêm miếng nữa cho vừa  
bữa ăn.

2283. — Thương trò may áo cho trò

Thiếu bâu thiếu vật thiếu hờ trò  
ơi !

2284. — Thương em chẳng dám  
vô nhà.

Đi ngang qua ngõ, hỏi gà bán  
không.

2285. — Cúc mọc bờ ao, gọi là  
cúc thủy,

Sài Gòn xa chợ Mỹ đầu xa.  
Anh đi dâu cũng ghé lại nhà,

Trước thăm phụ mẫu sau là thăm  
em.

2286. — Tiếc công vạch lỗ chun  
vào,

Thăm không dặng bâu, hàng rào  
nó cào trầy lưng.

2287. — Tiếc công súc tép nuôi cò,  
Mai sau cò lớn cò dò cò bay.

2288. — Trồng trầu trồng lộn với  
tiêu,  
Con theo hát bội mẹ liêu con hư.  
2289. — Không chồng đi dọc đi  
ngang,  
Có chồng cứ thẳng một đường mà  
đi.  
2290. — Giận chồng xách gói ra  
đi,  
Chồng theo năn nỉ từ từ trở về.

\* của Nguyễn Văn Nghị,  
36 3 Lý Thường Kiệt, Huế.

2291. — Đói lòng ăn một bát sim  
Uống một bát nước đi tìm bạn  
quen.  
2292. — Chàng ơi ! phụ Thiếp  
làm chi,  
Thiếp là cơm nguội để khi đói  
lòng.  
2293. — Cách sống nên phải lụy  
đồ,  
Tối trời nên phải lụy o bán dầu.  
2294. — Khi nào triêng (1) nặng  
ảnh chờ.  
Qua trường anh đợi bây giờ nghe  
ai.  
2295. — Mẹ cha chi rứa mẹ cha  
Nơi gần không gần, nơi xa đem  
vào.  
2296. — Đêm khuya Thiếp mới  
hỏi chàng,  
Tre non khảm là đan sàng được  
không?  
— Thiếp hỏi thì chàng xin thưa:  
Tre non thẳng là đan chưa được  
sàng.  
2297. — Trời nắng mưa, (thì)  
giếng nắng đầy,  
Anh nắng đi lại mẹ thầy nắng  
thương.  
2298. — Lên non nghe một tiếng  
còi,

Thương con nhớ vợ, quan đòi  
phải đi.  
2299. — Ra về không dứt mà về,  
Bỏ non, bỏ nước, bỏ lời thề cho  
ai  
2300. — Thôi thôi xếp sách ra về  
Học-hành chi nữa chúng chê bạn  
cười.  
Bạn cười thì mặc bạn cười,  
Tháng năm đi cưới tháng mười  
có con.

2301. — Năm nay con gái hôn hào,  
Trai chưa làm rẫy, gái đã vào làm  
dâu.

2302. — Bao giờ đá nổi, rong chìm,  
Muối chua, chanh mặn mới tìm  
đặng em.

2303. — Ba phen tàu thổi cả ba,  
Phen này hồi nữa lên chùa đi tu.  
Lên chùa thấy Phật muốn tu,  
Về nhà thấy mẹ công phu chưa  
đền.

2304. — Khi vui non nước cũng vui,  
Khi buồn sáo thổi đàn đôi cũng  
buồn.

2305. — Cầm vàng mà lợi qua  
sông,  
Vàng trôi không tiếc, tiếc công  
cầm vàng.

2306. — Ra về anh chẳng cho về,  
Cầm tay kéo lại xin để câu thơ.

\* của Trần Quốc Đào.

2307. — Sáng mưa, trưa nắng,  
chiều nồm,  
Trời còn thay đổi, hưởng nồm  
thể gian.

2308. — Thân em như miếng cau  
khô,  
Kẻ thanh ưa mỏng, kẻ thô ưa  
dầy.

(Còn tiếp)

TIN-TỨC

VĂN-HÓA

\* BA TEO

QUỐC-TẾ

- \* MỸ. — Cô đào chớp bóng Mỹ, MARYLIN MONROË, vợ Văn-sĩ ARTHUR MILLER, có chửa đã bảy tháng, vừa mới sảy thai. Năm ngoái, cô ấy cũng bị sảy thai một lần rồi. Có lẽ tại cô ưa nháy quá chớ gì, há cô ?
- \* NGA-SÔ. — Văn-sĩ trú-danh Nga-sô TSHEICHWILI, được giải thưởng STALINE, tháng rồi trốn sang Tây Đức, vừa tuyên-bố quyết-định ở luôn bên Thế-giới Tự-do để tiếp-tục viết văn, không về Nga-sô nữa. Ủa ! Vạy chớ ở Mốt-Cu không tự-do sao, văn-sĩ !
- \* PHÁP. — Hai Nữ-sĩ « thân-đồng » mới của Pháp : Cô bé ANNE LAURENT, 14 tuổi, mới xuất bản quyền tiểu thuyết « LA FEUILLERAIE », và cậu JEAN LINNEMAR, xuất bản quyền « JOURS DE PLUIE », ở Paris. Xin mét hai cô cậu này cho chị Diệu Huyền để thêm trong mục Minh-oi !
- \* ÚC. — Vừa rồi bên Úc có châu-chấu phá hại mùa-màn rất nhiều. Muốn trừ loại ấy, CÁC BÁO Ở ÚC CỒ-ĐỘNG DÂN CHÚNG NÊN BẮT CHẤU CHẤU NUỐNG ĂN. Hoan-hô ! Thịt châu-chấu !
- \* ẤN-ĐỘ. — DOM MORAES, một Thi-sĩ Ấn-độ mới 19 tuổi, vừa được giải thưởng văn chương Hawthornden lớn nhất của Anh quốc. Lại một Thần-đồng nữa ! Loạn Thần-đồng, há cô Françoise Sagan !
- \* NGA. — Thứ sáu 2-1-1959, hồi 16g57 G. M. T. (giờ quốc-tế) Nga-sô đã phóng « Vệ-tinh nguyên-tử » bay chung quanh mặt trời. Ngày 14-1-59, Vệ-tinh còn cách xa mặt trời 146.400.000 cây-sô, sẽ bay luôn trong 15 tháng, và sẽ tan ở đường quỹ-đạo của nó chung quanh mặt trời, chớ không rớt xuống quá đất. Nhưng hôm nay Vệ-tinh ấy đã im hơi tắt tiếng rồi. Nitchevo, Comrad Krutchev !
- \* ANH. — Ông WINSTON CHURCHILL, nguyên Thủ-tướng Anh, vừa là Họa-sĩ và Văn-sĩ, hiện đang viết chuyện phim cho hãng phim Korda. Chắc cụ viết chuyện « Lịch-sử điều xi-gà » hèo Cụ ?
- \* TRUNG HOA. — Nữ sĩ LIÊN SAN hồi năm 1956 đã từ Hương Cảng đi vào lục địa nay lại vừa vỡ mộng trở về với thế giới tự do. Tới Hương Cảng Nữ-sĩ tuyên bố :  
« Mỗi khi nghĩ tới miền lục địa Trung Hoa, tôi không thể nào ngăn nổi niềm đau khổ và hối hận. Khi tôi mới bắt đầu cuộc phiêu lưu mạo hiểm vào lục địa Trung Hoa lòng tôi thật xôn xao náo nức tràn ngập bao hy vọng và mơ mộng rất nhiều tới tương lai tưởng nó huy hoàng rực rỡ lắm, bây giờ trở về đây thì tôi chỉ còn u buồn, mộng đẹp đã tan, thực tế thật phũ phàng vậy ôi ! » Nữ-sĩ Liên San định viết một cuốn sách tựa là « Bắc-Bình u-uất ». BẮC-Bình hay BẮT bình ? và cái gì mà « u » dữ vậy, há Nữ-sĩ Liên-San ?

# ĐÁP BẠN

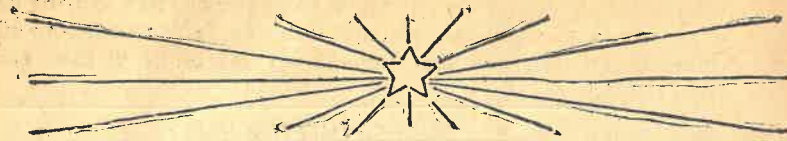
## B Ồ N PHƯƠNG



- \* Ông Lương-Nguyên (Sở trà Lê-xuân-Sanh, Blao). — Những nhận-xét của ông về « nguyên-tử muối » rất đúng. Chúng tôi hoàn-toàn đồng-ý :  
1) Phần nhỏ nhất của muối, đường v. v... là phân-tử (molécule).  
2) Nguyên-tử là phần nhỏ nhất tồn-tại trong trạng-thái kết-hợp : Cl, Na trong muối, H, O trong nước, v. v...
- \* Nguyễn-minh-Ngọc (238 /134, Nguyễn-tri-Phương — Chợ Lớn) ;  
Thành-thật cảm ơn thư bạn. Bạn cố-gắng sẽ thành-công. Tôi sẵn-sàng lựa đăng những bài có giá-trị nhất. Thân-mến.
- \* Bạn Nguyễn-phúc-Anh (Phủ Tổng-Thống Saigon) : — Xin bạn gửi cho vài chuyện ngắn khác hấp dẫn hơn.
- \* Bà Nguyễn-văn-Lê —  
Đã nhận được « Một chuyện tình qua ca-dao ». Thành thật cảm ơn Bà. Rất tiếc không đăng được.
- \* Ông Hoàng (Yên-Đồ Saigon) :  
Tập chí PHỒ-THÔNG không có mục « Tìm việc làm ». Mong ông thông cảm cho.
- \* Trung-ủy Nguyễn-văn-Vũ :  
Đã nhận được các bài thơ của Ông. Chúng tôi đang xem.
- \* Một bạn quán nhân (K.b.c. : 3047) :  
Tập chí Phồ-Thông khác với tuần báo Bông Lúa nên mục « Nhịp cầu thông cảm » không thể đem qua « Phồ Thông » được. Thành thực cảm ơn mỹ ý của ông bạn.

- \* Hạ-sĩ Đỗ An — Phông 3 (K.b.c. 4109) :  
Chúng tôi rất đồng ý với những lời trong thư của bạn. Nhưng Bà Thu-Vân là phụ nữ, thi bao giờ tình cảm của người phụ-nữ cũng tế nhị hơn của đàn ông. Vì vậy mà họ dễ bị cảm xúc đến rơi lệ.
- \* Ông Hoàng-hữu-Pha (Giáo Sư Quốc Học Huế) :  
Đây, địa chỉ của Ông Trần Đỗ : 166/18 Lý Thái Tổ — Cholon  
Hay : Hộp thư số 459 — Saigon
- \* Bạn Trần-Quốc (Huế) ;  
1) Bị « Mộc đê », là tại vì tâm-thần bất định, bị một ám ảnh gì nặng nề trong trí óc hoặc bị giường cứng không nệm v. v... chứ không phải bị « ma đê ».  
2) Ban đêm trời tối thấy ngoài đồng những ánh sáng đỏ bay cách mặt đất đó cũng không phải là « ma » mà là Lân-tinh, (phosphore) thường màu nó sáng xanh, ở dưới đất chiếu lên thành hơi (vapeur phosphorescente).
- \* Bạn Võ-minh-Quán (Đà Nẵng) ;  
Chúng tôi không biết thân thế và sự nghiệp của bà Tú-Hoa nào mà bạn hỏi đó, nên rất tiếc không giúp bạn được.
- \* Bạn Nguyễn-hữu-Phước (Số 1/A, Trần nhật Duật, Tân Định) :  
Bài của Bạn đưa đến tòa soạn, rất tiếc không đăng được. Mong bạn cho những sáng-tác mới, đặc-sắc hơn. Thân mến.
- \* Ông Trần-văn-Việt (Cai lậy) :  
1) Kỹ Con là tên một nhà cách-mạng, đồng-chí của Nguyễn-Thái Học, trong V. N. Q. D. Đ, tên thật là Đoàn-trần-Nghiệp.  
2) Quốc-Kỳ của Việt-Nam Cộng-Hòa hiện giờ, đã có từ ngày 5 tháng 6, 1948 tại Vịnh Hạ-Long, lần đầu tiên trong cuộc hội-kiến giữa Bảo-Đại, Bollaert và Nguyễn văn Xuân.
- \* Bạn Võ-công-Minh (Hòa Long — Phước Tuy) :  
Đã nhận được bài của bạn. Rất tiếc không thể đăng được.
- \* Bạn Thế Khanh (Nha-trang) :  
Bài bạn đã nhận được. Đang xem.





# PHỔ-THÔNG, SỐ 6 XUÂN

sẽ ra ngày 1-2-59 (24 tháng Chạp ta)

SỐ ĐẶC BIỆT

## XUÂN VĂN HÓA

- Hoa Trương-tư trong vườn Thơ Xuân Âu-Mỹ NGUYỄN-VỸ
- Xuân về với Thi-nhân Á-đông . . . . . PHẠM CÔNG-THIỆN
- Chuyện vui Lịch-sử. . . . . TRÚC-LÂM
- Điều-Thuyền. . . . . TRẦN-TƯỚNG-NIỆM
- Mình ơi! Nói chuyện Con Heo cho em nghe! DIỆU-HUYỀN
- Tôi còn nợ Nhất Linh 5\$. . . . . NGUYỄN-VỸ
- Xuân trong lòng thiếu-nữ . . . . . BẠCH-YẾN

v.v... Gần 40 bài chọn lọc.  
180 trang — Bìa tuyệt đẹp

Tặng riêng các Bạn Nữ Độc-giả một bản  
**LỊCH HỒNG**

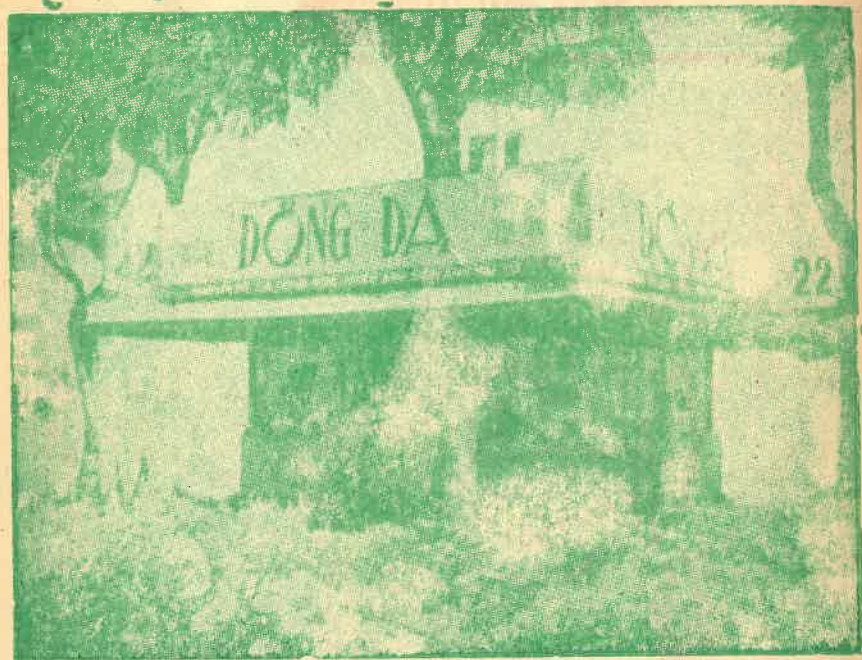
ghi rõ những ngày nào thụ-thai và những ngày  
nào không thụ-thai trong mỗi tháng



**Dân-Ta**

**ĐÃ PHÁT-HÀNH**  
MÀM 1967

★ Một địa-chỉ tín nhiệm mà quý vị muốn có những  
tấm chân-dung nghệ-thuật



# DÔNG DA

Quán 22 - 24

NGUYỄN-HUY

SAIGON

- ★ Một nơi đáng tin-cậy của  
quý bạn nhiếp ảnh tài-tử  
muốn tráng phim, in, rọi  
hình đủ loại.
- ★ Một địa điểm triển-lãm  
thường trực những tác-  
phẩm nhiếp ảnh chọn lọc.
- ★ Một nơi đầy đủ chuyên viên  
lành nghề đề quay phim  
và chụp hình tại nhà.



*Mao Ten! chỉ một ly thôi.  
Ám lòng lên cả lương đời về tình  
... là thời khắc tình.*

# CÓ MÃY LOẠI THUỐC BỔ?

## BỔ TRẺ CON

Cơ tích, bụng lớn nổi gân xanh đỏ mờ hơi  
đầu, ăn uống chậm tiêu, hãy uống NHI KHOA  
BÁ BỔ HOÀN, trẻ em sẽ được mập mạnh  
màu lớn.

Giá 30 \$ 00.

## BỔ THANH-NIÊN

Thận suy, đau lưng nhức mỏi, mộng mị  
đi tinh, sức lực suy nhược, hãy uống TAM  
TINH HẢI CẦU BỔ THẬN HOÀN không hái  
yêu đời.

Giá 32 \$ 50.

## BỔ TRUNG-NIÊN

Vì quá lao tâm lao lực, đau lưng, ngực  
rang, đầu váng, bồn thần mệt nhọc, ít ngủ,  
đái đêm, phòng sự yếu, hãy uống SÂM  
NHUNG DƯƠNG TÂM BỔ THẬN HOÀN  
sẽ được như ý.

Giá 39 \$ 00

## BỔ LÃO

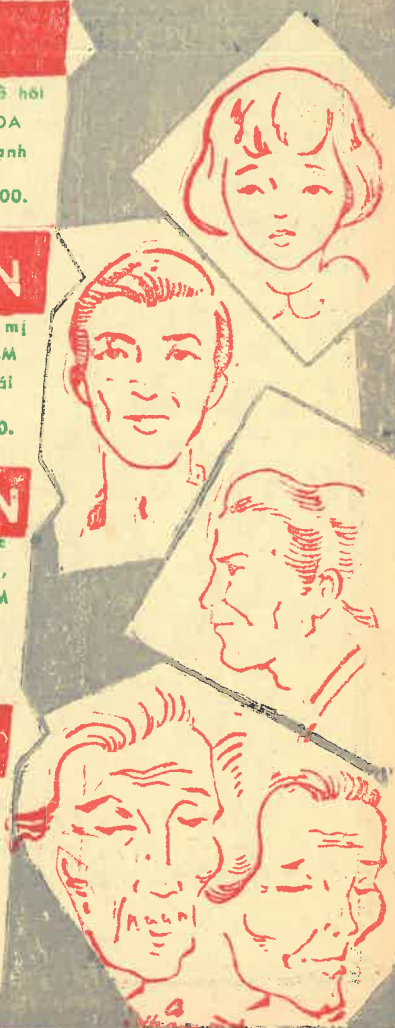
Các cơ lưng mỏi, gối đau, khí huyết  
suy kém, tỳ vị hư nhược, ít ăn ít ngủ,  
uống thuốc DIỄN LINH ÍCH THỌ HOÀN, sẽ  
được tỏ tai sáng mắt, sống lâu thêm tuổi.

Giá 39 \$ 00

**NHÀ THUỐC VÕ VĂN VÂN**

201-211, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học

SAIGON



## ĐỀ BỔ PHỔI, TRỊ HO

DÙNG THUỐC CAO HO:

## QUẢNG-AN-TIÊN

Lành ho, mát phổi, thông đàm. Cực kỳ  
công hiệu với bệnh: Ho lao. Ho sút huyết.  
Ho sản hậu. (Có bán khắp nơi) và tại nhà  
thuốc:

## QUẢNG-AN-HÒA

169, Lê-văn-Duyệt (Chợ Đũi) — SAIGON

Tại đây, Đông-y-Sĩ LÝ-TRÁC xem mạch mỗi ngày.

Chuyên trị các bệnh của Nam phụ lão ấu.

Đề trị tất cả các chứng lao lực, lao tâm,  
thiếu máu, kém ăn, ít ngủ chỉ có:

## ĐẠI BỔ NGŨ TẠNG-TINH LA-VẠN-LINH

Dùng vài ngày dù thấy dứt mệt, hết nhức mỏi  
đau lưng, được ăn ngon ngủ yên. Một hiệu thuốc  
trị lành bệnh di-tinh của thanh niên, bổ huyết điều  
kinh cho phụ nữ, bảo vệ sức khỏe cho trẻ em học  
sinh có hiệu quả lạ. Ai dùng qua cũng đều vừa ý  
(có đề bán khắp nơi).

Dùng Dầu LA-VẠN-LINH đề ngừa và trị:  
nhức đầu, đau bụng, cảm, sởi mũi, Mùi thơm,  
địu — (có bán khắp nơi).

Bộ Sách thu góp những tinh hoa của nền Văn Học Việt Nam. Suu tầm và tuyển chọn công phu đã hơn một năm trời. Nay sắp xuất bản:

# TINH HOA TUYỂN TẬP

do TRẦN-QUỐC-BẢO biên tập

精  
華

TRÍCH TỰA

..... Lịch sử văn học bắt đầu ghi lại sự phát triển tập bực này. Đó là một bước tiến dài, quá dài khiến cho con cháu chúng ta sau này chắc sẽ phải ngạc nhiên khi ngó lại quá trình Văn học của những thế hệ cũ. Cho nên khu vườn văn chương Việt-Nam đến nay đã có thêm nhiều đóa hoa thơm ngát mới lạ bên những đóa hoa cũ điển cố hữu. Mỗi khi bước vào khu vườn đầy hương sắc này những người yêu mến văn chương không thể không cảm thấy lòng mình xáo xao vì bao niềm rung động, bao nỗi xúc cảm.

Chúng tôi cũng là kẻ sung sướng và tự hào mỗi khi vào du ngoạn trong khu vườn đó.

Giữa ngàn hoa tươi thắm mịn-màng, chúng tôi sẽ lần lượt lựa chọn rồi thu góp những đóa hoa kiều diễm, khả ái và thơm tho hơn cả; thành từng bó để gửi đến các bạn bốn phương.

Phải chăng đây là những kỷ niệm của một thời-đại văn học chừng 60 năm nay mà chúng ta có thể gọi một cách tự hào là thời đại hoàng kim của tư-tưởng.

.....

選  
輯

## ĐỂ CÓ ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

VỀ NHỮNG BÀI LUẬN ĐỀ VĂN-CHƯƠNG, CÁC BẠN HỌC SINH CÓ THỂ TIN CHẮC Ở GIÁ TRỊ NHỮNG TÁC-PHẨM CỦA NHÀ BẠN TRẺ

với sự hợp-tác

của các giáo sư Việt-văn

HỒ - VIỆT - ĐIỀU - QUỐC-ÁN -

KIÊM-ĐẠT, v. v. . . .

Quyển thứ 10  
trong tủ sách  
luận đề văn chương:

Luận đề về PHẠM - QUỲNH và NGUYỄN - VĂN - VĨNH  
của Giáo-sư Kiêm-Đạt

BẠN-TRẺ xuất-bản - NAM - CƯỜNG phát hành

VĂN-ĐỀ  
SINH-LÝ?!

Một vấn-đề quan-thiết mà nam-nữ thanh  
chúng ta đang cần tìm hiểu để nhận định rõ:

- Quan-niệm về ái-tình và hôn-nhân
- Những định luật về sinh-lý, v.v...

đã được giải đáp rõ rệt trong quyển

ÁI TÌNH THỰC NGHIỆM

của V. N. HOÀNG soạn

Nhà xuất bản BẠN-TRẺ in lần II

ĐỌC ĐỀ NGHIÊN CỨU, ĐỀ THÁU ĐÁO VÀ ĐỀ TỰ HƯƠNG DẪN  
TRONG NẾP SỐNG SINH-LÝ

ÁI TÌNH THỰC NGHIỆM

Quyển thứ 2 trong loại sách Y-Học PHỔ-THÔNG đã  
được nhiều cảm tình của độc giả.

Có bán ở khắp các hiệu sách và nơi

TỔNG PHÁT HÀNH NAM-CƯỜNG



## XIN CÁC BẠN LƯU Ý

- ★ Bài vở, tranh ảnh đề in bìa, và tất cả thư từ thuộc về tòa soạn, xin gửi thẳng đến Ông Giám-đốc, Chủ-bút tạp chí **PHỔ-THÔNG**.
- ★ Tạp chí gửi đến các bạn ở xa mà bị thất-lạc, hoặc nhận trễ, xin biên thư rõ-ràng cho chúng tôi biết, để chuyển-đạt thư khiếu-nại lên sở Bru-diện và tiện việc điều tra.
- ★ Bài của các bạn gửi đến tòa soạn nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.

### ĐỀ KHỎI THIẾU TOÀN BỘ :

- ★ Bạn đọc và các Đại-lý, ai có thiếu các số 1, 2, 3. Xin viết thư về nhà Tổng phát-hành **NAM-CƯỜNG** số 185 Nguyễn-thái-Học Sài-gòn, sẽ gửi đến các Bạn. (3 số này đã tái bản).

Đa tạ

**PHỔ-THÔNG** tạp chí

227, Phạm-ngũ-Lão, Saigon — Đ. T. Saigon 558

### ĐỔI PHỔ-THÔNG CŨ, LẤY PHỔ-THÔNG MỚI

Bạn nào còn giữ **Phổ-Thông** cũ, Bộ I và II, các số sau đây :

**1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 12, 15**

và muốn đổi lấy **Phổ-Thông** mới, xin gửi về tòa soạn (cần phải nguyên vẹn, đừng mất bìa hoặc các trang ruột) một quyền **Phổ-Thông** cũ đổi lấy một quyền **Phổ Thông** mới.

Thành thực cảm ơn các bạn.

NGUYỄN-VỸ

In tại Nhà in **TÔN-THẤT-LỄ**, 42-46, đường Pasteur, Saigon  
Kiểm-duyet số 12/HĐKD ngày 10-1-59.

Tổng phát hành : **Nam-Cường 185, Nguyễn-thái-Học — Saigon**